



BE VIETNAM WISE · KINH DOANH TẠI VIỆT NAM

Cẩm nang pháp lý cho nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam

Chương 11/11

Nông nghiệp

Năm 2025, nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 11,64% GDP của Việt Nam và đạt kim ngạch xuất khẩu kỷ lục 70,09 tỷ USD; trồng trọt, rau quả, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến đều cho phép nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn. Điều hạn chế nhà đầu tư nước ngoài không nằm nhiều ở tiếp cận thị trường mà ở đất đai, vì doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng đất từ nông dân, và ở một hệ thống pháp luật được sửa đổi liên tiếp trong thời gian ngắn: Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung các luật về trồng trọt, chăn nuôi, thú y và thủy sản từ ngày 01/01/2026, Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 được áp dụng từ ngày 01/7/2026, hoạt động xuất khẩu gạo chuyển sang điều chỉnh theo Nghị định số 365/2026/NĐ-CP từ ngày 01/10/2026, và một luật sửa đổi khác có hiệu lực từ ngày 01/01/2027. Chương này giải thích, cho cả nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam, các quy định về đất đai, vật tư đầu vào, trang trại, chế biến và xuất khẩu theo tình trạng pháp luật tại ngày 16/10/2026.

Rà soát ngày 16/10/2026. Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam.

Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý. Thuế suất, ngưỡng và thủ tục có thể thay đổi: trước khi hành động, hãy xác nhận mọi vấn đề quan trọng với cơ quan có thẩm quyền hoặc luật sư được phép hành nghề tại Việt Nam. Bản tiếng Việt được dịch từ bản tiếng Anh; chỉ văn bản pháp luật gốc bằng tiếng Việt mới có giá trị pháp lý.

Đọc trực tuyến, có cập nhật, liên kết và Lawbot: <https://bewiseapps.com/kinh-doanh-tai-viet-nam/nong-nghiep/>

© Be Wise Apps

Mục lục

11 Tổng quan chương

11.1 Khung pháp lý về nông nghiệp và các cơ quan quản lý

11.2 Ưu đãi đầu tư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

11.3 Đất nông nghiệp và tích tụ đất đai

11.4 Giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật

11.5 Ngành rau quả: trái cây, rau và hoa

11.6 Xuất khẩu gạo, cà phê và các nông sản chủ lực

11.7 Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và thú y

11.8 Chế biến nông sản, an toàn thực phẩm, hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng

Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý. Thuế suất, ngưỡng và thủ tục có thể thay đổi: trước khi hành động, hãy xác nhận mọi vấn đề quan trọng với cơ quan có thẩm quyền hoặc luật sư được phép hành nghề tại Việt Nam. Bản tiếng Việt được dịch từ bản tiếng Anh; chỉ văn bản pháp luật gốc bằng tiếng Việt mới có giá trị pháp lý.

Nông nghiệp

Rà soát ngày 16/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · Cách chúng tôi kiểm tra (tiếng Anh) · Mở trong ứng dụng

TÓM LƯỢC

Văn bản pháp luật điều chỉnh

- [Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14](#), [Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14](#), [Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13](#), [Luật Thú y số 79/2015/QH13](#), [Luật Thủy sản số 18/2017/QH14](#), [Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14](#) và [Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12](#)
- [Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường \(từ ngày 01/01/2026\); một luật khác sửa đổi, bổ sung mười luật, được thông qua vào tháng 8/2026, áp dụng từ ngày 01/01/2027](#)
- [Luật Đầu tư số 143/2025/QH15](#), các Điều 7, 8 và 24, cùng Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP (tiếp cận thị trường); [Luật Đất đai số 31/2024/QH15](#) cùng các Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và số 112/2024/NĐ-CP
- [Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15](#), được sửa đổi, bổ sung bởi [Luật số 149/2025/QH15](#); [Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15](#), Điều 4 và các Điều từ 12 đến 14; [Nghị định số 57/2018/NĐ-CP](#) về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp
- [Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 \(từ ngày 01/7/2026\)](#), cùng [Nghị định số 260/2026/NĐ-CP](#) và [Nghị định số 263/2026/NĐ-CP](#) về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
- [Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026](#) về mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói, được áp dụng từ ngày 31/7/2026 cùng với [Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP](#)
- [Nghị định số 365/2026/NĐ-CP ngày 23/9/2026](#) về kinh doanh xuất khẩu, nhập

Cơ quan làm việc

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (MAE), từ ngày 01/3/2025: cơ quan quản lý nhà nước cấp trung ương về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi và chất lượng nông sản, đồng thời quản lý đất đai và bảo vệ môi trường
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường): công nhận lưu hành giống cây trồng, công nhận phân bón, đăng ký và ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, nghị định thư xuất khẩu, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và danh sách mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói gửi nước nhập khẩu
- Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường): giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi, thuốc thú y và kiểm dịch động vật; Cục Thủy sản và Kiểm ngư (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phụ trách nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản và kiểm ngư
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường của 34 tỉnh, thành phố: cho thuê đất của Nhà nước và chuyển mục đích sử dụng đất, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và giấy phép nhập khẩu, giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô lớn và phần lớn giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Ủy ban nhân dân cấp xã: cấp mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói từ ngày 31/7/2026, phê duyệt phương án sử dụng đất nông nghiệp của tổ chức trong nước từ ngày

[khẩu gạo \(từ ngày 01/10/2026, thay thế Nghị định số 107/2018/NĐ-CP\), cùng Thông tư số 65/2026/TT-BCT](#)

- [Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về chăn nuôi, được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số 46/2022/NĐ-CP và số 32/2026/NĐ-CP \(văn bản hợp nhất\)](#)
- [Nghị định số 15/2018/NĐ-CP về an toàn thực phẩm \(Nghị định số 46/2026/NĐ-CP bị tạm ngưng hiệu lực theo Nghị quyết số 15/2026/NQ-CP\), Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp](#)

Số liệu chính

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2025	70,09 tỷ USD, mức kỳ lục, tăng 12%
Thuế TNDN đối với thu nhập từ sản xuất nông nghiệp và chế biến	Miễn thuế, 10% hoặc 15% tùy địa bàn
Dự án mới tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Thuế TNDN 10% trong 15 năm; miễn 4 năm, giảm 50% trong 9 năm
Thời hạn thuê đất của Nhà nước đối với dự án	Tối đa 50 năm (70 năm đối với dự án có thời hạn dài hơn)
Hạn mức tích tụ đất nông nghiệp của cá nhân	15 lần hạn mức giao đất đối với mỗi loại đất
Công nhận lưu hành giống cây trồng	20 năm (cây hằng năm), 25 năm (cây lâu năm)
Mã số xuất khẩu bị tạm dừng	60 ngày để khắc phục; không được đề nghị cấp lại trong 12 tháng sau khi bị thu hồi
Khu vực biển để nuôi trồng thủy sản	Tối đa 50 năm, gia hạn thêm tối đa 20 năm

01/7/2025, và công tác thú y, kiểm soát giết mổ ở cơ sở

- Bộ Công Thương: giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy phép kinh doanh cho thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài, và an toàn thực phẩm đối với danh mục sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ
- Bộ Tài chính, thông qua Sở Tài chính cấp tỉnh, Cục Thuế và Cục Hải quan: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thuế, hải quan và thẩm định hỗ trợ theo các nghị định ưu đãi nông nghiệp
- Bộ Y tế đối với nước đóng chai, thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm và đăng ký thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Bộ Khoa học và Công nghệ và Sở Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh đối với việc công nhận công nghệ cao

Thay đổi trong giai đoạn 2025–2026

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường bắt đầu hoạt động từ ngày 01/3/2025, và từ ngày 01/7/2025 cả nước được sắp xếp lại thành 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đồng thời không tổ chức cấp huyện.
- Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường từ ngày 01/01/2026, trong đó có các luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản và lâm nghiệp, bãi bỏ một số giấy phép và chuyển nhiều thẩm quyền quyết định cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 thiết lập lại quy định về mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói, và Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP chuyển việc cấp mã số sang hình thức trực tuyến do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện từ ngày 31/7/2026.
- Nghị định số 46/2026/NĐ-CP về an toàn thực phẩm bị tạm ngưng hiệu lực, và Nghị quyết số 15/2026/NQ-CP ngày 06/4/2026 giữ nguyên hiệu lực của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP cho đến khi Luật An toàn thực phẩm sửa đổi và nghị định hướng dẫn có hiệu lực.

Thành viên nước ngoài
của hợp tác xã

**Dưới 35% số thành
viên chính thức**

- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 và chấm dứt việc cấp riêng giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các giấy chứng nhận đã cấp và ưu đãi kèm theo tiếp tục được áp dụng đến khi hết hạn.
- Nghị định số 365/2026/NĐ-CP thay thế Nghị định số 107/2018/NĐ-CP về xuất khẩu gạo từ ngày 01/10/2026, chuyển giấy chứng nhận xuất khẩu sang cơ chế tự công bố kèm hậu kiểm.
- Luật sửa đổi, bổ sung mười luật về thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được thông qua vào tháng 8/2026 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.

Đối tượng áp dụng. Luật chuyên ngành, giấy phép, quy định về chất lượng, mã số xuất khẩu và ưu đãi được áp dụng như nhau đối với nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam, và trồng trọt, rau quả, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến nông sản đều cho phép nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn. Khác biệt nằm ở tiếp cận thị trường, thủ tục và đất đai. Khai thác thủy sản trên biển tại vùng biển Việt Nam là ngành, nghề nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận, và dự án trồng rừng của nhà đầu tư nước ngoài phải được chấp thuận chủ trương đầu tư. Doanh nghiệp có trên 50% vốn nước ngoài phải có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thực hiện thủ tục như đối với nhà đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân ngoài khu công nghiệp, do đó phải dựa vào việc thuê đất của Nhà nước, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, mua lại doanh nghiệp đang có đất hoặc thuê đất của nông dân, trong khi doanh nghiệp Việt Nam còn có thể nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp theo phương án sử dụng đất nông nghiệp đã được phê duyệt. Tổng số thành viên nước ngoài của một hợp tác xã phải dưới 35% số thành viên chính thức.

Vì sao nông nghiệp cần một chương riêng

Nông nghiệp vẫn là trụ cột của nền kinh tế Việt Nam dù tỷ trọng trong tổng sản lượng đang giảm dần. Cục Thống kê ước tính khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 3,78% năm 2025, chiếm 11,64% GDP và 25,7% lao động có việc làm, và Bộ Nông nghiệp và Môi trường (MAE) công bố kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản kỷ lục 70,09 tỷ USD, cao hơn 12% so với năm 2024. Cà phê đạt 8,57 tỷ USD, rau quả 8,56 tỷ USD và thủy sản 11,32 tỷ USD; kim ngạch xuất khẩu chín tháng đầu năm 2026 đạt 56,3 tỷ USD, tăng 7,8%. Giá trị đang dịch chuyển từ nông sản thô, có nguồn thu phụ thuộc giá thế giới, sang rau quả, sản phẩm chế biến và thủy sản, những lĩnh vực mà hệ thống quản lý chất lượng và nghị định thư của nước nhập khẩu quyết định ai được bán hàng.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài, lĩnh vực này vừa đặc biệt cởi mở vừa đặc biệt nhiều ràng buộc. Trồng trọt, rau quả, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến nông, lâm, thủy sản đều cho phép nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn, và thu nhập từ sản xuất nông nghiệp và chế biến có thể được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc chịu thuế suất ưu đãi. Tuy nhiên, sản xuất vẫn chủ yếu do các hộ gia đình canh tác trên những thửa đất nhỏ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng đất của họ, và hầu hết mọi vật tư đầu vào, trang trại và lô hàng xuất khẩu đều phải qua một giấy phép, một sổ đăng ký hoặc nghị định thư của nước nhập khẩu. Chương này trình bày các quy định đó theo trình tự nhà đầu tư thường gặp, bắt đầu từ Khung pháp lý về nông nghiệp và các cơ quan quản lý.

Hệ thống luật, cơ quan quản lý và tiếp cận thị trường

Bảy luật chuyên ngành điều chỉnh lĩnh vực này: Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14, Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13, Luật Thú y số 79/2015/QH13, Luật Thủy sản số 18/2017/QH14, Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 và Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12. Mỗi luật được hướng dẫn chi tiết bằng nghị định và thông tư, và được áp dụng cùng với các luật chung về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, thuế và môi trường. Hệ thống pháp luật đang thay đổi nhanh. Luật số 146/2025/QH15, được thông qua ngày 11/12/2025, sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường từ ngày 01/01/2026, rút ngắn thời hạn giải quyết, bãi bỏ một số giấy phép và chuyển nhiều thẩm quyền quyết định cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Một luật khác sửa đổi, bổ sung mười luật về thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực này, trong đó có các luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y và thủy sản, được thông qua vào tháng 8/2026 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2027. Vì vậy, điều kiện cấp phép lấy từ một nghị định cũ luôn cần được đối chiếu với văn bản hiện hành.

Từ ngày 01/3/2025, cơ quan quản lý cấp trung ương là Bộ Nông nghiệp và Môi trường, được hình thành từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước đây, nên một bộ duy nhất hiện vừa xây dựng quy hoạch sử dụng đất mà dự án nông nghiệp phải phù hợp, vừa quản lý việc đánh giá môi trường mà dự án phải đáp ứng. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật của Bộ phụ trách giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật và nghị định thư xuất khẩu; Cục Chăn nuôi và Thú y phụ trách giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi, thuốc thú y và kiểm dịch động vật. Ở địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường của 34 tỉnh, thành phố được hình thành từ ngày 01/7/2025 cấp phần lớn giấy phép, và cấp xã đã tiếp nhận nhiều chức năng của cấp huyện trước đây. Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Y tế và Bộ Khoa học và Công nghệ cùng tham gia quản lý lĩnh vực này. Hệ thống luật, các cơ quan quản lý và hướng dẫn ra quyết định lựa chọn loại hình đầu tư được trình bày tại Khung pháp lý về nông nghiệp và các cơ quan quản lý.

Tiếp cận thị trường được xác định theo cơ chế danh mục loại trừ (chọn bỏ). Theo Điều 8 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 và Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP, khai thác thủy sản trên biển tại vùng biển Việt Nam là ngành, nghề nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận, trong khi thu mua, chế biến và xuất khẩu thủy sản vẫn được mở. Dự án trồng rừng của nhà đầu tư nước ngoài phải được chấp thuận chủ trương đầu tư, và kinh doanh giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với mọi nhà đầu tư, dù nước ngoài hay trong nước. Phần lớn doanh nghiệp nông nghiệp nước ngoài sử dụng công ty 100% vốn hoặc liên doanh với đối tác Việt Nam đang nắm giữ đất đai, giấy phép hoặc quan hệ với nông dân. Quy định chung được trình bày tại Tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và Chấp thuận chủ trương đầu tư.

Ưu đãi và đất nông nghiệp

Ưu đãi có giá trị nhất đối với nông nghiệp là ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, thu nhập từ khai thác thủy sản, và thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, rừng trồng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến nông sản, thủy sản tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được miễn thuế; cùng loại thu nhập đó chịu thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và 15% tại các địa bàn khác. Sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, trồng rừng và bảo quản sau thu hoạch chịu thuế suất 10% bất kể địa bàn, và dự án mới tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chịu thuế suất 10% trong 15 năm, được miễn thuế bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm. Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, chấm dứt việc cấp riêng giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: các giấy chứng nhận đã cấp tiếp tục được hưởng ưu đãi cho đến khi hết hạn, còn doanh nghiệp đề nghị mới, nếu đủ điều kiện, được công nhận là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao hoặc doanh nghiệp công nghệ cao Nhóm 1 hoặc Nhóm 2. Nghị định số 57/2018/NĐ-CP vẫn điều chỉnh việc miễn, giảm tiền thuê đất và hỗ trợ bằng tiền, từ miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê tại các địa bàn khó khăn nhất đến miễn 11 năm tại các địa bàn nông thôn khác, và văn bản thay thế vẫn đang ở dạng dự thảo trong năm 2026. Nông sản chưa qua chế biến do người trồng bán ra không thuộc diện chịu thuế GTGT, còn phân bón và thuốc bảo vệ thực vật chịu thuế suất 5%. Toàn bộ chính sách ưu đãi, kèm so sánh bốn địa điểm, được trình bày tại [Ưu đãi đầu tư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao](#); quy định chung về thuế được trình bày tại [Thuế thu nhập doanh nghiệp](#) và [Thuế GTGT và hóa đơn điện tử](#).

Đất đai là ràng buộc định hình phần lớn cấu trúc đầu tư nông nghiệp. Doanh nghiệp áp dụng thủ tục như đối với nhà đầu tư nước ngoài có thể thuê đất nông nghiệp của Nhà nước để thực hiện dự án đã được chấp thuận, trả tiền thuê đất hằng năm hoặc một lần cho cả thời gian thuê, có thể nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất và có thể mua lại doanh nghiệp đang nắm giữ đất nông nghiệp, nhưng không được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu công nghệ cao theo Điều 28 Luật Đất đai số 31/2024/QH15. Doanh nghiệp đó có thể thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình sản xuất nông nghiệp theo điểm d khoản 1 Điều 37, và thuê đất, hợp tác sản xuất là các phương thức tập trung đất đai được công nhận theo Điều 192. Cá nhân Việt Nam được tích tụ đất nông nghiệp tối đa 15 lần hạn mức giao đất đối với mỗi loại đất, và doanh nghiệp trong nước có thể nhận chuyển nhượng theo phương án sử dụng đất nông nghiệp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt (kể từ ngày 01/7/2025). Đất trồng lúa và rừng được bảo vệ: chuyển đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp phải được cho phép và phải nộp một khoản tiền ít nhất bằng 50% diện tích nhân với giá đất trồng lúa, còn chuyển mục đích sử dụng rừng phải có quyết định chủ trương của cấp tỉnh và nộp tiền trồng rừng thay thế. Các quy định này, kèm ví dụ minh họa một trang trại 400 héc-ta, được trình bày tại [Đất nông nghiệp và tích tụ đất đai](#), trên cơ sở các mục [Cách thức tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài](#) tiếp cận đất đai và [Tiền thuê đất, giá đất và Nghị quyết 254](#).

Vật tư trồng trọt và rau quả

Mọi loại giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật bán tại Việt Nam đều phải được phép lưu hành. Giống của loài cây trồng chính, như lúa và ngô, chỉ được sản xuất, buôn bán hoặc nhập khẩu sau khi được công nhận lưu hành, với thời hạn hiện nay là 20 năm đối với cây hằng năm và 25 năm đối với cây lâu năm, còn các giống khác được tự công bố lưu hành trên cổng thông tin của Cục. Giống cây trồng mới được bảo hộ theo Luật Sở hữu trí tuệ trong 25 năm đối với giống cây thân gỗ và cây nho, và 20 năm đối với các giống

khác. Phân bón phải có quyết định công nhận lưu hành thời hạn năm năm và việc sản xuất phân bón phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện thời hạn năm năm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, nhưng từ năm 2026 việc buôn bán phân bón không còn phải có giấy chứng nhận. Thuốc bảo vệ thực vật chỉ được sử dụng nếu có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT, đã được sửa đổi, bổ sung, trong đó cấm 31 hoạt chất, và giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn năm năm. Vật liệu nhân giống cây trồng, quả tươi và củ khoai tây, khoai lang tươi phải được phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu lần đầu, nên việc mở cửa cho một nguồn xuất xứ mới có thể mất nhiều năm. Tập đoàn nước ngoài có thể đăng ký sản phẩm thông qua văn phòng đại diện hoặc chi nhánh trong ngành, nhưng cần một doanh nghiệp Việt Nam có giấy phép kinh doanh phù hợp để nhập khẩu và phân phối. Xem [Giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật](#).

Rau quả là bộ phận tăng trưởng nhanh nhất của hoạt động xuất khẩu, và phần lớn pháp luật áp dụng là pháp luật của nước nhập khẩu. Xuất khẩu rau quả đạt mức kỷ lục 8,56 tỷ USD năm 2025, riêng sầu riêng khoảng 3,86 tỷ USD, và Trung Quốc chiếm khoảng 63% đến 64% kim ngạch. Các thị trường có nghị định thư, trước hết là Trung Quốc nhưng cả Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Úc và Nhật Bản, chỉ chấp nhận nông sản truy xuất được nguồn gốc đến mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói đã được phê duyệt. Các mã số này được điều chỉnh bởi Nghị định số 38/2026/NĐ-CP và, từ ngày 31/7/2026, bởi Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP, theo đó việc cấp mã số được chuyển sang hình thức trực tuyến do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện và yêu cầu diện tích tối thiểu 10 héc-ta được tạm dừng áp dụng. Mã số bị tạm dừng theo từng thị trường khi có vi phạm, người được cấp mã số có 60 ngày để báo cáo biện pháp khắc phục, và mã số đã bị thu hồi đối với một thị trường không được đề nghị cấp lại cho thị trường đó trong 12 tháng. Sầu riêng xuất khẩu sang Trung Quốc còn phải có kết quả kiểm nghiệm cadimi và vàng O (auramine O) từ phòng thử nghiệm được Trung Quốc công nhận, EU kiểm tra 20% số lô sầu riêng của Việt Nam, và phần lớn trái cây xuất khẩu sang Hoa Kỳ được chiếu xạ tại Việt Nam. Hoa, nhà kính, VietGAP, quy định về nông nghiệp hữu cơ và các mô hình đầu tư, kèm ví dụ minh họa về cơ sở đóng gói, được trình bày tại [Ngành rau quả: trái cây, rau và hoa](#).

Gạo, cà phê và các nông sản khác

Gạo là nông sản duy nhất có cơ chế cấp phép xuất khẩu. Từ ngày 01/10/2026, hoạt động này được điều chỉnh bởi Nghị định số 365/2026/NĐ-CP ngày 23/9/2026, thay thế Nghị định số 107/2018/NĐ-CP. Thương nhân xuất khẩu gạo thông thường, dù có vốn đầu tư nước ngoài hay là doanh nghiệp Việt Nam, phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo do Bộ Công Thương cấp, có ít nhất một kho chuyên dùng và một cơ sở xay, xát, thuộc sở hữu hoặc đi thuê, và duy trì mức dự trữ lưu thông, trong khi thương nhân xuất khẩu gạo hữu cơ, gạo đỏ và gạo bổ sung vi chất dinh dưỡng được miễn. Giấy chứng nhận đã cấp theo nghị định cũ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hết hạn, và từ ngày 01/01/2028 thương nhân xuất khẩu sẽ được xếp hạng tín nhiệm theo thang 100 điểm để làm căn cứ phân bổ hợp đồng xuất khẩu tập trung. Đề án một triệu héc-ta lúa phát thải thấp đã bao phủ khoảng 354.800 héc-ta vào tháng 3/2026, và tín chỉ các-bon từ các dự án này chỉ được chuyển giao ra nước ngoài theo Nghị định số 112/2026/NĐ-CP, thông qua hệ thống đăng ký quốc gia.

Cà phê không cần giấy phép xuất khẩu; rủi ro pháp lý chính là Quy định chống phá rừng của EU (EUDR), áp dụng đối với doanh nghiệp lớn và vừa từ ngày 30/12/2026 và đối với phần lớn doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ từ ngày 30/6/2027. Việt Nam được xếp vào nhóm rủi ro thấp, nhưng doanh nghiệp EU vẫn cần tọa độ định vị của từng thửa đất và bằng chứng sản xuất hợp pháp, nên doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam

phải bảo đảm truy xuất nguồn gốc đến tận nông hộ. Hạn ngạch gạo theo EVFTA, hồ tiêu, hạt điều, cao su, chè và sắn, các biện pháp phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ và giấy chứng nhận xuất xứ được trình bày tại Xuất khẩu gạo, cà phê và các nông sản chủ lực, còn thủ tục hải quan được trình bày tại Hải quan và thuế nhập khẩu.

Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến và liên kết sản xuất

Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và Luật Thủy sản từ ngày 01/01/2026 và chuyển nhiều thẩm quyền phê duyệt cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã. Trang trại chăn nuôi quy mô lớn phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi do cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cấp: hồ sơ được thẩm định trong 5 ngày làm việc, cơ sở được đánh giá bởi đoàn đánh giá được thành lập trong vòng 15 ngày làm việc, và giấy chứng nhận được cấp trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi đánh giá đạt yêu cầu, với chu kỳ giám sát 36 tháng một lần. Trước hết, địa điểm phải phù hợp với quyết định về mật độ chăn nuôi và khu vực không được phép chăn nuôi của tỉnh. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và thức ăn đậm đặc được tự công bố, thức ăn bổ sung phải được thẩm định trước khi công bố, và kháng sinh dùng trong thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích phòng bệnh đã bị loại bỏ trước ngày 31/12/2025. Nuôi trồng thủy sản trên biển hiện phải có kế hoạch hoặc dự án và được giao khu vực biển với thời hạn tối đa 50 năm, được gia hạn với tổng thời gian tối đa 20 năm. Thẻ vàng của EU đối với khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), áp dụng từ tháng 10/2017, vẫn chưa được gỡ bỏ tại ngày 16/10/2026, và các lệnh áp thuế chống bán phá giá của Hoa Kỳ áp dụng đối với cá tra phi lê đông lạnh và tôm nước ấm. Xem Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và thú y.

Phần lớn nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này kết hợp nhà máy chế biến hoặc cơ sở đóng gói với liên kết sản xuất theo hợp đồng, nên quy định về chế biến có ý nghĩa với hầu hết họ. An toàn thực phẩm được điều chỉnh bởi Luật số 55/2010/QH12 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, do Nghị định số 46/2026/NĐ-CP, được ban hành để thay thế, đã bị tạm ngưng hiệu lực theo Nghị quyết số 15/2026/NQ-CP cho đến khi Luật An toàn thực phẩm sửa đổi và nghị định hướng dẫn có hiệu lực. Nhà máy chế biến phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thời hạn ba năm, trừ khi có giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC hoặc FSSC 22000 còn hiệu lực; phần lớn thực phẩm bao gói sẵn được tự công bố và được bán ngay; và nhãn hàng hóa tuân theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Nguồn cung thường đến từ hợp tác xã theo Luật số 17/2023/QH15, trong đó tổng số thành viên chính thức là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư cá nhân nước ngoài phải dưới 35% số thành viên chính thức và không thành viên chính thức nào được góp quá 30% vốn điều lệ, và từ hợp đồng liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, theo đó hợp đồng đủ điều kiện có thời hạn ít nhất năm năm, hoặc ba năm đối với cây trồng có chu kỳ dưới một năm, được hỗ trợ. Bán sản phẩm ra ngoài hợp đồng là rủi ro thương mại chính, và mức trần phạt vi phạm 8% theo Luật Thương mại áp dụng giữa các thương nhân. Xem Chế biến nông sản, an toàn thực phẩm, hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng và Hợp đồng thương mại tại Việt Nam.

Cách sử dụng chương này

Mọi độc giả nên bắt đầu với Khung pháp lý về nông nghiệp và các cơ quan quản lý, mục giải thích các cơ quan quản lý, tiếp cận thị trường và việc lựa chọn loại hình đầu tư. Sau đó, lộ trình đọc sẽ khác nhau.

Doanh nghiệp xuất khẩu rau quả nên đọc tiếp mục về rau quả, rồi đến Giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật về giới hạn đối với thuốc bảo vệ thực vật và kiểm dịch, mục chế

biến nông sản về liên kết sản xuất và an toàn thực phẩm, và mục ưu đãi. **Nhà đầu tư trang trại hoặc đồn điền** nên đọc Đất nông nghiệp và tích tụ đất đai và Ưu đãi đầu tư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trước khi chọn địa điểm, sau đó đọc mục về loại cây trồng của mình: mục rau quả đối với trái cây và hoa, hoặc Xuất khẩu gạo, cà phê và các nông sản chủ lực đối với lúa gạo, cà phê và cao su, nơi Quy định chống phá rừng của EU gắn việc truy xuất nguồn gốc với quyền sử dụng đất. **Nhà cung cấp vật tư đầu vào** nên đọc mục giống cây trồng, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cùng các nội dung về tiếp cận thị trường và hoạt động thương mại tại mục 11.1, cùng với Chi nhánh và văn phòng đại diện.

Nhà đầu tư chăn nuôi, sản xuất sữa hoặc nuôi trồng thủy sản nên đọc Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và thú y, sau đó đọc mục đất đai về đất trang trại và đất có mặt nước, và mục ưu đãi về các khoản hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, bao gồm hỗ trợ trang trại chăn nuôi bò sữa và bò thịt tập trung.

Doanh nghiệp chế biến nông sản nên đọc Chế biến nông sản, an toàn thực phẩm, hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng, mục ưu đãi và, nếu xuất khẩu, các mục về rau quả và nông sản chủ lực. **Bên cho vay hoặc bên mua lại** nên đọc mục đất đai về nguồn gốc đất, các phương thức mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được sử dụng và loại quyền sử dụng đất nào có thể thế chấp tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam, mục ưu đãi về các ưu đãi được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (IRC) và hợp đồng thuê đất, và mục về lĩnh vực của doanh nghiệp mục tiêu, cùng với Thẩm định pháp lý tại Việt Nam và Thẩm định pháp lý quyền sử dụng đất và biện pháp bảo đảm bằng đất đai.

Mỗi mục kết thúc bằng các câu hỏi thường gặp liên quan, nguồn văn bản chính thức và một câu hỏi để đặt cho Lawbot về trường hợp cụ thể của bạn; Lawbot cung cấp thông tin pháp lý, không phải tư vấn pháp lý. Nội dung được cập nhật đến ngày 16/10/2026. Luật sửa đổi, bổ sung mười luật về nông nghiệp và môi trường có hiệu lực từ ngày 01/01/2027, dự thảo Luật Đất đai sửa đổi và dự thảo Luật An toàn thực phẩm sửa đổi dự kiến trình Quốc hội tại kỳ họp từ tháng 10/2026, và bất kỳ văn bản nào thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP cần được kiểm tra trước khi hoàn tất bất kỳ giao dịch nào.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cục Thống kê: tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025 (tăng trưởng ngành, sản lượng lúa, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và gỗ) — <https://www.nso.gov.vn/bai-top/2026/01/mot-so-net-chinh-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/>
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (cổng thông tin điện tử; Cục Chăn nuôi và Thú y) — <https://mae.gov.vn>
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Plant Production and Protection Department), Bộ Nông nghiệp và Môi trường — <https://www.ppd.gov.vn>
- Báo Sài Gòn Giải Phóng, ngày 23/01/2026 (tin về họp báo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường): kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2025 đạt 70,09 tỷ USD và số liệu theo mặt hàng — <https://www.sggp.org.vn/xuat-khau-nong-lam-thuy-san-nam-2025-dat-hon-70-ty-usd-post834914.html>
- Mekong ASEAN, ngày 06/10/2026 (tin về số liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường): kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chín tháng đầu năm 2026 — <https://mekongasean.vn/nong-lam-thuy-san-xuat-sieu-gan-17-ty-usd-trong-9-thang-dau-nam-2026-60341.html>
- Báo Dân chủ và Pháp luật (cơ quan của Bộ Tư pháp): 15 luật được thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ nhất của Quốc hội khóa XVI, trong đó có luật sửa đổi, bổ sung mười luật về nông nghiệp và môi trường — <https://danchuphapluat.vn/cong-bo-15-luat-duoc-thong-qua-tai-ky-hop-khong-thuong-le-lan-thu-nhat-quoc-hoi-khoa-xvi-10303.html>
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang: giới thiệu Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15, có viện dẫn các Nghị quyết số 57-NQ/TW và 68-NQ/TW — https://pbgdpl.tuyenquang.gov.vn/Vanban/202662692641_37315.pdf
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): các Luật số 31/2018/QH14, 32/2018/QH14, 41/2013/QH13, 79/2015/QH13, 18/2017/QH14, 16/2017/QH14, 55/2010/QH12 và 143/2025/QH15; Nghị định số 96/2026/NĐ-CP — <https://vbpl.vn>
- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (bản dịch tiếng Anh của văn bản chính thức), các Điều 4, 10, 12 đến 14, 18 và 20 — <https://apolatlegal.com/wp-content/uploads/2026/07/Law-67-2025-QH15.pdf>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (chinhphu.vn): văn bản hợp nhất Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 và Luật số 149/2025/QH15, các Điều 5 và 9 — <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpbq/2026/02/12-vbhn-vpqh.pdf>
- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 (bản dịch tiếng Anh), các Điều 24, 25 và 27 — <https://english.luatvietnam.vn/law-on-high-technology-dated-december-10-2025-of-the-national-assembly-no-133-2025-qh15-422370-doc1.html>
- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (bản dịch tiếng Anh), các Điều 3 và 5 đến 17 — <https://english.luatvietnam.vn/decreed-no-57-2018-nd-cp-dated-april-17-2018-of-the-government-on-incentive-policies-for-enterprises-investing-in-agriculture-and-rural-development-162060-doc1.html>
- Nghị định số 230/2025/NĐ-CP quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (bản dịch tiếng Anh), các Điều 3, 5 và 6 — <https://english.luatvietnam.vn/decreed-no-230-2025-nd-cp-dated-august-19-2025-of-the-government-providing-for-other-cases-eligible-for-exemption-or-reduction-of-land-use-levy-and-l-408916-doc1.html>
- Tạp chí Kinh tế - Tài chính (tạp chí của Bộ Tài chính): Nghị định số 346/2026/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp, có hiệu lực từ ngày 20/10/2026 — <https://tapchikinhhtetaichinh.vn/nang-ho-tro-phi-bao-hiem-nong-nghiep-len-toi-da-95-tu-20-10-2026-166574.html>
- Thời báo Tài chính Việt Nam (báo của Bộ Tài chính): Nghị định số 156/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về tín dụng nông nghiệp — <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/tu-ngay-17-nang-muc-cho-vay-doi-voi-ca-nhan-ho-kinh-doanh-khong-co-tai-san-dam-bao-178715.html>
- Bản tin thuế của EY Việt Nam, tháng 01/2026 (bình luận chuyên môn): ưu đãi theo Luật số 133/2025/QH15 — <https://www.ey.com/content/dam/ey-unified-site/ey-com/vi-vn/technical/tax/documents/ey-cap-nhat-mot-so-noi-dung-ve-uu-dai-thue-doi-voi-hoat-dong-cong-nghe-cao-va-cac-hoat-dong-lien-quan-den-phat-trien-cong-nghe-chien-luoc-theo-luat-cong-nghe-cao-vn-01-26.pdf>
- VOV (Đài Tiếng nói Việt Nam), ngày 08/7/2026: Nghị định số 263/2026/NĐ-CP về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao — <https://vov.vn/kinh-te/hang-loat-uu-dai-cho-du-an-trong-khu-nong-nghiep-ung-dung-cong-nghe-cao-post1313604.vov>

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15, nội dung các điều (các Điều 3, 4, 9, 28, 37, 41, 42, 45, 47, 120, 121, 172, 176 đến 194, 218), hethongphapluat.com (nguồn văn bản thứ cấp) — <https://hethongphapluat.com/luat-dat-dai-2024/dieu-28>
- Công báo: Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (các Điều 19 đến 23 Luật Lâm nghiệp, Điều 44 Luật Thủy sản, bãi bỏ điểm a khoản 4 Điều 182 Luật Đất đai) — <https://congbaocdn.chinhphu.vn/180507251028987904/2026/1/26/146signed-17694188051301487803294.pdf>
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, các Điều 4, 77, 78 và 99 (hethongphapluat.com) — <https://hethongphapluat.com/nghi-dinh-102-2024-nd-cp-huong-dan-luat-dat-dai/dieu-78>
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa, các Điều 6 đến 13 (hethongphapluat.com) — <https://hethongphapluat.com/nghi-dinh-112-2024-nd-cp-huong-dan-ve-dat-trong-lua.html>
- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực đất đai, Điều 5 (văn bản đăng tải trên hoatieu.vn) — <https://hoatieu.vn/phap-luat/nghi-dinh-151-2025-nd-cp-233322>
- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, các Điều 24 và 25 (tóm tắt và văn bản, thuviennhadat.vn) — <https://thuviennhadat.vn/phap-ly-nha-dat/du-an-thuoc-dien-chap-thuan-chu-truong-dau-tu-nam-2026-gom-nhung-gi-729227.html>
- Global Vietnam Lawyers: quyền tiếp cận và sử dụng đất của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật Đất đai năm 2024 (khoản 46 Điều 3 và Điều 4) — https://gvlawyers.com.vn/wp-content/uploads/2024/03/QSDD-cua-To-chuc-kinh-te-co-von-DTNN_V00GVL.pdf
- Thư Viện Pháp Luật: đơn giá thuê đất hằng năm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP (Điều 26 và Điều 28) — <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat-nha-dat/huong-dan-cach-tinh-don-gia-thue-dat-moi-nhat-tu-ngay-06112025-11222.html>
- Baker McKenzie: đề xuất sửa đổi Luật Đất đai năm 2024 (Dự thảo số 01, ngày 20/7/2026) — <https://www.bakermckenzie.com/en/insight/publications/2026/07/vietnam-proposed-amendments-to-the-land-law-2024>
- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14, nội dung các điều (Điều 13 đến Điều 17, Điều 22, 28, 29, 36, 37, 41, 44, 45), hethongphapluat.com (nguồn văn bản thứ cấp) — <https://hethongphapluat.com/luat-trong-trot-2018/dieu-13>
- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13, nội dung các điều (Điều 26 đến Điều 33, Điều 50, 51, 61, 63, 66, 67), hethongphapluat.com — <https://hethongphapluat.com/luat-bao-ve-va-kiem-dich-thuc-vat-2013/dieu-67>
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Nghị định số 33/2026/NĐ-CP về điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật — <https://mae.gov.vn/quy-dinh-moi-ve-dieu-kien-san-xuat-buon-ban-thuoc-bao-ve-thuc-vat-20844.htm>
- Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/1/2026 (bản tiếng Anh, LuatVietnam) — <https://english.luatvietnam.vn/circular-no-07-2026-tt-bnnmt-dated-january-23-2026-of-the-ministry-of-agriculture-and-environment-detailing-a-number-of-articles-of-the-law-on-plant-425086-doc1.html>
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT về danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và cấm sử dụng — <https://ppd.gov.vn/tin-moi-nhat-289/thong-tu-so-752025tt-bnnmt-ban-hanh-danh-muc-thuoc-bao-ve-thuc-vat-duoc-phep-su-dung-tai-viet-nam-va-danh-muc-thuoc-bao-ve-thuc-vat-cam-su-dung-tai-viet-nam.html>
- Thông tư số 28/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT (LuatVietnam) — <https://luatvietnam.vn/nong-nghiep/thong-tu-28-2026-tt-bnnmt-danh-muc-thuoc-bao-ve-thuc-vat-tai-viet-nam-439351-d1.html>
- Thông tư số 14/2024/TT-BNNPTNT về danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và danh mục phải phân tích nguy cơ dịch hại (caselaw.vn) — <https://caselaw.vn/van-ban-phap-luat/412608-thong-tu-so-14-2024-tt-bnnptnt-ngay-31-10-2024-cua-bo-truong-bo-nong-nghiep-va-phat-trien-nong-thon-ve-danh-muc-vat-the-thuoc-dien-kiem-dich-thuc-vat-danh-muc-vat-the-thuoc-dien-kiem-dich-thuc-vat-phai-phan-tich-nguy-co-dich-hai-truoc-khi-nhap-khau-vao-viet-nam>
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ giống cây trồng — <https://www.ppd.gov.vn/bao-ho-giong-cay-trong.html>
- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, các điều về giống cây trồng (Điều 157 đến Điều 159, Điều 164, 169, 186, 190), hethongphapluat.com — <https://hethongphapluat.com/luat-so-huu-tri-tue-2005/dieu-169>
- Cơ quan bảo vệ thực vật (ppd.gov.vn): Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/1/2026 về nhập khẩu cây có bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (toàn văn) — <https://ppd.gov.vn/FileUpload/Documents/Thanh%20tra/2026/Ngh%E1%BB%8B%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20s%E1%BB%91%2038.2026.pdf>

- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (chinhphu.vn): Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 về đơn giản hóa thủ tục cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (toàn văn) — https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2026/8/36_2026_nq-cp_31072026_3-signed.signed.pdf
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: rà soát thủ tục cấp mã số vùng trồng (cuộc họp ngày 8/7/2026) — <https://mae.gov.vn/ra-soat-toan-bo-quy-trinh-lien-quan-ve-cap-ma-so-vung-trong-22244.htm>
- EUR-Lex: Quy định thực thi (EU) 2026/1206 ngày 9/6/2026 của Ủy ban châu Âu sửa đổi Quy định thực thi (EU) 2019/1793 — https://eur-lex.europa.eu/eli/reg_impl/2026/1206/oj/eng
- Thông tư thương mại của Cơ quan Thực phẩm Singapore về Lệnh số 280 của GACC (có hiệu lực từ ngày 1/6/2026) — <https://www.sfa.gov.sg/news-publications/circulars-and-notice/circulars/trade-circular-on-update-on-china-s-revised-registration-requirements-for-overseas-food-manufacturers---gacc-decree-no--280>
- Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc: Thông báo hướng dẫn ngành số 2025/63 về Thông báo số 219 năm 2025 của GACC — <https://www.agriculture.gov.au/biosecurity-trade/export/controlled-goods/plants-plant-products/ian/2025/2025-63>
- Cơ quan bảo vệ thực vật (ppd.gov.vn): kế hoạch làm việc đã ký về buổi chiếu xạ xuất khẩu sang Hoa Kỳ (2022) — [https://ppd.gov.vn/FileUpload/Documents/HTQT/22.10.17%20Signed%20Workplan_pomelo%20\(1\).PDF](https://ppd.gov.vn/FileUpload/Documents/HTQT/22.10.17%20Signed%20Workplan_pomelo%20(1).PDF)
- Báo Thanh Tra (tin tức), dẫn số liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về xuất khẩu rau quả từ tháng 1 đến tháng 9/2026 — <https://thanhtra.com.vn/tieu-dung-AA9F50895/9-thang-xuat-khau-rau-qua-dat-hon-7-ty-usd-98015c7e6.html>
- Bộ Công Thương: thông tin về Nghị định số 365/2026/NĐ-CP ngày 23/9/2026 về kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu gạo — <https://moit.gov.vn/tin-tuc/mot-so-thong-tin-ve-nghi-dinh-so-365-2026-nd-cp-ngay-23-thang-9-nam-2026-cua-chinh-phu-ve-kinh-doanh-xuat-nhap-khau-gao.html>
- Bộ Công Thương: Thông tư số 65/2026/TT-BCT quy định chi tiết Nghị định số 365/2026/NĐ-CP — <https://moit.gov.vn/van-ban-phap-luat/van-ban-phap-quy/thong-tu-quy-dinh-chi-tiet-mot-so-dieu-va-bien-phap-thi-hanh-nghi-dinh-so-365-2026-nd-cp-cua-chinh-phu-ve-kinh-doanh-xua.html>
- Bộ Công Thương: Quyết định số 1490/QĐ-TTg về một triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp — <https://moit.gov.vn/phan-trien-ben-vung/phan-trien-ben-vung-mot-trieu-hec-ta-chuyen-can-lua-chat-luong-cao-va-phat-thai-thap-gan-voi-tang-truong-xanh-vung-dong.html>
- Bộ Công Thương: phân loại quốc gia của EU theo EUDR (Việt Nam thuộc nhóm rủi ro thấp) — <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/uy-ban-chau-au-cong-bo-phan-loai-rui-ro-cho-cac-doi-tac-thuong-mai-theo-quy-dinh-eudr-chong-pha-rung-.html>
- IRRI: tiến độ chương trình một triệu héc-ta lúa phát thải thấp (hội nghị của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tháng 3/2026) — <https://www.irri.org/news-and-events/news/mekong-deltas-low-emission-rice-program-surpasses-targets-sets-new-standards>
- Báo Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan ngôn luận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Nghị định số 112/2026/NĐ-CP về trao đổi quốc tế tín chỉ carbon — <https://nongnghiepmoitrung.vn/viet-nam-co-du-hanh-lang-phap-ly-cho-trao-doi-tin-chi-carbon-quoc-te-d822889.html>
- Arendt (bình luận của hãng luật): đợt rà soát đơn giản hóa EUDR ngày 04/5/2026 và thời điểm áp dụng — <https://www.arendt.com/news-insights/news/eudr-simplification-review-published-what-the-2026-package-means-for-in-scope-companies/>
- Trung tâm WTO và Hội nhập (VCCI): Nghị định số 365/2026/NĐ-CP về căn cứ thu hồi giấy chứng nhận, đánh giá mức độ tín nhiệm và kế hoạch nhập khẩu — <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/33528-siet-dieu-kien-xuat-khau-kiem-soat-ke-hoach-nhap-khau-gao>
- Viet Nam News: số liệu của Cục Hải quan về xuất khẩu gạo năm 2025 — <https://vietnamnews.vn/economy/1763563/viet-nam-exports-over-8-million-tonnes-of-rice-earning-4-1-billion-in-2025.html>
- Báo Pháp luật: Bộ Công Thương cấp C/O không ưu đãi từ ngày 05/5/2025 (Quyết định số 1103/QĐ-BCT) — <https://baophapluat.vn/tu-55-bo-cong-thuong-tiep-nhan-quyen-cap-co-khong-uu-dai-ma-so-rex-tu-vcci-post546362.html>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (chinhphu.vn): Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-BNNMT Nghị định số 13/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 46/2022/NĐ-CP và Nghị định số 32/2026/NĐ-CP — <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2026/3/23-vbhn-bnnmt.pdf>

- Luật số 146/2025/QH15, Điều 3 (sửa đổi Luật Chăn nuôi), văn bản trên hethongphapluat.com (nguồn văn bản thứ cấp) — <https://hethongphapluat.com/luat-sua-doi-15-luat-trong-linh-vuc-nong-nghiep-va-moi-truong-2025/dieu-3>
- Luật số 146/2025/QH15, Điều 12 (sửa đổi Luật Thú y), nguồn văn bản thứ cấp — <https://hethongphapluat.com/luat-sua-doi-15-luat-trong-linh-vuc-nong-nghiep-va-moi-truong-2025/dieu-12>
- Luật số 146/2025/QH15, Điều 14 (sửa đổi Luật Thủy sản), nguồn văn bản thứ cấp — <https://hethongphapluat.com/luat-sua-doi-15-luat-trong-linh-vuc-nong-nghiep-va-moi-truong-2025/dieu-14>
- Nghị định số 211/2026/NĐ-CP ngày 16/6/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi (toàn văn) — https://nhachannuoi.vn/wp-content/uploads/2026/06/211_2026_ND-CP.pdf
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các điểm bốc dỡ thủy sản tại Thành phố Hồ Chí Minh và thẻ vàng của Ủy ban châu Âu (01/10/2026) — <https://mae.gov.vn/tphcm-quy-dinh-tam-6-ben-ca-nham-som-go-can-hao-bao-the-vang-ec-23137.htm>
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: mạng lưới 28 cơ sở giết mổ tập trung của Hà Nội (18/8/2026) — <https://mae.gov.vn/ha-noi-phe-duyet-mang-luoi-28-co-so-giet-mo-tap-trung-22654.htm>
- VASEP: xuất khẩu thủy sản 9 tháng đầu năm 2026 — <https://seafood.vasep.com.vn/total-seafood-trade/news/seafood-exports-surpass-us-9-billion-in-the-first-nine-months-growth-slows-in-q4-38373.html>
- Luật sư Việt Nam: luật sửa đổi, bổ sung mười luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, có hiệu lực từ ngày 01/01/2027 — <https://lsvn.vn/luat-sua-doi-10-luat-trong-linh-vuc-nong-nghiep-va-moi-truong-duoc-quoc-hoi-thong-qua-a178084.html>
- Tuoi Tre News: kết quả cuối cùng của đợt rà soát chống bán phá giá lần thứ 19 của Hoa Kỳ đối với tôm Việt Nam (tháng 02/2026) — <https://news.tuoitre.vn/us-sets-final-anti-dumping-duties-on-vietnamese-shrimp-exporters-10326022111134552.htm>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ: Nghị quyết số 09/2026/NQ-CP tạm ngưng hiệu lực Nghị định số 46/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 66.13/2026/NQ-CP (05/02/2026) — <https://baochinhphu.vn/tam-ngung-hieu-luc-va-dieu-chinh-thoi-han-ap-dung-nghi-dinh-so-46-2026-nd-cp-102260205184324295.htm>
- Cổng thông tin pháp luật thành phố Cần Thơ: Nghị quyết số 15/2026/NQ-CP ngày 06/4/2026 (tạm ngưng hiệu lực cho đến khi Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) có hiệu lực) — <https://pbgdpl.cantho.gov.vn/tam-ngung-hieu-luc-nghi-dinh-so-462026nd-cp-den-khi-co-luat-an-toan-thuc-pham-sua-doi-1>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ: bổ sung Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) vào Chương trình lập pháp năm 2026 — <https://baochinhphu.vn/bo-sung-du-an-luat-an-toan-thuc-pham-sua-doi-vao-chuong-trinh-lap-phap-nam-2026-102260116173546446.htm>
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: văn bản hợp nhất số 77/VBHN-BNNMT của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT và Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT — https://mae.gov.vn/noidung/Lists/VBQPPL/Attachments/655/77-VBHN-BNNMT%20Thong%20tu%2038%2017%2017%20Th%E1%BB%A9%20tr%C6%B0%E1%BB%9Fng_250903111028_04092025085425_signed.pdf
- Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường Lâm Đồng: văn bản Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 (Điều 42, 43, 52, 53, 97, 98 và Phụ lục I) — <https://chicucclcbptt.lamdong.gov.vn/News/tintucsukien/2026/04/725.aspx>
- Hệ thống dữ liệu văn bản của Chính phủ: văn bản đã ký của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp — <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2018/07/98.signed.pdf>
- Văn bản Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (từ Điều 4 đến Điều 17, Điều 23, Điều 24, từ Điều 34 đến Điều 39 và các Phụ lục từ II đến IV), bản do Apolat Legal đăng tải — https://apolatlegal.com/wp-content/uploads/2025/05/Nghi-dinh-15_2018_ND-CP.pdf
- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, Điều 4, 23, 30 và 74 (văn bản không chính thức theo từng điều, hethongphapluat.com) — <https://hethongphapluat.com/luat-hop-tac-xa-2023/dieu-30>
- Báo Sức khỏe & Đời sống (cơ quan ngôn luận của Bộ Y tế), ngày 15/10/2026: dự thảo Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa 16 — <https://suckhoedoisong.vn/bo-y-te-tung-buoc-chuan-bi-nen-tang-trien-khai-quan-ly-dua-tren-tren-phan-tich-nguy-co-tai-du-an-luat-an-toan-thuc-pham-sua-doi-169261015200843887.htm>

- Tạp chí Công Thương (Bộ Công Thương): Thông tư số 80/2025/TT-BNNMT về chứng nhận an toàn thực phẩm đối với thủy sản xuất khẩu — <https://tapchicongthuong.vn/quy-dinh-tham-dinh--cap-chung-nhan-an-toan-thuc-pham-thuy-san-xuat-khau-392184.htm>

Khung pháp lý về nông nghiệp và các cơ quan quản lý: ngành nông nghiệp qua các con số, chiến lược và chương trình quốc gia, hệ thống luật và các sửa đổi năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các tỉnh sau đợt sắp xếp năm 2025, tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, lựa chọn loại hình đầu tư và các bước đầu tiên

Rà soát ngày 16/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHỚ

- Theo Cục Thống kê và Bộ Nông nghiệp và Môi trường, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tăng trưởng 3,78% năm 2025, chiếm 11,64% GDP và 25,7% lao động có việc làm, và kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt mức kỷ lục 70,09 tỷ USD, tăng 12%.
- Lĩnh vực này được điều chỉnh bởi Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14, Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13, Luật Thú y số 79/2015/QH13, Luật Thủy sản số 18/2017/QH14, Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 và Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12; Luật số 146/2025/QH15 đã sửa đổi, bổ sung tất cả các luật này, trừ luật cuối cùng, từ ngày 01/01/2026, và một luật sửa đổi, bổ sung mười luật về nông nghiệp và môi trường, được thông qua vào tháng 8/2026, có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.
- Từ ngày 01/3/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, được hình thành từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước đây, là cơ quan quản lý cấp trung ương, thực hiện chức năng thông qua các cục chuyên ngành như Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Cục Chăn nuôi và Thú y, và thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường của 34 tỉnh, thành phố được hình thành từ ngày 01/7/2025.
- Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến nông sản cho phép nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn theo Điều 8 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, nhưng khai thác thủy sản trên biển tại vùng biển Việt Nam là ngành, nghề nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận, dự án trồng rừng của nhà đầu tư nước ngoài phải được chấp thuận chủ trương đầu tư, và kinh doanh giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với mọi nhà đầu tư.
- Doanh nghiệp áp dụng thủ tục như đối với nhà đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp từ nông dân, nên phần lớn doanh nghiệp nông nghiệp nước ngoài kết hợp việc thuê đất của Nhà nước hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào liên doanh với liên kết sản xuất thông qua hợp tác xã và hộ gia đình.

Ngành nông nghiệp qua các con số

Nông nghiệp vẫn là trụ cột của nền kinh tế Việt Nam dù tỷ trọng trong tổng sản lượng đang giảm dần. Cục Thống kê thuộc Bộ Tài chính ước tính khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng **3,78%** năm 2025, trong đó nông nghiệp tăng 3,48%, lâm nghiệp 5,70% và thủy sản 4,41%, đóng góp 5,30% vào mức tăng giá trị tăng thêm của nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng 8,02%. Khu vực này chiếm **11,64% GDP** và **25,7% trong tổng số 52,4 triệu lao động có việc làm**, một tỷ lệ tiếp tục giảm khi lao động chuyển dịch sang công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ. Sản lượng lúa đạt khoảng 43,5 triệu tấn với năng suất bình quân 6,11 tấn/héc-ta; sản lượng thịt lợn hơi đạt 5,39 triệu tấn; sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 6,12 triệu tấn, trong đó có 1,94 triệu tấn cá tra và 944.400 tấn tôm thẻ chân trắng; và 25,6 triệu mét khối gỗ được khai thác từ rừng trồng.

Số liệu xuất khẩu phản ánh rõ câu chuyện đầu tư. Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản **năm 2025 đạt 70,09 tỷ USD**, mức kỷ lục và cao hơn 12% so với năm 2024: nông sản 37,25 tỷ USD, lâm sản 18,5 tỷ USD, thủy sản 11,32 tỷ USD và sản phẩm chăn nuôi 627,8 triệu USD. Cà phê đạt 8,57 tỷ USD với 1,5 triệu tấn, giá trị tăng 52,5% nhờ giá thế giới cao; rau quả đạt 8,56 tỷ USD, tăng gần 20%; và gạo đạt khoảng 4,1 tỷ USD với hơn 8 triệu tấn, giá trị giảm hơn một phần tư do giá giảm (số liệu của Cục Hải quan). Mục tiêu năm 2026 của Bộ là 73 đến 74 tỷ USD. Chín tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu đạt 56,3 tỷ USD, tăng 7,8%, dẫn đầu là sản phẩm gỗ (13,4 tỷ USD), thủy sản (khoảng 9,1 tỷ USD) và rau quả (7,3 tỷ USD, tăng 19,9%), trong khi cà phê và gạo giảm do giá thấp hơn.

Có ba đặc điểm của các số liệu này đáng lưu ý đối với nhà đầu tư. Thứ nhất, giá trị đang dịch chuyển từ nông sản thô, có nguồn thu biến động theo giá thế giới, sang rau quả, sản phẩm chế biến và thủy sản, những lĩnh vực mà hệ thống quản lý chất lượng và nghị định thư về tiếp cận thị trường quyết định ai được bán hàng. Thứ hai, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc là các thị trường chính, nên quy định nhập khẩu của các nước này, không kém pháp luật Việt Nam, quyết định cấu trúc của một dự án xuất khẩu (Ngành rau quả: trái cây, rau và hoa và Xuất khẩu gạo, cà phê và các nông sản chủ lực). Thứ ba, sản xuất vẫn chủ yếu do các hộ gia đình canh tác trên những thửa đất nhỏ, nên việc tiếp cận nguyên liệu ở quy mô lớn phụ thuộc vào hợp đồng với nông dân và hợp tác xã hơn là vào việc nắm giữ đất.

Chính sách: chiến lược, các chương trình và các nghị quyết cải cách năm 2025

Chính sách nông nghiệp được định hướng bởi các nghị quyết của Đảng và quyết định của Thủ tướng Chính phủ; bản thân các văn bản này không phải là quy phạm của luật tư nhưng quyết định nội dung của các danh mục, quy hoạch và ngân sách có giá trị ràng buộc. **Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022** của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định định hướng chính trị: nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, theo chuỗi giá trị, vai trò lớn hơn của doanh nghiệp và hợp tác xã, và tích tụ đất đai cho sản xuất quy mô lớn. Chính phủ triển khai nghị quyết này thông qua **Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**, được phê duyệt tại **Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022**, theo đó tăng trưởng phải dựa trên năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng thay vì sản lượng, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến và thị trường, và giảm tác động môi trường của ngành.

Một số chương trình cụ thể hóa chiến lược này. Nổi bật nhất là Đề án phát triển bền vững **một triệu hecta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp** vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, được phê duyệt tại Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023, gắn quy trình canh tác được chứng nhận, hợp tác xã và bên bao tiêu theo hợp đồng với việc giảm phát thải khí mê-tan và, có thể, với tín chỉ cac-bon; nội dung này được trình bày tại Xuất khẩu gạo, cà phê và các nông sản chủ lực.

Hai nghị quyết của Bộ Chính trị trong giai đoạn 2024-2025 hiện chi phối chương trình xây dựng pháp luật không kém chiến lược ngành. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia dẫn đến Luật Công nghệ cao mới số 133/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, với các quy định mới về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Ưu đãi đầu tư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao). Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân thúc đẩy việc cắt giảm thủ tục và điều kiện kinh doanh, dẫn đến luật sửa đổi mười luật được trình bày dưới đây. Do đó, các quy định đang được đơn giản hóa nhanh nhưng không đồng đều, và mọi điều kiện cấp phép cần được đối chiếu với văn bản hợp nhất hiện hành.

Hệ thống luật

Nông nghiệp Việt Nam được điều chỉnh bởi bảy luật chuyên ngành, mỗi luật được hướng dẫn chi tiết bằng nghị định của Chính phủ và thông tư của bộ, và được áp dụng cùng với các luật chung về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, thuế và môi trường. **Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14** điều chỉnh giống cây trồng (công nhận, lưu hành và điều kiện sản xuất, buôn bán giống), phân bón, canh tác, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa và hoạt động sau thu hoạch. **Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14** điều chỉnh giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi (quy mô, địa điểm và kê khai), xử lý chất thải chăn nuôi và đối xử nhân đạo với vật nuôi. **Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13** điều chỉnh phòng chống sinh vật gây hại, đăng ký, nhập khẩu và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, và kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu và nội địa. **Luật Thú y số 79/2015/QH13** điều chỉnh phòng, chống dịch bệnh động vật, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ và thuốc thú y. **Luật Thủy sản số 18/2017/QH14** điều chỉnh nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, tàu cá, khu vực biển để nuôi trồng và truy xuất nguồn gốc thủy sản. **Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14** điều chỉnh phân loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất), giao rừng, cho thuê rừng, tính hợp pháp của gỗ và chi trả dịch vụ môi trường rừng. **Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12** điều chỉnh an toàn thực phẩm từ trang trại đến bàn ăn, với thẩm quyền được phân chia giữa ba bộ.

Bên cạnh đó là Luật Thủy lợi (số 08/2017/QH14) và các luật chung được giải thích ở các phần khác của cẩm nang này: Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 (Luật Đầu tư năm 2025), Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (Quyền sử dụng đất và Luật Đất đai), Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 149/2025/QH15. Nông nghiệp còn có các nghị định hỗ trợ đầu tư riêng, quan trọng nhất là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, được trình bày tại mục 11.2 và mục 11.8.

Hệ thống luật đang thay đổi. **Luật số 146/2025/QH15**, được thông qua ngày 11/12/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, trong đó có Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Thủy sản và Luật Lâm nghiệp, rút ngắn thời hạn giải quyết, bãi bỏ một số giấy phép và chuyển nhiều thẩm quyền quyết định

cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (mục 11.3, 11.4 và 11.7). Tiếp đó, tại kỳ họp bất thường lần thứ nhất vào tháng 8/2026, Quốc hội khóa XVI đã thông qua một luật gồm 12 điều **sửa đổi, bổ sung mười luật về thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường**: Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Thủy sản, Luật Địa chất và khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Thủy lợi, Luật Khí tượng thủy văn và Luật Đê điều. Luật này có hiệu lực từ **ngày 01/01/2027**. Luật bãi bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục, điều kiện và phân cấp thẩm quyền quyết định; cần nghiên cứu văn bản luật và các nghị định hướng dẫn trước khi chốt bất kỳ kế hoạch cấp phép nào kéo dài sang năm 2027. Luật Lâm nghiệp và Luật An toàn thực phẩm không nằm trong số mười luật này.

Hệ thống luật về nông nghiệp tại ngày 16/10/2026

Luật	Hiệu lực	Phạm vi điều chỉnh	Văn bản hướng dẫn chính	Cơ quan quản lý chủ trì
Luật Trồng trọt, số 31/2018/QH14	Ngày 01/01/2020; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 từ ngày 01/01/2026 và bởi luật sửa đổi mười luật tháng 8/2026 từ ngày 01/01/2027	Giống cây trồng và kinh doanh giống, phân bón, canh tác, chuyển đổi cây trồng trên đất trồng lúa, sau thu hoạch	Nghị định số 94/2019/NĐ-CP (giống cây trồng và canh tác); Nghị định số 84/2019/NĐ-CP (phân bón), đã được sửa đổi, bổ sung	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, số 41/2013/QH13	Ngày 01/01/2015; được sửa đổi, bổ sung từ ngày 01/01/2026 và ngày 01/01/2027	Phòng chống sinh vật gây hại, đăng ký, nhập khẩu và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật	Các thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bao gồm danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và cấm sử dụng ban hành hằng năm	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
Chăn nuôi, số 32/2018/QH14	Ngày 01/01/2020; được sửa đổi, bổ sung từ ngày 01/01/2026 và ngày 01/01/2027	Giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi và việc kê khai, chất thải chăn nuôi, đối xử nhân đạo với vật nuôi	Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung	Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
Thú y, số 79/2015/QH13	Ngày 01/7/2016; được sửa đổi, bổ sung từ ngày 01/01/2026 và ngày 01/01/2027	Phòng, chống dịch bệnh động vật, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, thuốc thú y	Nghị định số 35/2016/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung	Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Luật	Hiệu lực	Phạm vi điều chỉnh	Văn bản hướng dẫn chính	Cơ quan quản lý chủ trì
Thủy sản, số 18/2017/QH14	Ngày 01/01/2019; được sửa đổi, bổ sung từ ngày 01/01/2026 và ngày 01/01/2027	Nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, tàu cá, khu vực biển để nuôi trồng, truy xuất nguồn gốc	Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung	Cục Thủy sản và Kiểm ngư (Bộ Nông nghiệp và Môi trường); cấp tỉnh đối với phần lớn thủ tục về nuôi trồng thủy sản
Lâm nghiệp, số 16/2017/QH14	Ngày 01/01/2019; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 từ ngày 01/01/2026	Phân loại rừng, giao rừng và cho thuê rừng, tính hợp pháp của gỗ, dịch vụ môi trường rừng	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường); lực lượng kiểm lâm cấp tỉnh
An toàn thực phẩm, số 55/2010/QH12	Ngày 01/7/2011	Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, tự công bố và đăng ký bản công bố sản phẩm, nhập khẩu, liên kết với quy định về ghi nhãn	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung sau đó (mục 11.8)	Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công Thương, theo nhóm sản phẩm

Các cơ quan quản lý sau đợt sắp xếp năm 2025

Đợt sắp xếp tổ chức bộ máy của Chính phủ năm 2025 đã hợp nhất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường thành **Bộ Nông nghiệp và Môi trường (MAE)**, bắt đầu hoạt động từ ngày 01/3/2025. Đây là cơ quan quản lý cấp trung ương về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi, phát triển nông thôn và chất lượng nông sản, đồng thời quản lý đất đai và bảo vệ môi trường, nên một bộ duy nhất hiện vừa xây dựng quy hoạch sử dụng đất mà dự án nông nghiệp phải phù hợp, vừa quản lý việc đánh giá môi trường mà dự án phải đáp ứng. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản đã được chuyển từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường sang Bộ Công Thương từ ngày 15/9/2026 (Khung pháp lý về khoáng sản và các cơ quan quản lý); nông nghiệp, đất đai và môi trường thì không chuyển.

Trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các công việc mà nhà đầu tư thường gặp do các cục chuyên ngành thực hiện. **Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật** (tên tiếng Anh do Cục tự sử dụng là Plant Production and Protection Department) được hợp nhất từ Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật trước đây: Cục công nhận giống cây trồng, quản lý phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, thực hiện kiểm dịch thực vật và cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói theo yêu cầu của các nghị định thư xuất khẩu. **Cục Chăn nuôi và Thú y** được hợp nhất từ Cục Chăn nuôi và Cục Thú y trước đây, quản lý giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi, thuốc thú y, kiểm dịch động vật và, như trang thông tin điện tử của Bộ cho thấy, một số khía cạnh của việc kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng nhập khẩu. Các cục khác

phụ trách thủy sản (bao gồm kiểm ngư và chương trình chống khai thác IUU), lâm nghiệp và kiểm lâm, thủy lợi, và chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông sản. Giấy chứng nhận cấp trước năm 2025 mang tên các cục tiền thân vẫn có hiệu lực.

Ở địa phương, các cải cách năm 2025 của Quốc hội đã giảm số đơn vị hành chính cấp tỉnh xuống còn **34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương** từ ngày 01/7/2025 và không tổ chức cấp huyện, hình thành mô hình chính quyền hai cấp gồm cấp tỉnh và cấp xã. Mỗi tỉnh có **Sở Nông nghiệp và Môi trường**, cơ quan cấp phần lớn giấy chứng nhận và giấy phép nông nghiệp ở địa phương (ví dụ giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các vấn đề về cơ sở chăn nuôi và nhiều thủ tục về nuôi trồng thủy sản), tham mưu cho Ủy ban nhân dân về cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất, và quản lý văn phòng đăng ký đất đai. Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận nhiều chức năng của cấp huyện trước đây, và quy định về tín dụng nông thôn hiện xác định địa bàn nông thôn theo đơn vị hành chính cấp xã. Nhà đầu tư cần kiểm tra xem giấy chứng nhận, quyết định cho thuê đất và hồ sơ ưu đãi do các cơ quan trước khi hợp nhất cấp đã được tỉnh mới tiếp nhận hay chưa.

Các bộ khác cùng tham gia quản lý lĩnh vực này, như bảng dưới đây cho thấy. **Bộ Tài chính** chủ trì về đăng ký đầu tư, thuế, hải quan và khoản hỗ trợ ngân sách theo các nghị định ưu đãi nông nghiệp; **Bộ Công Thương** về thương mại, bao gồm giấy chứng nhận xuất khẩu gạo và phòng vệ thương mại; **Bộ Y tế** về an toàn của nhiều loại thực phẩm chế biến và phụ gia; **Bộ Khoa học và Công nghệ** và Sở Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh về công nhận công nghệ cao; và **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** về chính sách tín dụng nông nghiệp. Cơ quan hải quan thông quan hàng hóa tại cửa khẩu, nhưng việc kiểm dịch thực vật và kiểm dịch động vật do các đơn vị kiểm dịch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện.

Phân định thẩm quyền trong dự án nông nghiệp

Nội dung	Cơ quan có thẩm quyền	Tham khảo thêm
Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp	Sở Tài chính cấp tỉnh đối với dự án ngoài khu; Ban Quản lý khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế đối với dự án trong khu	Mục 1.4 và mục 1.3
Chấp thuận chủ trương đầu tư (Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, chuyển mục đích sử dụng đất, dự án trồng rừng có vốn đầu tư nước ngoài, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa hoặc đất rừng quy mô lớn)	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ tướng Chính phủ hoặc Quốc hội, tùy loại dự án	Mục 1.5
Cho thuê đất của Nhà nước, chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, đăng ký đất đai	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, do Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu	Mục 11.3 và Chương 5

Nội dung	Cơ quan có thẩm quyền	Tham khảo thêm
Công nhận giống cây trồng, đăng ký phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và các đơn vị kiểm dịch vùng trực thuộc	Mục 11.4 và 11.5
Giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi, thuốc thú y, kiểm dịch động vật	Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường); các sở cấp tỉnh	Mục 11.7
Nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, khu vực biển để nuôi trồng	Cục Thủy sản và Kiểm ngư (Bộ Nông nghiệp và Môi trường); Ủy ban nhân dân và các sở cấp tỉnh	Mục 11.7
Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm và công bố sản phẩm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế hoặc Bộ Công Thương tùy sản phẩm; các sở cấp tỉnh	Mục 11.8
Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo; giấy phép kinh doanh cho nhà phân phối có vốn đầu tư nước ngoài	Bộ Công Thương; cơ quan cấp tỉnh đối với giấy phép kinh doanh	Mục 11.6 và mục 1.2
Thuế, hải quan và ưu đãi	Cục Thuế và Cục Hải quan thuộc Bộ Tài chính; cơ quan quản lý đất đai đối với miễn, giảm tiền thuê đất	Mục 11.2 và Chương 3

Tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp

Việt Nam áp dụng cơ chế danh mục loại trừ (chọn bỏ). Theo Điều 8 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, nhà đầu tư nước ngoài được tiếp cận thị trường như nhà đầu tư Việt Nam, trừ các ngành, nghề quy định tại Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP, trong đó có 23 ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường và 62 ngành, nghề chỉ được tiếp cận có điều kiện (Tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; Câu hỏi số 1). Trồng trọt, rau quả, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản không thuộc danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận, nên nhà đầu tư nước ngoài có thể sở hữu 100% vốn của doanh nghiệp trồng sầu riêng, nuôi lợn, nuôi tôm hoặc kinh doanh xưởng rang cà phê (Câu hỏi số 12).

Phần ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường của Phụ lục I bao gồm **khai thác thủy sản trên biển tại vùng biển Việt Nam** và việc thu thập, kinh doanh một số loài thực vật, động vật hoang dã. Nhà đầu tư nước ngoài muốn thu mua, chế biến và xuất khẩu thủy sản có thể làm như vậy; điều không được phép là sở hữu và vận hành đội tàu khai thác. Danh mục trước đây tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP cũng không cho phép tiếp cận đối với hoạt động điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên, bao gồm quản lý nguồn gen giống cây trồng, giống vật nuôi và vi sinh vật dùng trong nông nghiệp, và nhà đầu tư có dự án liên quan đến rừng tự nhiên hoặc nguồn gen cần kiểm tra dòng tương ứng của Phụ lục I hiện hành. Phần

ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện của Phụ lục I phải được đối chiếu từng dòng với các ngành, nghề mà doanh nghiệp sẽ đăng ký, vì chỉ một ngành, nghề có điều kiện cũng chi phối cấu trúc của toàn bộ doanh nghiệp.

Có thêm hai lớp sàng lọc. Thứ nhất, Điều 7 Luật Đầu tư quy định một số ngành, nghề là **ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện** đối với mọi nhà đầu tư, dù nước ngoài hay trong nước: trong nông nghiệp, các ngành, nghề này từ lâu bao gồm sản xuất, kinh doanh giống cây trồng và giống vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và thuốc thú y, cùng một số hoạt động thủy sản, mỗi ngành, nghề có điều kiện do luật chuyên ngành quy định, và cần kiểm tra Phụ lục IV hiện hành đối với từng ngành, nghề (Câu hỏi số 91). Thứ hai, Điều 24 quy định một số dự án phải được **chấp thuận chủ trương đầu tư**: mọi dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hoặc đất trồng lúa nước vượt quá diện tích quy định, và, chỉ đối với nhà đầu tư nước ngoài, dự án **trồng rừng** (Chấp thuận chủ trương đầu tư). Bản thân đất đai là ràng buộc thứ ba và quan trọng nhất trên thực tế: doanh nghiệp áp dụng thủ tục như đối với nhà đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân và phải dựa vào việc thuê đất của Nhà nước, nhận góp vốn vào liên doanh hoặc mua lại doanh nghiệp đang có đất (Câu hỏi số 48; Đất nông nghiệp và tích tụ đất đai).

Thương mại là khâu kiểm soát cuối cùng. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bán sản phẩm do mình sản xuất không cần giấy phép kinh doanh, nhưng doanh nghiệp nhập khẩu, bán buôn hoặc bán lẻ hàng hóa không do mình sản xuất phải có giấy phép kinh doanh theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP từ ngày 18/10/2026, và gạo, đường thuộc nhóm hàng hóa bị loại trừ trong cơ chế này (Tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài). Xuất khẩu gạo là ngành kinh doanh được cấp phép riêng, được điều chỉnh từ ngày 01/10/2026 bởi Nghị định số 365/2026/NĐ-CP, thay thế Nghị định số 107/2018/NĐ-CP, và được trình bày tại Xuất khẩu gạo, cà phê và các nông sản chủ lực.

Lựa chọn loại hình đầu tư

Phần lớn doanh nghiệp nông nghiệp nước ngoài sử dụng công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Nam, do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu toàn bộ hoặc cùng sở hữu với đối tác Việt Nam, vì chỉ doanh nghiệp mới có thể thuê đất của Nhà nước, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, đứng tên ký kết hợp đồng canh tác dài hạn và hưởng ưu đãi (Lựa chọn loại hình doanh nghiệp; Câu hỏi số 11). **Công ty 100% vốn nước ngoài** cho phép kiểm soát chất lượng, thương hiệu và việc tuân thủ yêu cầu xuất khẩu, phù hợp với nhà máy chế biến, cơ sở đóng gói, khu nhà kính trên đất thuê của Nhà nước và hoạt động cung cấp vật tư đầu vào. **Liên doanh** phù hợp với dự án mà đất đai, giấy phép hoặc quan hệ với nông dân thuộc về đối tác Việt Nam, thường là công ty nông nghiệp của tỉnh, công ty nông, lâm trường quốc doanh trước đây hoặc doanh nghiệp chế biến gia đình có thể góp phần đất mà mình có quyền chuyển nhượng; phần vốn góp phải được định giá, công chứng và đăng ký (Cách thức tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp cận đất đai).

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) cho phép nhà đầu tư nước ngoài chia sản phẩm hoặc lợi nhuận từ trang trại hoặc nhà máy của một bên Việt Nam mà không phải thành lập doanh nghiệp, nhưng BCC có bên nước ngoài phải có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, không tạo ra pháp nhân riêng và đất vẫn thuộc về bên Việt Nam (Các hình thức đầu tư). **Mua lại** một doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam mang lại đất đai, giấy phép, mã số vùng trồng và mạng lưới nhà cung cấp của doanh nghiệp đó, và phải đăng ký theo

Điều 21 Luật Đầu tư khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài vượt hoặc tăng thêm trên mức 50%, khi doanh nghiệp mục tiêu kinh doanh ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện, hoặc khi doanh nghiệp mục tiêu có đất tại xã biên giới, xã ven biển, trên đảo hoặc tại khu vực nhạy cảm về quốc phòng, như trường hợp của nhiều doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản ven biển.

Có hai điểm về cấu trúc thường bị bỏ qua. Ngưỡng 50% tại Điều 20 Luật Đầu tư quyết định doanh nghiệp đầu tư với tư cách nhà đầu tư nước ngoài hay nhà đầu tư trong nước, và khoản 46 Điều 3 Luật Đất đai định nghĩa tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bằng cách dẫn chiếu đến chính các thủ tục áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài đó, nên liên doanh có tỷ lệ sở hữu nước ngoài từ 50% trở xuống là người sử dụng đất trong nước theo điểm b khoản 1 Điều 4 và có thể nhận chuyển nhượng đất của nông dân theo phương án đã được phê duyệt (mục 11.3); ngưỡng này tính cả phần sở hữu gián tiếp thông qua doanh nghiệp Việt Nam do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ đa số vốn, do đó cần kiểm tra cơ cấu sở hữu vốn trước khi một cấu trúc đầu tư phụ thuộc vào ngưỡng này. Ngoài ra, nguyên liệu ở quy mô lớn thường không đến từ đất do doanh nghiệp nắm giữ mà từ **hợp đồng liên kết** với hợp tác xã và hộ gia đình theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, theo đó doanh nghiệp cung cấp vật tư đầu vào, tiêu chuẩn kỹ thuật và thu mua sản phẩm; khả năng thực thi các hợp đồng này và vấn đề bán sản phẩm ra ngoài hợp đồng được trình bày tại Chế biến nông sản, an toàn thực phẩm, hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng.

HƯỚNG DẪN RA QUYẾT ĐỊNH

Loại hình đầu tư nào phù hợp với dự án nông nghiệp của tôi?

Hướng dẫn ra quyết định dành cho nhà đầu tư nước ngoài. Trả lời lần lượt theo thứ tự; kết quả đầu tiên đạt được là điểm khởi đầu thông thường, không phải cấu trúc duy nhất có thể áp dụng.

Q1 Hoạt động có phải là khai thác thủy sản trên biển tại vùng biển Việt Nam hoặc một ngành, nghề khác thuộc phần chưa được tiếp cận thị trường của Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP không?

Có Nhà đầu tư nước ngoài không được đầu tư vào hoạt động đó. Hãy tái cấu trúc dự án xoay quanh các khâu được mở cửa, như thu mua, chế biến và xuất khẩu sản lượng khai thác, và không sử dụng người đứng tên hộ.

Không Chuyển sang câu hỏi 2.

Q2 Đối tác hoặc doanh nghiệp mục tiêu Việt Nam đã có đất đai, giấy phép hoặc mạng lưới nông dân mà dự án cần chưa?

Có Cần nhắc liên doanh có góp vốn bằng quyền sử dụng đất, hoặc mua lại doanh nghiệp kèm đăng ký theo Điều 21 trong trường hợp thuộc diện phải đăng ký; thẩm định pháp lý quyền sử dụng đất và hình thức nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà theo đó đất đang được nắm giữ.

Không Chuyển sang câu hỏi 3.

Q3 Dự án có cần đất riêng ngoài khu công nghiệp cho đồn điền, khu nhà kính hoặc trang trại không?

Có Công ty 100% vốn hoặc có vốn nước ngoài chiếm đa số đề nghị Nhà nước cho thuê đất, kèm chấp thuận chủ trương đầu tư trong trường hợp áp dụng Điều 24; cần tính đến việc giải phóng mặt bằng và ký quỹ.

Không Chuyển sang câu hỏi 4.

Q4 Doanh nghiệp có chế biến, đóng gói hoặc kinh doanh nông sản do người khác sản xuất không?

Có Công ty 100% vốn đặt tại khu công nghiệp hoặc trên mặt bằng đi thuê, tạo nguồn nguyên liệu thông qua hợp đồng liên kết với hợp tác xã và hộ gia đình; chỉ bổ sung giấy phép kinh doanh nếu doanh nghiệp sẽ nhập khẩu hoặc phân phối hàng hóa không do mình sản xuất.

Không Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc thỏa thuận cung cấp và dịch vụ kỹ thuật với một nhà sản xuất Việt Nam có thể là đủ; lưu ý rằng BCC có bên nước ngoài phải có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (IRC).

Các bước đầu tiên đối với nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp

1 Xác định ngành, nghề kinh doanh tương ứng với hoạt động

Liệt kê mọi hoạt động theo mã ngành kinh tế Việt Nam (VSIC), từ sản xuất nông nghiệp và chế biến đến cung cấp vật tư đầu vào và xuất khẩu, và đối chiếu từng hoạt động với Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP và các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo Điều 7.

2 Kiểm tra quy hoạch và đất đai

Xác nhận với Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh rằng khu vực đã được quy hoạch cho mục đích sử dụng dự kiến, khu vực có bao gồm đất trồng lúa hoặc đất rừng hay không, và phương thức tiếp cận đất đai nào là khả thi.

3 Xác định các giấy phép chuyên ngành

Điều kiện về giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và an toàn thực phẩm đều có hồ sơ và cơ quan có thẩm quyền riêng; cần tính đến các thay đổi từ ngày 01/01/2027.

4 Lựa chọn và thành lập pháp nhân đầu tư

Xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (IRC) (hoặc thành lập doanh nghiệp trước và xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong vòng 12 tháng), mở tài khoản vốn đầu tư và đăng ký doanh nghiệp; đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư trước trong trường hợp áp dụng Điều 24.

5 Ghi nhận ưu đãi

Xác định các ưu đãi về thuế TNDN, tiền thuê đất, thuế nhập khẩu và hỗ trợ theo các nghị định hỗ trợ mà dự án đủ điều kiện hưởng, và đề nghị ghi nhận các ưu đãi này trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc hợp đồng thuê đất, như giải thích tại mục 11.2.

6 Bảo đảm nguồn nguyên liệu

Đàm phán hợp đồng liên kết với hợp tác xã và hộ gia đình, hoặc thỏa thuận góp vốn bằng quyền sử dụng đất với đối tác, trước khi cam kết đầu tư công suất chế biến.

7 Xin các văn bản chấp thuận về môi trường và xây dựng

Xác định dự án có phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường hay không, và xin các văn bản chấp thuận về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy.

8 Chuẩn bị cho xuất khẩu

Đăng ký mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói, thiết lập hệ thống an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, và thực hiện mọi thủ tục đăng ký với nước nhập khẩu trước vụ thu hoạch đầu tiên.

VÍ DỤ MINH HỌA

Một tập đoàn rau quả Úc dự kiến thực hiện dự án sầu riêng và bơ tại Tây Nguyên

Một tập đoàn trái cây Úc muốn trồng, đóng gói và xuất khẩu sầu riêng và bơ từ tỉnh Đắk Lắk, trong đó một phần trái cây được thu mua từ nông dân địa phương. Cấu trúc, thời gian và số liệu là các giả định mang tính minh họa, không phải báo giá hay dự đoán về quyết định của bất kỳ cơ quan nào.

Tiếp cận thị trường	Trồng, đóng gói và xuất khẩu trái cây cho phép nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn; không ngành, nghề nào thuộc Phụ lục I. Hoạt động đóng gói xuất khẩu phải đáp ứng điều kiện về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật, nhưng không bị giới hạn tỷ lệ sở hữu theo pháp luật đầu tư.
Đất đai	Tập đoàn không thể nhận chuyển nhượng vườn cây của nông dân. Tập đoàn đàm phán với một công ty nông nghiệp của tỉnh đang nắm giữ 300 ha đất trồng cây theo hình thức thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê; công ty này góp 200 ha vào liên doanh để đổi lấy 30% vốn điều lệ, phần vốn góp được định giá bởi tổ chức thẩm định giá được cấp phép và được công chứng.
Loại hình đầu tư	Công ty liên doanh, 70% vốn Úc và 30% vốn Việt Nam. Do có trên 50% vốn nước ngoài, công ty thực hiện thủ tục như đối với nhà đầu tư nước ngoài: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Sở Tài chính cấp tỉnh cấp, giả định trong khoảng ba tuần kể từ khi có hồ sơ hợp lệ; phần đất góp vốn được đăng ký đứng tên công ty.
Nguyên liệu	Hợp đồng liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP với hai hợp tác xã bao gồm khoảng 400 hộ nông dân, kèm cung ứng vật tư đầu vào, tiêu chuẩn kỹ thuật và công thức tính giá thu mua.
Cơ quan quản lý	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đối với mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói; Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh đối với đất đai và môi trường; Sở Tài chính và Cục Thuế đối với ưu đãi.

Tiến độ

Tháng thứ 1 đến tháng thứ 3: thẩm định pháp lý, định giá và ký thỏa thuận liên doanh. Tháng thứ 3 đến tháng thứ 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký đất đai. Tháng thứ 5 đến tháng thứ 12: xây dựng cơ sở đóng gói tại một cụm công nghiệp gần đó, đăng ký mã số cho vườn cây của liên doanh và của các hợp tác xã. Vụ xuất khẩu đầu tiên vào tháng thứ 13.

Nếu tập đoàn chỉ nắm giữ 49% vốn, tập đoàn đã không phải xin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và, theo cách hiểu khoản 46 Điều 3 Luật Đất đai được giải thích tại mục 11.3, có thể lập luận là đã được nhận chuyển nhượng đất của nông dân theo phương án đã được phê duyệt, nhưng tập đoàn sẽ mất quyền kiểm soát liên doanh.

Nếu công ty của tỉnh nắm giữ đất theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, công ty chỉ có thể góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất và quyền thuê trong hợp đồng thuê đất, chứ không thể góp chính quyền sử dụng đất.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về khung pháp lý nông nghiệp

Nhà đầu tư nước ngoài có được sở hữu 100% vốn của doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam không?

Có, nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu 100% vốn đối với phần lớn hoạt động. Trồng trọt, rau quả, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến nông sản không thuộc danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường tại Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP, nên nhà đầu tư nước ngoài có thể sở hữu 100% vốn của doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong các ngành, nghề đó. Tuy nhiên, các giấy phép chuyên ngành, quy định về đất đai và yêu cầu chấp thuận chủ trương đầu tư đối với một số dự án vẫn được áp dụng.

Bộ nào quản lý nhà nước về nông nghiệp tại Việt Nam?

Bộ Nông nghiệp và Môi trường, được thành lập ngày 01/3/2025 trên cơ sở hợp nhất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước đây, là cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Cục Chăn nuôi và Thú y của Bộ giải quyết phần lớn các loại giấy phép, còn Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh thực hiện chức năng ở địa phương. Quản lý an toàn thực phẩm được phân chia với Bộ Y tế và Bộ Công Thương.

Doanh nghiệp nước ngoài có được khai thác thủy sản tại vùng biển Việt Nam không?

Không. Khai thác thủy sản trên biển tại vùng biển Việt Nam thuộc phần ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường của Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP, nên nhà đầu tư nước ngoài không được sở hữu hoặc vận hành doanh nghiệp khai thác thủy sản tại đó. Nhà đầu tư nước ngoài được thu mua, chế biến và xuất khẩu thủy sản, và hoạt động nuôi trồng thủy sản được mở cửa, tuân theo Luật Thủy sản và quy định về khu vực biển.

Doanh nghiệp nông nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có cần giấy phép kinh doanh không?

Doanh nghiệp nông nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không cần giấy phép kinh doanh để bán sản phẩm do mình sản xuất tại Việt Nam. Doanh nghiệp chỉ cần giấy phép kinh doanh theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP nếu nhập khẩu, bán buôn hoặc bán lẻ hàng hóa không do mình sản xuất, như phân bón nhập khẩu hoặc nông sản của người trồng khác. Xuất khẩu gạo được cấp phép riêng, từ ngày 01/10/2026 theo Nghị định số 365/2026/NĐ-CP.

Luật sửa đổi năm 2026 có làm thay đổi các giấy phép nông nghiệp không?

Nhiều khả năng có, từ ngày 01/01/2027. Luật được thông qua vào tháng 8/2026 sửa đổi, bổ sung Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và Luật Thủy sản, cùng một số luật khác, nhằm cắt giảm thủ tục và điều kiện kinh doanh. Các nghị định hướng dẫn sẽ quy định chi tiết, nên kế hoạch cấp phép kéo dài qua thời điểm đó cần được rà soát.

Liên doanh có 49% vốn nước ngoài có thoát khỏi các hạn chế về đất nông nghiệp không?

Có, miễn là tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá ngưỡng này. Khoản 46 Điều 3 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 định nghĩa tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là tổ chức phải thực hiện thủ tục đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư, vốn áp dụng đối với doanh nghiệp có trên 50% vốn nước ngoài (tính cả phần sở hữu thông qua doanh nghiệp Việt Nam do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ đa số vốn), và điểm b khoản 1 Điều 4 coi các tổ chức kinh tế khác là người sử dụng đất trong nước. Do đó, liên doanh có 49% vốn nước ngoài có thể nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt (mục 11.3).

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Luật sửa đổi, bổ sung mười luật về thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, được thông qua vào tháng 8/2026, có hiệu lực từ ngày 01/01/2027; Bộ Nông nghiệp và Môi trường dự kiến ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn trong những tháng cuối năm 2026, và các giấy phép đang trong quá trình giải quyết tại thời điểm đó cần được đối chiếu với quy định chuyển tiếp.
- Luật số 24/2026/QH16 sửa đổi danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong Luật Đầu tư từ ngày 01/3/2027, có thể chuyển một số ngành, nghề về vật tư đầu vào và dịch vụ nông nghiệp từ cơ chế cấp phép trước sang hậu kiểm.
- Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp vẫn đang ở dạng dự thảo tại ngày 31/3/2026, khi Phó Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính hoàn thiện; đến ngày 16/10/2026 chưa có xác nhận nào về việc văn bản thay thế đã được ban hành (mục 11.2).
- Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi trình Quốc hội vào tháng 10/2026, với ngày hiệu lực dự kiến là 01/3/2027, sẽ thay đổi một số thủ tục giao đất, cho thuê đất mà các dự án nông nghiệp sử dụng (mục 11.3).

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Ministry of Agriculture and Environment (MAE)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan quản lý nhà nước cấp trung ương về nông nghiệp, đất đai và môi trường từ ngày 01/3/2025.
Department of Crop Production and Plant Protection	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường phụ trách giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch và mã số vùng trồng.
Department of Livestock Production and Animal Health	Cục Chăn nuôi và Thú y	Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường phụ trách giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi, thuốc thú y và kiểm dịch động vật.
Provincial Department of Agriculture and Environment	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan cấp tỉnh phụ trách giấy phép nông nghiệp, đất đai và môi trường.
Market access	Tiếp cận thị trường	Quyền của nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư vào một ngành, nghề kinh doanh (Điều 8 Luật Đầu tư).
Conditional business line	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề mà mọi nhà đầu tư phải có giấy phép hoặc đáp ứng điều kiện (Điều 7).
Business cooperation contract (BCC)	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	Hình thức đầu tư theo hợp đồng mà không thành lập doanh nghiệp.
Linkage in production and consumption	Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	Liên kết sản xuất theo hợp đồng giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân (Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).
Cooperative	Hợp tác xã	Tổ chức kinh tế tập thể của các thành viên theo Luật số 17/2023/QH15.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Luật chuyên ngành, giấy phép, quy định về chất lượng và cơ quan quản lý được áp dụng như nhau đối với nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam. Có ba khác biệt. Về tiếp cận thị trường: khai thác thủy sản trên biển và các ngành, nghề khác thuộc phần chưa được tiếp cận thị trường của Phụ lục I không cho phép nhà đầu tư nước ngoài tham gia, và dự án trồng rừng của nhà đầu tư nước ngoài phải được chấp thuận chủ trương đầu tư. Về thủ tục: doanh nghiệp có trên 50% vốn nước ngoài phải có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (IRC) và thực hiện thủ tục như đối với nhà đầu tư nước ngoài. Về đất đai: doanh nghiệp áp dụng thủ tục như đối với nhà đầu tư nước ngoài chỉ được thuê đất của Nhà nước, nhận góp vốn, mua lại doanh nghiệp và thuê đất của nông dân, trong khi doanh nghiệp 100% vốn Việt Nam còn có thể nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp từ nông dân theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt và qua đó tự hình thành vùng nguyên liệu.

LƯU Ý

- Dựa vào một điều kiện cấp phép lấy từ nghị định cũ: các cải cách giai đoạn 2025-2026 đã bãi bỏ nhiều điều kiện, và luật sửa đổi tháng 8/2026 tiếp tục thay đổi thêm từ ngày 01/01/2027.
- Để tỷ lệ sở hữu nước ngoài tăng lên trên 50%, dù trực tiếp hay thông qua cổ đông Việt Nam do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ đa số vốn: khi đó doanh nghiệp trở thành tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo khoản 46 Điều 3 Luật Đất đai và không còn được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp theo phương án đã được phê duyệt.
- Tham gia khai thác thủy sản thông qua người đứng tên hộ là người Việt Nam; khai thác thủy sản trên biển không cho phép nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận và các thỏa thuận đứng tên hộ bị cấm.
- Giấy chứng nhận, hợp đồng thuê đất và hồ sơ ưu đãi do cơ quan của một tỉnh hoặc huyện không còn tồn tại sau đợt hợp nhất tháng 7/2025 cấp; cần xác nhận rằng các văn bản này đã được cơ quan mới tiếp nhận.
- Đầu tư xây dựng công suất chế biến trước khi bảo đảm được nguồn nguyên liệu bằng đất đai hoặc hợp đồng liên kết có khả năng thực thi.
- Bỏ qua việc chỉ một ngành, nghề có điều kiện, như buôn bán phân bón hoặc sản xuất thức ăn chăn nuôi, cũng làm phát sinh giấy phép hoặc điều kiện chuyên ngành đối với toàn bộ doanh nghiệp.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cục Thống kê: tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025 (tăng trưởng ngành, sản lượng lúa, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và gỗ) — <https://www.nso.gov.vn/bai-top/2026/01/mot-so-net-chinh-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/>
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (cổng thông tin điện tử; Cục Chăn nuôi và Thú y) — <https://mae.gov.vn>
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Plant Production and Protection Department), Bộ Nông nghiệp và Môi trường — <https://www.ppd.gov.vn>
- Báo Sài Gòn Giải Phóng, ngày 23/01/2026 (tin về họp báo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường): kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2025 đạt 70,09 tỷ USD và số liệu theo mặt hàng — <https://www.sggp.org.vn/xuat-khau-nong-lam-thuy-san-nam-2025-dat-hon-70-ty-usd-post834914.html>
- Mekong ASEAN, ngày 06/10/2026 (tin về số liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường): kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chín tháng đầu năm 2026 — <https://mekongasean.vn/nong-lam-thuy-san-xuat-sieu-gan-17-ty-usd-trong-9-thang-dau-nam-2026-60341.html>
- Báo Dân chủ và Pháp luật (cơ quan của Bộ Tư pháp): 15 luật được thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ nhất của Quốc hội khóa XVI, trong đó có luật sửa đổi, bổ sung mười luật về nông nghiệp và môi trường — <https://danchuphapluat.vn/cong-bo-15-luat-duoc-thong-qua-tai-ky-hop-khong-thuong-le-lan-thu-nhat-quoc-hoi-khoa-xvi-10303.html>
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang: giới thiệu Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15, có viện dẫn các Nghị quyết số 57-NQ/TW và 68-NQ/TW — https://pbgdpl.tuyenquang.gov.vn/Vanban/202662692641_37315.pdf
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): các Luật số 31/2018/QH14, 32/2018/QH14, 41/2013/QH13, 79/2015/QH13, 18/2017/QH14, 16/2017/QH14, 55/2010/QH12 và 143/2025/QH15; Nghị định số 96/2026/NĐ-CP — <https://vbpl.vn>

Ưu đãi đầu tư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: miễn thuế và thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp, chế biến và sản xuất vật tư đầu vào, việc chấm dứt chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các loại hình công nghệ cao mới, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, miễn, giảm tiền thuê đất và hỗ trợ bằng tiền theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, thuế GTGT đối với nông sản và vật tư đầu vào, thuế nhập khẩu, tín dụng và bảo hiểm nông nghiệp, kèm ví dụ minh họa

Rà soát ngày 16/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHỚ

- Theo Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản, và thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, trồng rừng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến nông sản, thủy sản tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được miễn thuế; cũng các khoản thu nhập này được áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và 15% tại các địa bàn khác (Điều 13).
- Sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, trồng rừng và bảo quản nông sản sau thu hoạch được áp dụng thuế suất 10% không phân biệt địa bàn; dự án mới sản xuất máy móc nông nghiệp, thiết bị tưới tiêu hoặc thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản được áp dụng thuế suất 17% trong 10 năm, được miễn thuế hai năm và giảm 50% trong bốn năm; và dự án mới tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, được miễn thuế bốn năm và giảm 50% trong chín năm.
- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, đã chấm dứt loại giấy chứng nhận riêng dành cho doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: các giấy chứng nhận hiện có và ưu đãi kèm theo tiếp tục được áp dụng đến khi hết hạn, doanh nghiệp đề nghị mới phải đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao hoặc doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1 hoặc nhóm 2, và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do cấp tỉnh thành lập theo Nghị định số 263/2026/NĐ-CP.
- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP vẫn là khuôn khổ pháp lý về miễn, giảm tiền thuê đất và hỗ trợ bằng tiền cho dự án nông nghiệp, từ miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê tại các địa bàn khó khăn nhất đến miễn 11 năm tại các địa bàn nông thôn khác, cùng các khoản hỗ trợ sau đầu tư do ngân sách cấp tỉnh chi trả; trong năm 2026, nghị định thay thế vẫn đang ở giai đoạn dự thảo.
- Nông sản chưa qua chế biến do người trồng bán ra thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, và từ ngày 01/01/2026, doanh nghiệp bán tiếp các sản phẩm này cho doanh nghiệp khác không phải kê khai thuế GTGT (Luật số 149/2025/QH15); phân bón và thuốc bảo vệ thực vật chịu thuế suất 5%, thức ăn chăn nuôi, giống cây trồng và giống vật nuôi thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, và Nghị định số 346/2026/NĐ-CP nâng mức hỗ trợ của Nhà nước đối với phí bảo hiểm nông nghiệp từ ngày 20/10/2026.

Cấu trúc của các ưu đãi trong lĩnh vực nông nghiệp

Nông nghiệp là một trong những lĩnh vực được Luật Đầu tư năm 2025 ưu tiên, và Điều 15 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 dành cho dự án nông nghiệp bốn hình thức ưu đãi giống như đối với mọi dự án khác: ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế nhập khẩu, miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thuế sử dụng đất, và khấu hao nhanh hoặc tăng mức chi phí được trừ (Ưu đãi đầu tư; Câu hỏi số 31). Tuy nhiên, những gì một dự án nông nghiệp thực sự được hưởng lại do một số văn bản khác quyết định, mỗi văn bản có danh mục và điều kiện riêng, và việc phân tích phải được thực hiện lần lượt theo từng văn bản.

Có sáu tầng quy định cần xem xét. **Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp**, Luật số 67/2025/QH15, áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025 và được hướng dẫn bởi Nghị định số 320/2025/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, mang lại cho nông nghiệp ưu đãi có giá trị nhất: thu nhập được miễn thuế hoặc chịu thuế suất thấp căn cứ vào loại hoạt động và địa bàn. **Luật Công nghệ cao**, Luật số 133/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, cùng Nghị định số 260/2026/NĐ-CP và Nghị định số 263/2026/NĐ-CP, điều chỉnh tư cách công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. **Các quy định về đất đai**, gồm Điều 157

Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP và Nghị định số 230/2025/NĐ-CP, cho phép miễn, giảm tiền thuê đất; đối với dự án nông nghiệp, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP dẫn chiếu đến nghị định của Chính phủ về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, tức **Nghị định số 57/2018/NĐ-CP**, văn bản cũng quy định hỗ trợ bằng tiền. **Luật Thuế GTGT**, Luật số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 149/2025/QH15, đưa phần lớn nông sản và nhiều loại vật tư đầu vào vào đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế suất 5%, đây là một quy tắc về chi phí hơn là một ưu đãi. **Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**, Luật số 107/2016/QH13, miễn thuế đối với thiết bị của dự án được hưởng ưu đãi. Và **các nghị định hỗ trợ chuyên ngành** về tín dụng (Nghị định số 55/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung), bảo hiểm (Nghị định số 58/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung) và liên kết (Nghị định số 98/2018/NĐ-CP) bổ sung các biện pháp hỗ trợ tài chính và chia sẻ rủi ro.

Tất cả các ưu đãi này áp dụng như nhau đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp Việt Nam; dự án có vốn đầu tư nước ngoài thường được ghi nhận ưu đãi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, còn ưu đãi thuế TNDN trong cả hai trường hợp đều do doanh nghiệp tự xác định trong hồ sơ khai thuế (Câu hỏi số 40). Trường hợp dự án đáp ứng điều kiện hưởng nhiều mức ưu đãi khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập, khoản 1 Điều 12 Luật Thuế TNDN cho phép doanh nghiệp lựa chọn mức ưu đãi có lợi nhất.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: thu nhập từ nông nghiệp được miễn thuế

Điều 4 Luật số 67/2025/QH15 liệt kê các khoản thu nhập được miễn thuế TNDN hoàn toàn, chứ không chỉ chịu thuế suất thấp hơn, và nông nghiệp chiếm vị trí đáng kể trong danh mục này. Theo khoản 1 Điều 4, các khoản thu nhập sau được miễn thuế: **thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản; thu nhập của doanh nghiệp từ sản xuất sản phẩm cây trồng, trồng rừng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và từ chế biến nông sản, thủy sản** (kể cả trường hợp doanh nghiệp mua nông sản, thủy sản để chế biến) **tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn**; và thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã từ các hoạt động nêu trên và từ sản xuất muối, không phân biệt địa bàn. Khoản 2 Điều 4 miễn thuế đối với thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, và khoản 3 Điều 4 miễn thuế đối với **thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp**, không phân biệt bên cung cấp dịch vụ và địa bàn.

Có ba vấn đề cần lưu ý khi áp dụng. Tiêu chí địa bàn căn cứ vào nơi diễn ra hoạt động tạo ra thu nhập, đối chiếu với danh mục địa bàn do Chính phủ quy định cho mục đích thuế TNDN theo khoản 3 Điều 12; sau khi bỏ cấp huyện năm 2025, cần đối chiếu danh mục hiện hành để xác nhận xã nơi đặt trang trại hoặc nhà máy có thuộc danh mục hay không. Thu nhập từ chế biến chỉ được ưu đãi nếu hoạt động chế biến đáp ứng các điều kiện do Chính phủ quy định theo Điều 4 và điểm 1 khoản 2 Điều 12. Và thu nhập được miễn thuế phải được hạch toán riêng theo khoản 2 Điều 18, với chi phí chung được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu hoặc tỷ lệ chi phí trong trường hợp không thể hạch toán riêng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế

Ngoài trường hợp miễn thuế, các Điều 12 đến Điều 14 Luật Thuế TNDN quy định một thang thuế suất cho các hoạt động nông nghiệp, được tóm tắt trong bảng dưới đây. Điểm khác biệt chủ yếu là giữa thuế suất áp dụng **trong suốt thời gian hoạt động**, không kèm miễn, giảm thuế, và thuế suất áp dụng cho **dự án đầu tư mới trong một thời hạn nhất định**, kèm thời gian miễn thuế, giảm thuế.

Áp dụng trong suốt thời gian hoạt động: thu nhập từ sản phẩm cây trồng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến (điểm l khoản 2 Điều 12) và từ nuôi trồng, phát triển rừng (điểm k khoản 2 Điều 12) chịu thuế suất **10%** tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (điểm a khoản 2 Điều 13) và **15%** ngoài các địa bàn ưu đãi (khoản 3 Điều 13), so với thuế suất phổ thông 20%. Thu nhập từ trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, từ sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, giống vật nuôi, từ bảo quản nông sản sau thu hoạch và bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm, và từ sản xuất muối không phải của hợp tác xã (điểm i khoản 2 Điều 12) chịu thuế suất **10% không phân biệt địa bàn hoạt động** (điểm b khoản 2 Điều 13). Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ngoài các địa bàn ưu đãi cũng chịu thuế suất 10% (điểm d khoản 2 Điều 13).

Áp dụng cho dự án mới, kèm miễn, giảm thuế: dự án mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không phân biệt ngành, nghề, được áp dụng thuế suất **10% trong 15 năm**, được **miễn thuế bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo** (điểm c khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 14); dự án mới tại khu công nghệ cao hoặc **khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao** được hưởng cùng mức ưu đãi (điểm d khoản 1 Điều 13); và dự án mới sản xuất **máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, thiết bị tưới tiêu, hoặc thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản** (điểm m khoản 2 Điều 12) được áp dụng thuế suất **17% trong 10 năm**, được **miễn thuế hai năm và giảm 50% trong bốn năm** (điểm a khoản 4 Điều 13 và khoản 2 Điều 14), tương tự như mọi dự án mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (điểm b khoản 4 Điều 13). Thời gian miễn thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, hoặc từ năm thứ tư có doanh thu nếu không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu (khoản 4 Điều 14); thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính từ năm đầu tiên có doanh thu (khoản 7 Điều 13). Dự án đầu tư mở rộng đáp ứng điều kiện có thể được hưởng ưu đãi của dự án ban đầu cho thời gian còn lại hoặc, nếu các ưu đãi đó đã hết, được miễn thuế, giảm thuế mới (khoản 5 và khoản 6 Điều 14) (Câu hỏi số 33).

Một số khoản thu nhập bị loại trừ bất kể loại hoạt động. Theo khoản 3 Điều 18, không áp dụng ưu đãi và không áp dụng các mức thuế suất dành cho doanh nghiệp nhỏ đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản hoặc chuyển nhượng dự án, thu nhập nhận được ngoài lãnh thổ Việt Nam, hoặc thu nhập từ sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, điều này có ý nghĩa đối với doanh nghiệp chế biến bia, thuốc lá và, khi thuế này được mở rộng sang nước giải khát có đường từ ngày 01/01/2027, đối với một số doanh nghiệp sản xuất đồ uống. Ưu đãi cũng đòi hỏi doanh nghiệp thực hiện đúng chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế theo phương pháp kê khai (khoản 1 Điều 18), và ưu đãi thuế TNDN dành cho dự án mới không được áp dụng đối với dự án hình thành từ việc sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển nhượng dự án hiện có (khoản 1 Điều 18). Các tập đoàn có doanh thu hợp nhất từ 750 triệu EUR trở lên thuộc phạm vi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu có thể phải nộp bổ sung để mức thuế suất nông nghiệp thấp được nâng lên 15% (Câu hỏi số 36).

Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nông nghiệp (Luật số 67/2025/QH15)

Hoạt động	Địa bàn đặc biệt khó khăn	Địa bàn khó khăn	Địa bàn khác	Căn cứ pháp lý
Đánh bắt hải sản	Miễn thuế	Miễn thuế	Miễn thuế	Khoản 1 Điều 4
Trồng trọt, trồng rừng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; chế biến nông sản, thủy sản (doanh nghiệp)	Miễn thuế	10% trong suốt thời gian hoạt động	15% trong suốt thời gian hoạt động	Khoản 1 Điều 4, điểm l khoản 2 Điều 12, điểm a khoản 2 Điều 13, khoản 3 Điều 13
Sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, trồng và bảo vệ rừng, bảo quản sau thu hoạch, sản xuất muối	10% (hoặc miễn thuế nếu thuộc khoản 1 Điều 4)	10%	10%	Điểm i khoản 2 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 13
Dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp	Miễn thuế	Miễn thuế	Miễn thuế	Khoản 3 Điều 4
Hợp tác xã nông nghiệp	Miễn thuế	Miễn thuế	10% (thu nhập từ sản phẩm cây trồng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến được miễn thuế theo khoản 1 Điều 4)	Khoản 1 và khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 2 Điều 13
Dự án mới sản xuất máy móc nông nghiệp, thiết bị tưới tiêu hoặc thức ăn chăn nuôi	10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% trong 9 năm (ưu đãi theo địa bàn)	17% trong 10 năm, miễn thuế 2 năm và giảm 50% trong 4 năm	17% trong 10 năm, miễn thuế 2 năm và giảm 50% trong 4 năm	Điểm m khoản 2 Điều 12, điểm c khoản 1 Điều 13, khoản 4 Điều 13, Điều 14
Dự án mới tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% trong 9 năm	Điểm c khoản 3 Điều 12, điểm d khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14

Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sau Luật Công nghệ cao năm 2025

Đến hết ngày 30/6/2026, Việt Nam có một loại tư cách riêng là **doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**, do bộ quản lý ngành nông nghiệp cấp giấy chứng nhận theo Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 và các tiêu chí tại Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg. Giấy chứng nhận này gắn với mức ưu đãi thuế TNDN cao nhất, và điểm e khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN năm 2025 vẫn liệt kê loại doanh nghiệp này cùng với doanh nghiệp công nghệ cao. **Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15**, được thông qua ngày 10/12/2025 và có hiệu lực từ **ngày 01/7/2026**, đã thay thế luật năm 2008 và không tiếp tục duy trì loại hình này. Khoản 7 Điều 25 của Luật này sửa đổi Luật Thuế TNDN để bỏ cụm từ "doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao" và bổ sung quy định chuyển tiếp, theo đó doanh nghiệp đang có giấy chứng nhận cấp theo luật năm 2008 tiếp tục được hưởng ưu đãi cho đến khi giấy chứng nhận hết

hạn, và Điều 27 giữ nguyên hiệu lực của các giấy chứng nhận cấp theo luật năm 2008 cho đến thời hạn ghi trên giấy chứng nhận. Do đó, doanh nghiệp nông nghiệp đang có giấy chứng nhận cần ghi nhận và theo dõi ngày hết hạn, vì không có cơ chế cấp lại tương đương.

Hiện nay, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao chỉ có thể đáp ứng điều kiện, nếu có, theo các loại hình chung của luật mới, tùy thuộc vào việc công nghệ và sản phẩm của doanh nghiệp có thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành hay không; các danh mục này đã được cập nhật trong năm 2026 (trong đó có Quyết định số 23/2026/QĐ-TTg ngày 15/5/2026). **Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao** được áp dụng thuế suất **17% trong 10 năm**, được miễn thuế hai năm và giảm 50% trong bốn năm; **doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2**, ngoài ra còn phải sở hữu hoặc có quyền sử dụng hợp pháp công nghệ và đáp ứng ngưỡng về doanh thu, chỉ cho nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam và nhân lực nghiên cứu, được áp dụng thuế suất **10% trong 15 năm**, được miễn thuế bốn năm và giảm 50% trong chín năm; và **doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1**, ngoài các điều kiện trên còn thực hiện nghiên cứu và phát triển hoặc đáp ứng ngưỡng nội địa hóa, được áp dụng thuế suất **10% trong 25 năm** với cùng mức miễn, giảm thuế. Doanh nghiệp công nghệ chiến lược được hưởng mức ưu đãi của nhóm 1 nhưng, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định, phải có ít nhất 51% vốn thuộc sở hữu của nhà đầu tư trong nước. Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 quy định chi tiết các tiêu chí; Bộ Khoa học và Công nghệ xác nhận doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1, doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2 có tổng vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên và doanh nghiệp công nghệ chiến lược, còn Sở Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao và doanh nghiệp nhóm 2 có quy mô nhỏ hơn. Dự thảo nghị định của Bộ Tài chính sửa đổi Nghị định số 320/2025/NĐ-CP để triển khai các mức thuế suất này đã được trình Thủ tướng Chính phủ ngày 31/7/2026.

Bên cạnh đó, điểm a khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN tiếp tục coi **ứng dụng công nghệ cao** thuộc danh mục ưu tiên là lĩnh vực được hưởng ưu đãi, do đó dự án mới ứng dụng công nghệ thuộc danh mục có thể được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm kèm miễn thuế 4 năm và giảm thuế 9 năm (điểm a khoản 1 Điều 13). Việc một hệ thống nhà kính, nuôi cấy mô hoặc chăn nuôi chính xác có phải là công nghệ thuộc danh mục hay không là vấn đề thực tế, và nhà đầu tư nên đề nghị xác nhận theo thủ tục mới hoặc lưu giữ hồ sơ kỹ thuật làm căn cứ cho đánh giá của mình.

Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tiếp tục được duy trì. Điều 24 Luật số 133/2025/QH15 xác định đây là nơi thực hiện nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, kiểm định, trình diễn, ương tạo và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, cho phép áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong khu, và giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng và điều chỉnh khu; các khu được thành lập trước ngày 01/7/2026 tiếp tục hoạt động, và hồ sơ đề nghị thành lập khu tiếp nhận trước ngày đó được giải quyết theo luật năm 2008. **Nghị định số 263/2026/NĐ-CP**, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, quy định sáu điều kiện thành lập (phù hợp với quy hoạch vùng hoặc quy hoạch tỉnh và đã được phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất; kết nối giao thông, điện, nước và viễn thông; quỹ đất đủ diện tích và không bị chia cắt; hạ tầng số và phòng thí nghiệm; và phương án tài chính, nhân lực khả thi) và, theo thông tin được công bố, các hỗ trợ cho dự án trong khu bao gồm ưu tiên thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, hỗ trợ đến 100% một số chi phí đào tạo và chi phí đăng ký sở hữu trí tuệ trong nước, và hỗ trợ lãi suất bằng 70% lãi suất vay, tối đa 8%/năm, đối với thiết bị và dây chuyền sản xuất dùng để thương mại hóa công nghệ cao. Về thuế TNDN, dự án mới tại khu nông nghiệp

ứng dụng công nghệ cao được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, được miễn thuế bốn năm và giảm 50% trong chín năm theo điểm d khoản 1 Điều 13 Luật Thuế TNDN; đây là ưu đãi theo địa bàn mà, khác với địa bàn khu công nghiệp, vẫn được giữ lại sau cải cách năm 2025 (Câu hỏi số 34).

Miễn, giảm tiền thuê đất và hỗ trợ bằng tiền theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP

Điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư, và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 quy định việc miễn, giảm đối với dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của doanh nghiệp thực hiện theo chính sách của Chính phủ về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tức là **Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018**. Nghị định này vẫn còn hiệu lực tại ngày 16/10/2026. Nghị định phân loại dự án nông nghiệp thuộc các ngành, nghề quy định tại phụ lục thành ba cấp theo địa bàn: **dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư** tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, **dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư** tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, và **dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư** tại các địa bàn nông thôn khác.

Hệ quả về tiền thuê đất theo Điều 6 là phần có giá trị nhất. Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước kể từ ngày Nhà nước cho thuê, cho toàn bộ thời gian thuê; dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư được miễn trong 15 năm đầu và nộp 50% trong 7 năm tiếp theo; dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được miễn trong 11 năm đầu và nộp 50% trong 5 năm tiếp theo; và doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập được miễn trong 5 năm và nộp 50% trong 10 năm tiếp theo. Đất xây dựng nhà ở cho người lao động và một số công trình phi nông nghiệp của dự án đáp ứng điều kiện cũng được miễn. Điều 7 bổ sung hỗ trợ tập trung đất đai: Nhà nước hỗ trợ dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư 20% tiền thuê đất mà dự án trả cho hộ gia đình, cá nhân trong 5 năm đầu, và hỗ trợ dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hình thành vùng nguyên liệu mức 50 triệu đồng/ha, tối đa 10 tỷ đồng/dự án. Theo Nghị quyết số 254/2025/QH15, việc miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê không cần làm thủ tục đề nghị riêng, nhưng việc miễn tiền thuê đất trong nhiều năm nên được đề nghị cùng với hồ sơ thuê đất để được ghi nhận (Tiền thuê đất, giá đất và Nghị quyết 254). Nghị định số 230/2025/NĐ-CP bổ sung việc giảm tiền thuê đất đối với doanh nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số (giảm 50% khi số lao động này chiếm từ 30% đến dưới 50% tổng số lao động, miễn khi chiếm từ 50% trở lên) và việc miễn, giảm cho người thuê đất có cây trồng, vật nuôi bị thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn.

Nghị định cũng quy định **hỗ trợ bằng tiền**, được chi trả sau đầu tư từ ngân sách địa phương và ngân sách trung ương: hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay thương mại trong tối đa 8 năm đối với dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư, 6 năm đối với dự án ưu đãi đầu tư và 5 năm đối với dự án khuyến khích đầu tư, cho khoản vay tối đa 70% tổng mức đầu tư của dự án (Điều 8); hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, mua công nghệ, xây dựng cơ sở nuôi cấy mô và sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi (Điều 9); hỗ trợ đào tạo và phát triển thị trường (Điều 10); hỗ trợ cơ sở chế biến, bao gồm 60% chi phí đầu tư kết cấu hạ tầng và thiết bị của dự án, tối đa 15 tỷ đồng, với điều kiện về giá trị sản phẩm đầu ra (Điều 11); hỗ trợ trang trại chăn nuôi bò sữa, bò thịt tập trung mức 5 tỷ đồng/dự án (Điều 12); và hỗ trợ kết cấu hạ tầng nông thôn, bao gồm 200 triệu đồng/ha đối với dự án nuôi trồng thủy sản có quy mô từ 5 ha trở lên, tối đa 10 tỷ đồng (Điều 13). Khoản hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi Sở Tài chính thẩm định và được giải ngân 70% khi

nghiệm thu công trình và 30% sau khi dự án đi vào hoạt động. Nghị định áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, một định nghĩa không loại trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhưng nguồn kinh phí đến từ ngân sách cấp tỉnh có hạn, do đó cần có cam kết bằng văn bản trước khi đầu tư. Ngoài ra, một nghị định thay thế đang được xây dựng: tại cuộc họp ngày 31/3/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ Tài chính, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện dự thảo theo hướng hỗ trợ đến 30% chi phí đầu tư, giới hạn mức hỗ trợ cho vùng nguyên liệu ở 10 tỷ đồng/dự án và hạ ngưỡng vốn đầu tư của dự án chế biến được hỗ trợ từ 60 tỷ đồng xuống 45 tỷ đồng.

Thuế GTGT đối với nông sản và vật tư đầu vào

Thuế GTGT tác động đến biên lợi nhuận trong nông nghiệp nhiều hơn bất kỳ loại thuế nào khác, và các quy định về thuế này đã thay đổi hai lần trong sáu tháng (Thuế GTGT và hóa đơn điện tử). Theo Điều 5 Luật số 48/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 149/2025/QH15 từ ngày 01/01/2026, các đối tượng sau **không chịu thuế GTGT**: sản phẩm trồng trọt, trồng rừng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường, do tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu (khoản 1 Điều 5); giống vật nuôi và vật liệu nhân giống cây trồng (khoản 2 Điều 5); thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản (khoản 3 Điều 5); dịch vụ tưới, tiêu nước, cày, bừa đất, nạo vét kênh, mương nội đồng và dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp (khoản 6 Điều 5); và bảo hiểm cây trồng, vật nuôi và bảo hiểm nông nghiệp khác (khoản 8 Điều 5).

Ở khâu kinh doanh thương mại, từ ngày 01/01/2026 Luật số 149/2025/QH15 đã khôi phục quy định theo đó doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm chưa qua chế biến và bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác **không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT** nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào; trong thời gian từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025, các giao dịch bán này chịu thuế suất 5%. Doanh nghiệp thương mại bán sản phẩm chưa qua chế biến cho hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng chịu thuế suất **5%** (điểm d khoản 2 Điều 9). Nông sản đã qua chế biến, gỗ và măng chịu thuế suất phổ thông 10%, được giảm còn 8% đến hết ngày 31/12/2026 đối với hàng hóa không thuộc diện loại trừ. Vật tư đầu vào chịu thuế suất 5% nếu thuộc danh mục: **phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi** (điểm b khoản 2 Điều 9); nạo vét, đào đắp kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp, dịch vụ nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng, sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp (điểm c khoản 2 Điều 9); và máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của Chính phủ, và tàu đánh bắt xa bờ (điểm g khoản 2 Điều 9).

Hệ quả đối với người trồng là việc bán nông sản chưa qua chế biến do mình sản xuất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, do đó thuế GTGT đầu vào của phân bón, kết cấu nhà kính, thiết bị và dịch vụ gắn với các sản phẩm này về nguyên tắc không được khấu trừ và trở thành chi phí; thuế GTGT đầu vào gắn với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế hoặc xuất khẩu được khấu trừ, với việc phân bổ theo tỷ lệ doanh thu trong trường hợp vật tư đầu vào dùng chung. Cơ sở kinh doanh chỉ cung cấp hàng hóa chịu thuế suất 5% có thể đề nghị hoàn thuế khi số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết đạt từ 300 triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc bốn quý. Luật số 149/2025/QH15 cũng đã bãi bỏ, từ ngày 01/01/2026, điều kiện trong luật năm 2024 về việc người bán phải đã kê khai, nộp thuế GTGT đối với hóa đơn dùng để đề nghị hoàn thuế, và nâng ngưỡng doanh thu hằng năm mà dưới mức đó hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, bao gồm nhiều hộ sản xuất nông nghiệp, không chịu thuế GTGT từ 200 triệu đồng lên 500 triệu đồng.

Thuế nhập khẩu, hỗ trợ tín dụng, bảo hiểm và liên kết

Thuế nhập khẩu. Theo Điều 16 Luật số 107/2016/QH13, hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án thuộc ngành, nghề hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư, như kết cấu nhà kính, hệ thống điều khiển khí hậu, thiết bị tưới, kho lạnh và dây chuyền chế biến mà trong nước chưa sản xuất được, được miễn thuế nhập khẩu trên cơ sở danh mục hàng hóa miễn thuế được thông báo cho cơ quan hải quan trước lần nhập khẩu đầu tiên, và việc miễn thuế bị mất, kèm theo truy thu thuế và tiền chậm nộp, nếu hàng hóa bị bán hoặc sử dụng sai mục đích (Hải quan và thuế nhập khẩu; Câu hỏi số 37). Trước khi dựa vào việc miễn thuế, nhà đầu tư nên đối chiếu với Nghị định số 96/2026/NĐ-CP và quy định về hải quan để xác nhận lĩnh vực nông nghiệp của mình thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, và xác nhận giống cây trồng, giống vật nuôi nhập khẩu được phép nhập khẩu theo pháp luật về trồng trọt và chăn nuôi.

Tín dụng. Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và, từ ngày 01/7/2025, Nghị định số 156/2025/NĐ-CP, cho phép tổ chức tín dụng cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa 300 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình, 500 triệu đồng đối với tổ hợp tác và hộ kinh doanh, 3 tỷ đồng đối với chủ trang trại và 5 tỷ đồng đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, và từ ngày 01/7/2025, tối đa 70% giá trị dự án, phương án sản xuất nông nghiệp hữu cơ hoặc nông nghiệp tuần hoàn; quy định sửa đổi năm 2018 đã cho phép khách hàng có dự án, phương án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vay không có tài sản bảo đảm từ 70% đến 80% giá trị dự án. Việc phê duyệt khoản vay vẫn thuộc quyết định cấp tín dụng của ngân hàng.

Bảo hiểm nông nghiệp. Nghị định số 58/2018/NĐ-CP quy định việc Nhà nước hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp, và **Nghị định số 346/2026/NĐ-CP** ngày 05/9/2026, có hiệu lực từ **ngày 20/10/2026**, nâng mức hỗ trợ tối đa lên 95% phí bảo hiểm đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, 50% đối với cá nhân sản xuất khác và **30% đối với tổ chức sản xuất nông nghiệp đáp ứng điều kiện**, nhóm đối tượng bao gồm doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đáp ứng điều kiện về liên kết sản xuất, chất lượng sản phẩm hoặc ứng dụng công nghệ cao. Nghị định mở rộng phạm vi bảo hiểm ra ngoài các sản phẩm đã được liệt kê (lúa, cao su, cà phê, trâu, bò, lợn, gia cầm, tôm, cá tra và các sản phẩm khác) sang các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực và cây lâm nghiệp khác, công nhận sản phẩm bảo hiểm theo chỉ số, và giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định địa bàn, đối tượng được hỗ trợ, rủi ro được bảo hiểm, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ trong phạm vi ngân sách của địa phương.

Liên kết. Nghị định số 98/2018/NĐ-CP hỗ trợ doanh nghiệp chủ trì liên kết đáp ứng điều kiện với hợp tác xã và nông dân, thông qua hỗ trợ chi phí tư vấn, kết cấu hạ tầng, giống và vật tư đầu vào, đào tạo và bao bì, theo các điều kiện được trình bày tại mục Chế biến nông sản, an toàn thực phẩm, hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng.

Cách xây dựng và đề nghị hưởng gói ưu đãi cho dự án nông nghiệp

1

Xác định hoạt động và địa bàn

Phân loại từng nguồn thu nhập và đối chiếu danh mục hiện hành của Chính phủ để xác nhận xã nơi đặt dự án có thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn hay không, hoặc địa điểm dự án có nằm trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hay không.

2 Lựa chọn mức ưu đãi thuế TNDN có lợi nhất

So sánh mức miễn thuế, thuế suất 10% hoặc 15% áp dụng trong suốt thời gian hoạt động và mọi gói ưu đãi dành cho dự án mới; khoản 1 Điều 12 Luật Thuế TNDN cho phép áp dụng mức có lợi nhất đối với cùng một khoản thu nhập.

3 Kiểm tra tư cách công nghệ cao

Nếu dự án dựa vào công nghệ cao, đối chiếu sản phẩm và công nghệ của dự án với các danh mục năm 2026 và tiêu chí tại Nghị định số 260/2026/NĐ-CP, và theo dõi ngày hết hạn của giấy chứng nhận đã cấp theo luật năm 2008, nếu có.

4 Ghi nhận ưu đãi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hợp đồng thuê đất

Đề nghị ghi nhận các ưu đãi về thuế TNDN, thuế nhập khẩu và tiền thuê đất cùng căn cứ pháp lý của từng ưu đãi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, và nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất cùng với hồ sơ thuê đất.

5 Đề nghị hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP trước khi đầu tư

Nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở Tài chính và có được văn bản cam kết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi xây dựng công trình, vì khoản hỗ trợ chỉ được chi trả sau khi nghiệm thu.

6 Thông báo danh mục hàng hóa miễn thuế

Thông báo cho cơ quan hải quan danh mục hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định được miễn thuế trước lần nhập khẩu đầu tiên, và sử dụng hàng hóa đúng mục đích cho dự án.

7 Hạch toán riêng

Hạch toán riêng thu nhập được miễn thuế, thu nhập được hưởng thuế suất ưu đãi và thu nhập thông thường, cũng như thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế, chịu thuế suất 5% và 10%, để có thể chứng minh ưu đãi và tình trạng thuế GTGT đầu vào khi thanh tra, kiểm tra.

8 Duy trì điều kiện hưởng ưu đãi

Theo dõi danh mục địa bàn, điều kiện về chế biến và tỷ lệ lao động; số tiền ưu đãi được hưởng không đúng sẽ bị truy thu kèm tiền chậm nộp.

VÍ DỤ MINH HỌA

Dự án rau và dưa lưới trồng trong nhà kính: so sánh bốn địa điểm

Một công ty do nhà đầu tư Singapore sở hữu dự kiến thực hiện dự án nhà kính mới quy mô 30 ha để trồng rau và dưa lưới cung cấp cho các chuỗi siêu thị và xuất khẩu, kèm một dây chuyền sản xuất nước ép quy mô nhỏ. Công ty dự kiến có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động trồng trọt 40 tỷ đồng mỗi năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, tiền thuê đất hằng năm phải trả cho Nhà nước 1,2 tỷ đồng trước khi được miễn, giảm,

và thiết bị nhà kính, điều khiển khí hậu nhập khẩu trị giá 150 tỷ đồng. Mọi số liệu, cũng như việc phân loại các địa điểm, đều là giả định minh họa; ví dụ không tính đến chênh lệch tạm thời, thuế tối thiểu toàn cầu và các thay đổi của pháp luật.

Địa điểm A: xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Thu nhập từ trồng trọt được miễn thuế theo khoản 1 Điều 4 Luật Thuế TNDN: thuế TNDN bằng 0. Cấp ưu đãi theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP: đặc biệt ưu đãi đầu tư, do đó được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê. Thuế TNDN trong 15 năm: bằng 0.
Địa điểm B: địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Thu nhập từ trồng trọt chịu thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động (điểm a khoản 2 Điều 13): 4 tỷ đồng mỗi năm. Cấp ưu đãi đầu tư: miễn tiền thuê đất 15 năm, sau đó nộp 50% trong 7 năm. Thuế TNDN trong 15 năm: 60 tỷ đồng.
Địa điểm C: địa bàn nông thôn thông thường	Thu nhập từ trồng trọt chịu thuế suất 15% (khoản 3 Điều 13): 6 tỷ đồng mỗi năm. Cấp khuyến khích đầu tư: miễn tiền thuê đất 11 năm, sau đó nộp 50% trong 5 năm. Thuế TNDN trong 15 năm: 90 tỷ đồng.
Địa điểm D: dự án mới tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% trong 9 năm (điểm d khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 14): năm thứ 1 đến năm thứ 4 bằng 0, năm thứ 5 đến năm thứ 13 là 2 tỷ đồng mỗi năm, năm thứ 14 và năm thứ 15 là 4 tỷ đồng mỗi năm. Thuế TNDN trong 15 năm: 26 tỷ đồng. Điều kiện về đất phụ thuộc vào cơ chế của khu; khu cũng có thể hỗ trợ đào tạo, sở hữu trí tuệ và lãi suất theo Nghị định số 263/2026/NĐ-CP.
Thuế GTGT	Rau và dưa lưới do công ty bán ra với tư cách người trồng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, do đó thuế GTGT đầu vào của phân bón (5%), dịch vụ và thiết bị gắn với các sản phẩm này là chi phí. Nước ép là sản phẩm chế biến chịu thuế suất 10% (8% đến hết ngày 31/12/2026), do đó thuế GTGT đầu vào gắn với dây chuyền nước ép được khấu trừ, phân bổ theo tỷ lệ doanh thu.
Thuế nhập khẩu	Giả định dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, thiết bị nhập khẩu trị giá 150 tỷ đồng mà trong nước chưa sản xuất được được miễn thuế nhập khẩu theo danh mục đã thông báo cho cơ quan hải quan trước khi nhập khẩu.
Bảo hiểm và tín dụng	Nếu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đưa cây trồng của công ty vào phạm vi hỗ trợ theo Nghị định số 346/2026/NĐ-CP và công ty đáp ứng điều kiện về liên kết, chất lượng hoặc ứng dụng công nghệ cao, Nhà nước có thể hỗ trợ đến 30% phí bảo hiểm của công ty từ ngày 20/10/2026. Ngân hàng của công ty có thể cho vay không có tài sản bảo đảm một phần chi phí dự án theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.
Lựa chọn	Địa điểm A có hiệu quả thuế cao nhất nhưng điều kiện logistics kém nhất; công ty chọn Địa điểm D vì kết cấu hạ tầng và khoản tiết kiệm thuế TNDN 64 tỷ đồng trong 15 năm so với Địa điểm C.

Nếu công ty đã có giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được cấp trước ngày 01/7/2026, công ty sẽ tiếp tục được hưởng các ưu đãi gắn với giấy chứng nhận đó cho đến khi hết hạn; hiện không thể được cấp mới loại giấy chứng nhận này.

Nếu công ty thuộc một tập đoàn có doanh thu hợp nhất từ 750 triệu EUR trở lên, thuế tối thiểu toàn cầu có thể nâng thuế suất thực tế thấp của công ty lên 15%, làm giảm giá trị của việc miễn thuế và của thuế suất 10%.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về ưu đãi trong nông nghiệp

Thu nhập từ sản xuất nông nghiệp có được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam không?

Có, tại các địa bàn khó khăn nhất. Khoản 1 Điều 4 Luật số 67/2025/QH15 miễn thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, trồng rừng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến nông sản, thủy sản tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, và toàn bộ thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản. Tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, và tại các địa bàn khác là 15%.

Doanh nghiệp còn có thể được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao không?

Không. Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, không tiếp tục duy trì loại hình này. Giấy chứng nhận đã cấp theo luật năm 2008 vẫn có hiệu lực, cùng các ưu đãi kèm theo, cho đến khi hết hạn. Doanh nghiệp đề nghị mới phải đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao hoặc doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1 hoặc nhóm 2 theo Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

Dự án tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hưởng những ưu đãi thuế nào?

Dự án đầu tư mới tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm, được miễn thuế bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo, theo điểm d khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 14 Luật số 67/2025/QH15. Nghị định số 263/2026/NĐ-CP bổ sung các hỗ trợ phi thuế, và khu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

Trang trại có vốn đầu tư nước ngoài có được miễn tiền thuê đất không?

Có, trên cùng cơ sở như doanh nghiệp Việt Nam. Theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, được áp dụng thông qua Nghị định số 230/2025/NĐ-CP, dự án nông nghiệp được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, miễn 15 năm sau đó nộp 50% trong 7 năm tại địa bàn khó khăn, và miễn 11 năm sau đó nộp 50% trong 5 năm tại các địa bàn nông thôn khác.

Rau quả có chịu thuế GTGT tại Việt Nam không?

Không, khi do người trồng bán ra ở dạng chưa qua chế biến hoặc ở khâu nhập khẩu, theo khoản 1 Điều 5 Luật số 48/2024/QH15. Từ ngày 01/01/2026, thương nhân bán các sản phẩm này cho doanh nghiệp khác không phải kê khai thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào; giao dịch bán cho hộ gia đình và người tiêu dùng chịu thuế suất 5%. Sản phẩm đã qua chế biến chịu thuế suất 10%, hoặc 8% đến hết ngày 31/12/2026.

Phân bón và thức ăn chăn nuôi chịu thuế suất thuế GTGT bao nhiêu?

Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi chịu thuế suất 5% theo điểm b khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT. Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, giống vật nuôi và vật liệu nhân giống cây trồng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo Điều 5. Máy móc nông nghiệp chuyên dùng và tàu đánh bắt xa bờ chịu thuế suất 5%.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP đang ở giai đoạn dự thảo trong năm 2026; ngày 31/3/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện dự thảo với mức hỗ trợ đến 30% chi phí đầu tư và ngưỡng 45 tỷ đồng đối với dự án chế biến được hỗ trợ. Dự án dự kiến triển khai năm 2027 cần kiểm tra nghị định đã được ban hành chưa và cách nghị định xử lý các hồ sơ đã nộp.
- Dự thảo nghị định của Bộ Tài chính sửa đổi Nghị định số 320/2025/NĐ-CP để triển khai các ưu đãi thuế TNDN theo Luật Công nghệ cao năm 2025, đã được trình Thủ tướng Chính phủ ngày 31/7/2026, sẽ quy định chi tiết thủ tục đối với các loại hình công nghệ cao và cơ chế chuyển tiếp đối với các giấy chứng nhận trước đây.
- Thuế suất thuế GTGT 8% theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 hết hiệu lực vào ngày 31/12/2026; nông sản đã qua chế biến sẽ trở lại thuế suất 10% từ ngày 01/01/2027, trừ khi việc giảm thuế được gia hạn.
- Việc áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với nước giải khát có đường từ ngày 01/01/2027 theo Luật số 66/2025/QH15 khiến thu nhập này thuộc trường hợp không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điểm c khoản 3 Điều 18 Luật Thuế TNDN, và doanh nghiệp chế biến đồ uống nên đánh giá tác động ngay từ bây giờ.
- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải quyết định các nội dung theo Nghị định số 346/2026/NĐ-CP thì mức hỗ trợ bảo hiểm cao hơn mới đến được với người sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Tax-exempt income	Thu nhập được miễn thuế	Thu nhập hoàn toàn không phải nộp thuế TNDN theo Điều 4 Luật Thuế TNDN.
Area with extremely difficult socio-economic conditions	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Địa bàn mà tại đó thu nhập từ sản xuất nông nghiệp và chế biến được miễn thuế.
High-tech agricultural zone	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Khu do cấp tỉnh thành lập theo Điều 24 Luật số 133/2025/QH15.
High-tech agricultural enterprise	Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Tư cách được chứng nhận trước đây, không còn được cấp từ ngày 01/7/2026.
High-tech product manufacturing enterprise	Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao	Loại hình mới áp dụng thuế suất 17% trong 10 năm.

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Especially incentivised agricultural investment project	Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư	Cấp ưu đãi cao nhất theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê.
Not subject to VAT	Không chịu thuế giá trị gia tăng	Hàng hóa, dịch vụ nằm ngoài phạm vi chịu thuế GTGT, không có thuế đầu ra và không được khấu trừ thuế đầu vào.
Not required to declare and pay VAT	Không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng	Quy định ở khâu thương mại đối với nông sản chưa qua chế biến bán giữa các doanh nghiệp từ ngày 01/01/2026.
Agricultural insurance	Bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm cây trồng, vật nuôi, thủy sản và rừng được Nhà nước hỗ trợ phí bảo hiểm.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Mọi ưu đãi trong mục này đều áp dụng cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp Việt Nam với cùng điều kiện; không ưu đãi nào phụ thuộc vào quốc tịch. Những khác biệt trên thực tế là: dự án có vốn đầu tư nước ngoài thường được ghi nhận ưu đãi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trong khi doanh nghiệp Việt Nam không có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tự xác định ưu đãi ngay từ đầu; khoản hỗ trợ bằng tiền của cấp tỉnh theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, do phụ thuộc vào ngân sách có hạn, cần được bảo đảm bằng cam kết bằng văn bản trước khi đầu tư; và tư cách doanh nghiệp công nghệ chiến lược theo Luật Công nghệ cao năm 2025 nhìn chung đòi hỏi tỷ lệ sở hữu trong nước tối thiểu 51%, điều mà doanh nghiệp nông nghiệp do nước ngoài kiểm soát không thể đáp ứng nếu không có quyết định đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ. Thuế tối thiểu toàn cầu phụ thuộc vào quy mô tập đoàn, không phụ thuộc vào quốc tịch.

LƯU Ý

- Dựa vào danh mục địa bàn khó khăn được công bố trước khi sắp xếp đơn vị hành chính tháng 7/2025; cần xác nhận xã trên danh mục hiện hành của Chính phủ trước khi chọn địa điểm đặt trang trại hoặc nhà máy để được miễn thuế.
- Trông chờ việc gia hạn giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: loại hình này đã chấm dứt từ ngày 01/7/2026, và các ưu đãi gắn với giấy chứng nhận sẽ chấm dứt khi giấy chứng nhận hết hạn.
- Coi thu nhập từ chế biến là được miễn thuế hoặc được hưởng thuế suất ưu đãi mà không kiểm tra các điều kiện về chế biến do Chính phủ quy định; ưu đãi chỉ vững chắc khi có chứng cứ cho thấy các điều kiện đã được đáp ứng.
- Quên rằng việc người trồng bán nông sản chưa qua chế biến thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, nên thuế GTGT đầu vào của vật tư và thiết bị là chi phí, trừ khi gắn với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế hoặc xuất khẩu.
- Xây dựng trước rồi mới đề nghị hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; khoản hỗ trợ được chi trả sau đầu tư và phụ thuộc vào ngân sách, và văn bản cam kết trước là biện pháp bảo vệ duy nhất của nhà đầu tư.
- Sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, khiến thu nhập đó không được hưởng ưu đãi thuế TNDN; nước giải khát có đường được bổ sung vào danh mục từ ngày 01/01/2027.
- Bán hoặc sử dụng sai mục đích thiết bị nhập khẩu được miễn thuế, dẫn đến bị truy thu thuế kèm tiền chậm nộp.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (bản dịch tiếng Anh của văn bản chính thức), các Điều 4, 10, 12 đến 14, 18 và 20 — <https://apolatlegal.com/wp-content/uploads/2026/07/Law-67-2025-QH15.pdf>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (chinhphu.vn): văn bản hợp nhất Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 và Luật số 149/2025/QH15, các Điều 5 và 9 — <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2026/02/12-vbhn-vpqh.pdf>
- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 (bản dịch tiếng Anh), các Điều 24, 25 và 27 — <https://english.luatvietnam.vn/law-on-high-technology-dated-december-10-2025-of-the-national-assembly-no-133-2025-qh15-422370-doc1.html>
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang: giới thiệu chính thức về Luật số 133/2025/QH15 (thời điểm có hiệu lực, bố cục, việc bãi bỏ Luật số 21/2008/QH12) — https://pbgdpl.tuyenquang.gov.vn/Vanban/202662692641_37315.pdf
- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (bản dịch tiếng Anh), các Điều 3 và 5 đến 17 — <https://english.luatvietnam.vn/decreed-no-57-2018-nd-cp-dated-april-17-2018-of-the-government-on-incentive-policies-for-enterprises-investing-in-agriculture-and-rural-development-162060-doc1.html>
- Nghị định số 230/2025/NĐ-CP quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (bản dịch tiếng Anh), các Điều 3, 5 và 6 — <https://english.luatvietnam.vn/decreed-no-230-2025-nd-cp-dated-august-19-2025-of-the-government-providing-for-other-cases-eligible-for-exemption-or-reduction-of-land-use-levy-and-l-408916-doc1.html>
- Tạp chí Kinh tế - Tài chính (tạp chí của Bộ Tài chính): Nghị định số 346/2026/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp, có hiệu lực từ ngày 20/10/2026 — <https://tapchikinhjetaichinh.vn/nang-ho-tro-phi-bao-hiem-nong-nghiep-len-toi-da-95-tu-20-10-2026-166574.html>
- Thời báo Tài chính Việt Nam (báo của Bộ Tài chính): Nghị định số 156/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về tín dụng nông nghiệp — <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/tu-ngay-17-nang-muc-cho-vay-doi-voi-ca-nhan-ho-kinh-doanh-khong-co-tai-san-dam-bao-178715.html>
- Bản tin thuế của EY Việt Nam, tháng 01/2026 (bình luận chuyên môn): ưu đãi theo Luật số 133/2025/QH15 — <https://www.ey.com/content/dam/ey-unified-site/ey-com/vi-vn/technical/tax/documents/ey-cap-nhat-mot-so-noi-dung-ve-uu-dai-thue-doi-voi-hoat-dong-cong-nghe-cao-va-cac-hoat-dong-lien-quan-den-phat-trien-cong-nghe-chien-luoc-theo-luat-cong-nghe-cao-vn-01-26.pdf>
- VOV (Đài Tiếng nói Việt Nam), ngày 08/7/2026: Nghị định số 263/2026/NĐ-CP về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao — <https://vov.vn/kinh-te/hang-loat-uu-dai-cho-du-an-trong-khu-nong-nghiep-ung-dung-cong-nghe-cao-post1313604.vov>

Đất nông nghiệp và tích tụ đất đai: các loại đất nông nghiệp, cách thức doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp cận đất nông nghiệp, thuê và tập trung đất của nông dân, giới hạn tích tụ đất đối với hộ gia đình, cá nhân và doanh nghiệp trong nước, bảo vệ và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, thời hạn và tiền thuê đất, đất rừng và đất có mặt nước, xây dựng trên đất nông nghiệp, kèm ví dụ minh họa về một trang trại quy mô lớn

Rà soát ngày 16/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHỚ

- Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất nông nghiệp để thực hiện dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản hoặc làm muối đã được chấp thuận (khoản 1 Điều 180 Luật Đất đai số 31/2024/QH15), có thể trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê (điểm a khoản 2 Điều 120), và cũng có thể nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc mua lại doanh nghiệp đang sử dụng đất, nhưng không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp ngoài các khu công nghiệp (Điều 28).
- Nông dân có thể cho tổ chức, cá nhân khác thuê quyền sử dụng đất của mình (điểm d khoản 1 Điều 37), và cho thuê quyền sử dụng đất và hợp tác sản xuất bằng quyền sử dụng đất là các phương thức tập trung đất nông nghiệp được công nhận theo Điều 192, với phương án sử dụng đất được gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Việc tích tụ thông qua nhận chuyển nhượng bị giới hạn đối với cá nhân ở mức 15 lần hạn mức giao đất đối với mỗi loại đất (Điều 177), và tổ chức kinh tế trong nước nhận chuyển nhượng phải có phương án sử dụng đất nông nghiệp được phê duyệt, kể từ ngày 01/7/2025 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt (khoản 6 Điều 45; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP).
- Việc chuyển đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp phải được cho phép và phải nộp một khoản tiền do tình quy định, không thấp hơn 50% của diện tích nhân với giá đất trồng lúa trong bảng giá đất (Điều 182; Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP); yêu cầu về phương án sử dụng tầng đất mặt đã được bãi bỏ từ ngày 01/01/2026 bởi Luật số 146/2025/QH15, và việc chuyển mục đích sử dụng từ 500 ha đất trồng lúa từ hai vụ trở lên phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 24 và Điều 25 Luật số 143/2025/QH15).
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thuê đất rừng sản xuất để thực hiện dự án trồng rừng sản xuất (khoản 5 Điều 184) và đất có mặt nước là ao, hồ và đất có mặt nước ven biển để nuôi trồng thủy sản (Điều 188 và Điều 189), trong khi việc chuyển mục đích sử dụng rừng nay phải có quyết định chủ trương của cấp tỉnh và phải nộp tiền trồng rừng thay thế tính theo diện tích đến ba lần diện tích chuyển mục đích (các Điều 19 đến 21 Luật Lâm nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung).

Đất nông nghiệp trong Luật Đất đai và tổ chức được coi là nước ngoài

Khoản 2 Điều 9 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 chia đất nông nghiệp thành đất trồng cây hằng năm (đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác), đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp (đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất), đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung, đất làm muối và **đất nông nghiệp khác**. Theo Điều 4 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, **đất chuyên trồng lúa** là đất trồng từ hai vụ lúa trở lên trong một năm, và đất nông nghiệp khác bao gồm đất làm vườn ươm, trồng hoa, cây cảnh, đất xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ trồng trọt hoặc chăn nuôi (kể cả hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất) và các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp như nhà ở cho người lao động và kho chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và máy móc. Loại đất quyết định những hoạt động nào được thực hiện mà không phải chuyển mục đích sử dụng đất và chế độ đặc thù nào được áp dụng. Khuôn khổ chung được trình bày tại mục Quyền sử dụng đất và Luật Đất đai.

Câu hỏi tiên quyết thứ hai là liệu doanh nghiệp đầu tư, xét theo pháp luật đất đai, có phải là **tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài** hay không. Khoản 46 Điều 3 Luật Đất đai định nghĩa đây là tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư để thực hiện dự án có sử dụng đất, mà theo Điều 20 Luật số 143/2025/QH15, nói chung là doanh

ngành có trên 50% vốn nước ngoài; điểm b khoản 1 Điều 4 coi mọi tổ chức kinh tế khác là người sử dụng đất trong nước. Khi đọc cùng nhau, như Global Vietnam Lawyers cũng nhận định, hai quy định này xếp doanh nghiệp có tỷ lệ sở hữu nước ngoài từ 50% trở xuống vào nhóm trong nước, với các phương thức rộng hơn, bao gồm nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp. Vì ngưỡng này tính cả phần sở hữu thông qua doanh nghiệp Việt Nam do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ đa số vốn, cần kiểm tra cơ cấu sở hữu vốn trước khi thiết kế cấu trúc liên doanh dựa trên ngưỡng này. Trong mục này, *doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài* là doanh nghiệp thực hiện thủ tục đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Cách thức doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp cận đất nông nghiệp

Theo khoản 1 Điều 180, tổ chức, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, có nhu cầu sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối được Nhà nước xem xét **cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư**, trên diện tích đất mà quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh xác định cho mục đích đó. Quỹ đất đã giải phóng mặt bằng của Nhà nước thường được cho thuê thông qua đấu giá. Nhà nước chỉ thu hồi đất đang có người sử dụng trong các trường hợp quy định tại Điều 79: trang trại thông thường không thuộc các trường hợp này, nhưng khoản 22 và khoản 23 bao gồm khu nông nghiệp, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng sản xuất, chế biến tập trung quy mô lớn phục vụ nhiều huyện, nhiều tỉnh hoặc vùng, và dự án trồng, bảo tồn cây dược liệu. Ngoài các trường hợp đó, phương thức Nhà nước cho thuê đất phát huy hiệu quả nhất đối với đất mà Nhà nước đang quản lý, như đất do các công ty nông, lâm nghiệp nhà nước bàn giao lại theo khoản 2 Điều 180 và Điều 181. Việc đề nghị Nhà nước cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, hoặc đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất, phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư theo khoản 8 Điều 24 Luật Đầu tư (Chấp thuận chủ trương đầu tư).

Điểm a khoản 2 Điều 120 luôn cho phép **trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê** đối với dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối, qua đó tạo ra quyền sử dụng đất có thể chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn và thế chấp tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam (khoản 3 Điều 41). Kể từ ngày 01/01/2026, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 254/2025/QH15 cho phép phần lớn người thuê đất lựa chọn một trong hai hình thức, do đó việc lựa chọn là một quyết định về tài chính (Tiền thuê đất, giá đất và Nghị quyết 254).

Các phương thức khác tại Điều 28 cũng được áp dụng. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể nhận **góp vốn bằng quyền sử dụng đất** (điểm đ khoản 1 Điều 28), và cá nhân có thể góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào tổ chức (điểm h khoản 1 Điều 37). Tuy nhiên, khoản 1 Điều 42 chỉ trao cho doanh nghiệp đầy đủ các quyền theo khoản 3 Điều 41 khi đất được góp vốn có nguồn gốc được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần; đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao không thu tiền sử dụng đất nằm ngoài phạm vi quy định này, do đó quyền của doanh nghiệp và việc đăng ký cần được thống nhất với văn phòng đăng ký đất đai trước khi ký kết. Doanh nghiệp cũng có thể mua lại doanh nghiệp trong nước đang sử dụng đất nông nghiệp, doanh nghiệp này vẫn giữ các quyền của mình theo khoản 4 Điều 41, với thủ tục đăng ký theo Điều 21 Luật Đầu tư khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài vượt quá 50%. Doanh nghiệp không được **nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp** ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu công nghệ cao, vì điểm c khoản 1 Điều 28 giới hạn phương thức nhận chuyển nhượng của doanh nghiệp trong các khu này (Câu hỏi số 48; Cách thức tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp cận đất đai).

Điều 194 bổ sung **kh**u, **vùng sản xuất tập trung về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến**, trong đó chủ đầu tư thuê đất của Nhà nước và cho thuê lại từng lô đất tương tự như chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, với quyền của từng bên thuê lại phụ thuộc vào hình thức trả tiền thuê đất.

Thuê đất của nông dân và tập trung đất để sản xuất

Phần lớn đất nông nghiệp do hộ gia đình nắm giữ với các thửa nhỏ, do đó câu hỏi thực tế là làm thế nào để sản xuất quy mô lớn mà không cần sở hữu đất. Điểm d khoản 1 Điều 37 cho phép cá nhân sử dụng đất nông nghiệp được Nhà nước giao trong hạn mức, được công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng hoặc thuê đất trả tiền một lần **cho thuê quyền sử dụng đất** và tài sản cho tổ chức, cá nhân khác, và những người hành nghề, trong đó có Công ty Luật Việt An, hiểu *tổ chức* bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hợp đồng thuê là hợp đồng dân sự, không bắt buộc công chứng và không được vượt quá thời hạn sử dụng đất của bên cho thuê; cá nhân thuê đất của Nhà nước trả tiền hằng năm chỉ được cho thuê lại quyền thuê và tài sản của mình (điểm d khoản 2 Điều 37).

Điều 192 gọi đây là **tập trung đất nông nghiệp**: sản xuất trên diện tích lớn hơn thông qua chuyển đổi quyền sử dụng đất theo phương án dồn điền, đổi thửa, thuê quyền sử dụng đất, hoặc hợp tác sản xuất, kinh doanh bằng quyền sử dụng đất, trên cơ sở tự nguyện, công khai, minh bạch. Tổ chức, cá nhân tập trung đất phải gửi phương án sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã để theo dõi và thỏa thuận về cách thức hoàn trả đất nếu mục đích sử dụng thay đổi trong nhóm đất nông nghiệp (khoản 4 Điều 192). Điều 77 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP liệt kê các nội dung mà thỏa thuận phải có: phương thức và thời hạn đối với từng thửa đất, phần đất mà mỗi người sử dụng đất đóng góp để làm đường giao thông nội đồng và công trình thủy lợi, việc hoàn trả đất và quyền, nghĩa vụ của mỗi bên.

Các mô hình thương mại kết hợp thuê đất của hộ gia đình, hợp tác chia sản phẩm, tập hợp thông qua hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng, trong đó doanh nghiệp không có quyền gì đối với đất; các hợp đồng này được trình bày tại mục Chế biến nông sản, an toàn thực phẩm, hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng.

Đất nông nghiệp: các con số định khung cho việc tích tụ và sử dụng đất

Quy định	Chỉ tiêu	Căn cứ
Hạn mức giao đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất làm muối cho mỗi cá nhân đối với mỗi loại đất	3 ha tại Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long; 2 ha tại các khu vực khác	Luật Đất đai, khoản 1 Điều 176
Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm	10 ha tại các xã đồng bằng; 30 ha tại các xã trung du, miền núi	Khoản 2 Điều 176
Hạn mức giao đất rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất là rừng trồng	30 ha đối với mỗi loại đất	Khoản 3 Điều 176
Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân	Không quá 15 lần hạn mức giao đất đối với mỗi loại đất, do tình quy định	Điều 177

Quy định	Chỉ tiêu	Căn cứ
Thời hạn Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư	Theo thời hạn hoạt động của dự án, tối đa 50 năm; tối đa 70 năm khi thời hạn hoạt động của dự án vượt quá 50 năm theo Luật Đầu tư	Điểm c khoản 1 Điều 172
Khoản tiền phải nộp khi chuyển đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp	Do tình quy định, không thấp hơn 50% của diện tích x giá đất trồng lúa trong bảng giá đất	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, Điều 12
Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất	Đất trồng lúa từ hai vụ trở lên từ 500 ha trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 ha trở lên; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn hoặc rừng phòng hộ biên giới từ 50 ha trở lên	Luật số 143/2025/QH15, Điều 24 và Điều 25
Khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản trên biển	Tối đa 50 năm, tổng thời gian gia hạn không quá 20 năm	Luật Thủy sản, Điều 44 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15)

Tích tụ đất: những gì hộ gia đình, cá nhân và doanh nghiệp trong nước được làm

Tích tụ đất nông nghiệp khác với tập trung đất nông nghiệp: chính người sử dụng đất có được diện tích đất lớn hơn thông qua nhận chuyển nhượng hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp (Điều 193). Cá nhân được nhận chuyển nhượng đến 15 lần hạn mức giao đất theo Điều 176 đối với mỗi loại đất, theo mức do từng tỉnh quy định (Điều 177), và được chuyển đổi đất nông nghiệp với cá nhân khác trong phạm vi tỉnh mà không phải nộp thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ (Điều 47). Cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhận chuyển nhượng đất trồng lúa vượt hạn mức phải thành lập tổ chức kinh tế và có phương án sử dụng đất trồng lúa được phê duyệt (khoản 7 Điều 45).

Tổ chức kinh tế trong nước không bị giới hạn về diện tích nhưng phải có **phương án sử dụng đất nông nghiệp** nêu rõ địa điểm, diện tích, mục đích sử dụng, phương án sản xuất, vốn, thời hạn và tiến độ (khoản 6 Điều 45); phương án này phải được phê duyệt hoặc từ chối trong thời hạn 25 ngày (Điều 78 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP), và kể từ ngày 01/7/2025, thẩm quyền phê duyệt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP). Chỉ sau đó tổ chức kinh tế mới được thỏa thuận nhận chuyển nhượng hoặc nhận góp vốn với người sử dụng đất và đăng ký. Theo khoản 8 Điều 45, tổ chức kinh tế không được nhận chuyển nhượng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng của cá nhân, trừ trường hợp được chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch. Phương thức này không áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện thủ tục đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, và đó là lý do các tập đoàn nước ngoài thường để đất nông nghiệp do đối tác trong nước, hợp tác xã hoặc liên doanh mà phía nước ngoài nắm thiểu số đứng tên và ký hợp đồng với các chủ thể này.

Đất trồng lúa: bảo vệ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và chuyển mục đích sử dụng

Điều 182 quy định Nhà nước bảo vệ đất trồng lúa và hạn chế chuyển đất trồng lúa sang mục đích khác, và khoản 1 Điều 121 yêu cầu phải được phép khi chuyển đất trồng lúa hoặc đất rừng sang loại đất nông nghiệp khác và khi chuyển bất kỳ loại đất nông nghiệp nào sang đất phi nông nghiệp. Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 quy định chi tiết các nội dung này.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng mà không chuyển mục đích sử dụng đất. Người sử dụng đất được chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa nếu bảo đảm điều kiện để có thể trồng lúa trở lại (khoản 5 Điều 182). Theo Điều 6 Nghị định, chỉ đất trồng lúa không phải đất chuyên trồng lúa mới được chuyển sang trồng cây lâu năm, không được chuyển đổi tại vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao, việc chuyển đổi phải phù hợp với kế hoạch hằng năm của tỉnh và của xã và phải được đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã, và mô hình trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản được hạ thấp tối đa 20% diện tích với độ sâu không quá 120 cm. Đất vẫn được ghi nhận là đất trồng lúa. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất chỉ được xây dựng trên đất trồng lúa theo quy định của tỉnh, tại vùng trồng lúa tập trung có quy mô từ 50 ha trở lên, có một tầng và không có tầng hầm (Điều 9).

Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa. Dự án phải được phép chuyển mục đích phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và, khi đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất, phải được chấp thuận chủ trương đầu tư; việc chuyển mục đích sử dụng từ 500 ha đất chuyên trồng lúa nước từ hai vụ trở lên phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận (khoản 2 Điều 24 và Điều 25 Luật số 143/2025/QH15), và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 254/2025/QH15 đã bỏ yêu cầu phải có nghị quyết riêng của Hội đồng nhân dân. Người sử dụng đất chuyển đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp phải nộp một khoản tiền do tỉnh quy định, không thấp hơn 50% của diện tích nhân với giá đất trồng lúa trong bảng giá đất, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, nếu chậm nộp thì phải nộp tiền chậm nộp 0,03%/ngày; dự án đầu tư công được miễn (Điều 12 và Điều 13 Nghị định). Yêu cầu trước đây về phương án sử dụng tầng đất mặt tại điểm a khoản 4 Điều 182 Luật Đất đai và Điều 57 Luật Trồng trọt đã được bãi bỏ từ ngày 01/01/2026 bởi Luật số 146/2025/QH15 (Điều 15 và khoản 4 Điều 16).

Thời hạn, tiền thuê đất và nghĩa vụ sử dụng đất

Thời hạn Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án là thời hạn hoạt động của dự án, tối đa 50 năm, hoặc tối đa 70 năm khi Luật Đầu tư cho phép thời hạn hoạt động của dự án dài hơn (điểm c khoản 1 Điều 172). Việc gia hạn phải được đề nghị trong năm cuối cùng và chậm nhất sáu tháng trước khi hết hạn; nếu không được gia hạn, tài sản không được di dời trong thời hạn 24 tháng sẽ bị mất mà không được bồi thường (khoản 3 và khoản 4 Điều 172). Các loại cây trồng có chu kỳ dài như sầu riêng, cà phê hoặc cao su cần được lên kế hoạch căn cứ vào các mốc thời gian này.

Tiền thuê đất hằng năm được tính bằng giá đất trong bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất hằng năm và tỷ lệ phần trăm do tỉnh quy định từ 0,25% đến 3% (Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung), được ổn định theo chu kỳ năm năm; đối với diện tích có mặt nước, đơn giá thuê không thấp hơn 20% đơn giá thuê của loại đất liền kề có cùng mục đích sử dụng và thời hạn (Điều 28). Việc miễn tiền thuê đất đối với dự án nông nghiệp được trình bày tại mục Ưu đãi đầu tư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Đất phải được đưa vào sử dụng. Việc để đất trồng cây hằng năm hoặc đất nuôi trồng thủy sản không sử dụng trong 12 tháng liên tục, đất trồng cây lâu năm trong 18 tháng hoặc đất trồng rừng trong 24 tháng, và không khắc phục trong thời hạn ghi trong quyết định xử phạt, là căn cứ thu hồi đất (khoản 7 Điều 81); đất dự án không được sử dụng trong 12 tháng kể từ khi nhận bàn giao, hoặc chậm tiến độ 24 tháng, có thể bị thu hồi mà không được bồi thường sau thời gian gia hạn có nộp tiền tối đa 24 tháng (khoản 8 Điều 81; Thu hồi đất, bồi thường và đất chậm đưa vào sử dụng). Thời gian kiến thiết vườn cây cần được đưa vào tiến độ dự án.

Đất rừng và đất có mặt nước

Rừng sản xuất. Nhà nước cho tổ chức kinh tế, cá nhân thuê đất rừng sản xuất (khoản 2 Điều 184), và cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê để thực hiện **dự án trồng rừng sản xuất** (khoản 5 Điều 184); dự án trồng rừng của nhà đầu tư nước ngoài phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư (khoản 7 Điều 24 và Điều 25 Luật số 143/2025/QH15). Người thuê đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên không được chuyển nhượng, cho thuê lại, thế chấp hoặc góp vốn bằng quyền của mình (khoản 3 Điều 184).

Chuyển mục đích sử dụng rừng. Theo Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 từ ngày 01/01/2026, việc chuyển mục đích sử dụng rừng phải phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất, có quyết định chủ trương của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án trong trường hợp thẩm quyền đó thuộc Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc Hội đồng nhân dân) và chỉ được thực hiện sau khi đã nộp **tiền trồng rừng thay thế** (Điều 19 và Điều 20). Số tiền này được tính bằng ba lần diện tích chuyển mục đích đối với rừng tự nhiên và bằng diện tích chuyển mục đích đối với rừng trồng, nhân với đơn giá do tỉnh quy định, và được nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh (Điều 21). Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng đối với tổ chức (Điều 23), và quyết định chủ trương không được tiếp nối bằng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng trong thời hạn 24 tháng phải được xem xét lại (khoản 2 Điều 20).

Đất có mặt nước. Đất có mặt nước là ao, hồ, đầm, phá được cho tổ chức kinh tế và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê để nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp hoặc sản xuất nông nghiệp kết hợp với mục đích phi nông nghiệp (khoản 1 Điều 188), và đất có mặt nước ven biển có thể được giao hoặc cho các chủ thể này thuê (Điều 189). Nuôi trồng thủy sản trên biển phải được giao khu vực biển theo Điều 44 Luật Thủy sản, nay với thời hạn tối đa 50 năm và tổng thời gian gia hạn không quá 20 năm (Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và thú y).

Xây dựng trên đất nông nghiệp và sử dụng đất kết hợp

Nhà kính, nhà lưới, hệ thống trồng trọt không trực tiếp trên đất, chuồng trại, vườn ươm và kho chứa nông sản, vật tư đầu vào và máy móc thuộc **đất nông nghiệp khác** theo khoản 7 Điều 4 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, do đó không phải chuyển sang đất phi nông nghiệp, mặc dù việc chuyển đất trồng lúa hoặc đất rừng sang các mục đích này phải được phép (điểm a khoản 1 Điều 121) và công trình phải đáp ứng quy định của pháp luật về xây dựng. Nhà sơ chế, đóng gói, kho lạnh và nhà máy chế biến nhìn chung là cơ sở sản xuất phi nông nghiệp cần đất phi nông nghiệp, điều này cần được xác nhận với tỉnh ngay từ đầu.

Điều 218 cho phép **sử dụng đất kết hợp đa mục đích**: đất nông nghiệp có thể đồng thời được sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ, chăn nuôi và trồng cây dược liệu, và có thể lắp đặt điện mặt trời, công trình viễn thông và quảng cáo ngoài trời (điểm g khoản 1 Điều 218). Theo Điều 99 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, diện tích sử dụng kết hợp không được vượt quá 50% diện tích sử dụng vào mục đích chính, công trình phải dễ tháo dỡ, thời hạn sử dụng kết hợp không được vượt quá thời hạn sử dụng đất của mục đích chính, và phương án sử dụng đất kết hợp, bao gồm cả nội dung khôi phục đất, phải được phê duyệt, đối với tổ chức là do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trong thời hạn 15 ngày, tùy theo việc phân cấp tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP. Diện tích sử dụng vào mục đích thương mại, phi nông nghiệp hoặc điện mặt trời phải nộp tiền thuê đất hằng năm theo giá trong bảng giá đất. Các dự án du lịch nông nghiệp và nông nghiệp kết hợp điện mặt trời thường được cấu trúc theo cách này.

HƯỚNG DẪN RA QUYẾT ĐỊNH

Phương thức tiếp cận đất nông nghiệp nào phù hợp với dự án?

Áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện thủ tục đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài. Kết quả đầu tiên đạt được là điểm khởi đầu thông thường, không phải lựa chọn duy nhất.

Q1 Tài sản cốt lõi có phải là nhà sơ chế, đóng gói, nhà máy chế biến hoặc kho lạnh chứ không phải trang trại không?

Có Đặt cơ sở trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc khu sản xuất tập trung theo Điều 194 trên đất phi nông nghiệp hoặc đất trong khu, và thu mua nông sản thông qua sản xuất theo hợp đồng (mục 11.8).

Không Chuyển sang câu hỏi 2.

Q2 Tình có quỹ đất đã giải phóng mặt bằng phù hợp, như đất do công ty nông nghiệp nhà nước bàn giao lại, hay không?

Có Đề nghị Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án, kèm chấp thuận chủ trương đầu tư nếu không đấu giá; hình thức trả tiền thuê đất một lần tạo ra quyền sử dụng đất có thể dùng để thế chấp vay vốn ngân hàng.

Không Chuyển sang câu hỏi 3.

Q3 Có doanh nghiệp hoặc hợp tác xã Việt Nam đang nắm giữ đất với quyền chuyển nhượng hay không?

Có Mua lại doanh nghiệp đó, hoặc nhận góp vốn vào liên doanh, sau khi kiểm tra nguồn gốc đất theo khoản 1 Điều 42.

Không Chuyển sang câu hỏi 4.

Q4 Đất có đang do nhiều hộ gia đình nắm giữ và các hộ muốn giữ lại đất hay không?

- Có** Thuê quyền sử dụng đất theo điểm d khoản 1 Điều 37, hoặc hợp tác thông qua hợp tác xã, theo phương án tập trung đất được gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã (Điều 192).
- Không** Cân nhắc khả năng liên doanh có tỷ lệ sở hữu nước ngoài từ 50% trở xuống, là người sử dụng đất trong nước theo khoản 46 Điều 3, tích tụ đất theo phương án được phê duyệt.

VÍ DỤ MINH HỌA

Tập hợp 400 ha cho trang trại sầu riêng và chuối tại Đồng bằng sông Cửu Long

Một tập đoàn trái cây Singapore - Nhật Bản thành lập công ty có 70% vốn nước ngoài để trồng sầu riêng và chuối xuất khẩu gần một cảng sông. Diện tích, tiền thuê và thời gian chỉ là giả định minh họa, không phải báo giá thị trường.

Khối A: đất của Nhà nước	150 ha đất trồng cây lâu năm do một công ty nông nghiệp nhà nước trước đây bàn giao lại cho tỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư vì không đấu giá; thuê đất 50 năm, trả tiền thuê một lần để có thể thế chấp quyền sử dụng đất tại tổ chức tín dụng trong nước. Khoảng 8 đến 12 tháng.
Khối B: đất của hợp tác xã	Một hợp tác xã góp 60 ha đất mà hợp tác xã có được do nhận chuyển nhượng vào liên doanh để đổi lấy 25% vốn. Định giá, công chứng và đăng ký; nguồn gốc đất và các quyền được xác nhận trước với văn phòng đăng ký đất đai.
Khối C: thuê đất của hộ gia đình	130 ha của 210 hộ gia đình, thuê trong 20 năm theo điểm d khoản 1 Điều 37, với giá giả định 30 triệu đồng/ha/năm, điều chỉnh năm năm một lần, có phương án tập trung đất gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã và thỏa thuận về đường nội đồng theo Điều 77 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
Khối D: sản xuất theo hợp đồng	60 ha sầu riêng do thành viên của hai hợp tác xã trồng theo hợp đồng liên kết; công ty không có quyền gì đối với đất.
Công trình xây dựng	Vườn ươm, nhà lưới và kho vật tư trên Khối A và Khối C là đất nông nghiệp khác; nhà sơ chế, đóng gói và kho lạnh trên 3 ha đất phi nông nghiệp tại một cụm công nghiệp của tỉnh.
Kiểm tra đất trồng lúa	Một số thửa thuộc Khối C là đất trồng lúa không phải đất chuyên trồng lúa; sầu riêng chỉ được trồng theo kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng của tỉnh, có đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã. Các thửa đất chuyên trồng lúa được loại ra.

Cấu trúc này tránh mọi việc chuyển nhượng đất nông nghiệp cho công ty có 70% vốn nước ngoài, mọi việc chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa và mọi sự phụ thuộc vào việc Nhà nước thu hồi đất.

Khối C là phần dễ bị tổn thương nhất: cần lưu giữ hồ sơ chấp thuận của từng thửa đất và lên kế hoạch gia hạn từ sớm trước khi hợp đồng thuê hết hạn.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về đất nông nghiệp

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có được mua đất nông nghiệp tại Việt Nam không?

Không được thông qua nhận chuyển nhượng ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu công nghệ cao, vì Điều 28 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 giới hạn phương thức nhận chuyển nhượng của doanh nghiệp này trong các khu đó. Doanh nghiệp có thể thuê đất nông nghiệp của Nhà nước để thực hiện dự án, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, mua lại doanh nghiệp đang sử dụng đất nông nghiệp, hoặc thuê quyền sử dụng đất của nông dân.

Chúng tôi có thể thuê đất trực tiếp của hộ gia đình sản xuất nông nghiệp không?

Có. Điểm d khoản 1 Điều 37 cho phép cá nhân sử dụng đất nông nghiệp cho tổ chức, cá nhân khác thuê quyền sử dụng đất, và những người hành nghề hiểu quy định này bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hợp đồng thuê là hợp đồng dân sự, không bắt buộc công chứng và không được vượt quá thời hạn sử dụng đất của bên cho thuê; phương án tập trung đất nên được gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo khoản 4 Điều 192.

Một cá nhân Việt Nam được tích tụ bao nhiêu đất nông nghiệp?

Theo Điều 177, cá nhân được nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp đến 15 lần hạn mức giao đất quy định tại Điều 176 đối với mỗi loại đất, theo mức do tỉnh quy định. Hạn mức giao đất trồng cây hằng năm là 3 ha tại Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long và 2 ha tại các khu vực khác, do đó mức tối đa tại các khu vực này là 45 ha hoặc 30 ha.

Chúng tôi có được trồng cây ăn quả trên đất trồng lúa không?

Chỉ được trồng trên đất trồng lúa không phải đất chuyên trồng lúa từ hai vụ trở lên, ngoài vùng trồng lúa năng suất cao, và phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng hằng năm của tỉnh, theo Điều 6 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. Người sử dụng đất đăng ký việc chuyển đổi với Ủy ban nhân dân cấp xã, đất vẫn được ghi nhận là đất trồng lúa và phải bảo đảm có thể trồng lúa trở lại.

Nhà kính trên đất nông nghiệp có phải chuyển mục đích sử dụng đất không?

Nhìn chung là không. Khoản 7 Điều 4 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP xếp đất xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ trồng trọt hoặc chăn nuôi, kể cả hệ thống trồng trọt không trực tiếp trên đất, và đất làm kho chứa phục vụ sản xuất nông nghiệp vào loại đất nông nghiệp khác. Việc chuyển đất trồng lúa hoặc đất rừng sang loại đất này phải được phép, và nhà sơ chế, đóng gói hoặc nhà máy chế biến thường cần đất phi nông nghiệp.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi (Dự thảo số 01 ngày 20/7/2026, trình Quốc hội tại kỳ họp tháng 10/2026, dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/3/2027) sẽ bỏ cấp huyện, xác định tiền sử dụng đất và tiền thuê đất một cách lâu dài trên cơ sở bảng giá đất và hệ số, và thay thế cơ chế gia hạn cố định 24 tháng đối với đất không đưa vào sử dụng; các bản tóm tắt đã công bố không đề cập đến thay đổi về hạn mức đất nông nghiệp hoặc về việc tiếp cận đất nông nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài.
- Chương IV Nghị định số 49/2026/NĐ-CP được áp dụng đến ngày 01/3/2027, và các nghị định hướng dẫn, bao gồm Nghị định số 102/2024/NĐ-CP về phương án sử dụng đất nông nghiệp và sử dụng đất kết hợp, dự kiến sẽ được ban hành lại cùng với luật sửa đổi.
- Luật số 146/2025/QH15 giữ hiệu lực của các văn bản hướng dẫn trước đây cho đến khi được thay thế (khoản 1 Điều 17), do đó các quy định về tăng đất mặt tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, nay không còn căn cứ luật định, và các quy định lâm nghiệp về trồng rừng thay thế sẽ phải được sửa đổi.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Agricultural land	Đất nông nghiệp	Nhóm đất quy định tại khoản 2 Điều 9: đất trồng trọt, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.
Specialised rice land	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng từ hai vụ lúa trở lên trong một năm, được bảo vệ chặt chẽ nhất.
Allocation quota for agricultural land	Hạn mức giao đất nông nghiệp	Diện tích tối đa giao cho một cá nhân đối với mỗi loại đất (Điều 176).
Limit on receiving transfers of agricultural land	Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp	Mức tối đa của cá nhân bằng 15 lần hạn mức giao đất (Điều 177).
Concentration of agricultural land	Tập trung đất nông nghiệp	Sản xuất trên diện tích lớn hơn thông qua chuyển đổi, thuê hoặc hợp tác, mà không cần có được quyền sử dụng đất đó (Điều 192).
Accumulation of agricultural land	Tích tụ đất nông nghiệp	Có được diện tích đất lớn hơn thông qua nhận chuyển nhượng hoặc nhận góp vốn (Điều 193).
Agricultural land use plan	Phương án sử dụng đất nông nghiệp	Phương án mà tổ chức kinh tế trong nước phải được phê duyệt để nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp (khoản 6 Điều 45).
Lease of land use rights	Thuê quyền sử dụng đất	Việc thuê đất từ người sử dụng đất, như hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, theo quan hệ dân sự.
Combined multi-purpose use of land	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Sử dụng một phần thửa đất vào mục đích khác mà không thay đổi loại đất (Điều 218).

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Replacement afforestation	Trồng rừng thay thế	Khoản tiền phải nộp khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (Luật Lâm nghiệp, Điều 21).

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả doanh nghiệp có tỷ lệ sở hữu nước ngoài từ 50% trở xuống theo khoản 46 Điều 3 và Điều 4 Luật Đất đai, có thể tích tụ đất nông nghiệp thông qua nhận chuyển nhượng hoặc nhận góp vốn theo phương án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, và cá nhân Việt Nam có thể nhận chuyển nhượng đến 15 lần hạn mức của mình. Doanh nghiệp thực hiện thủ tục đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp ngoài các khu công nghiệp; doanh nghiệp này thuê đất của Nhà nước, nhận góp vốn bằng đất, mua lại doanh nghiệp đang sử dụng đất hoặc thuê đất của nông dân, và dự án trồng rừng của doanh nghiệp phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Các quy định về đất trồng lúa, đất rừng và đất có mặt nước, thời hạn và tiền thuê đất áp dụng cho cả hai nhóm.

LƯU Ý

- Hợp đồng mua đất nông nghiệp đứng tên doanh nghiệp có trên 50% vốn nước ngoài: việc chuyển nhượng không thể được đăng ký nếu đất nằm ngoài các khu công nghiệp.
- Nhận góp vốn bằng đất của hộ gia đình được giao không thu tiền sử dụng đất trước khi xác nhận với văn phòng đăng ký đất đai về các quyền mà doanh nghiệp sẽ có (khoản 1 Điều 42).
- Trồng cây lâu năm trên đất chuyên trồng lúa hoặc trong vùng trồng lúa năng suất cao, điều mà Nghị định số 112/2024/NĐ-CP không cho phép.
- Thuê đất của hộ gia đình mà không có hồ sơ chấp thuận của từng thửa đất, không gửi phương án tập trung đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã và không có chiến lược gia hạn.
- Xây dựng nhà sơ chế, đóng gói hoặc kho lạnh trên đất nông nghiệp như thể đó là công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Chuyển mục đích sử dụng rừng trước khi nộp tiền trồng rừng thay thế, hoặc để quyết định chủ trương chuyển mục đích hết hiệu lực sau 24 tháng.
- Thời gian kiến thiết vườn cây có thể bị coi là không sử dụng đất hoặc chậm tiến độ theo Điều 81.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15, nội dung các điều (các Điều 3, 4, 9, 28, 37, 41, 42, 45, 47, 120, 121, 172, 176 đến 194, 218), hethongphapluat.com (nguồn văn bản thứ cấp) — <https://hethongphapluat.com/luat-dat-dai-2024/dieu-28>
- Công báo: Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (các Điều 19 đến 23 Luật Lâm nghiệp, Điều 44 Luật Thủy sản, bãi bỏ điểm a khoản 4 Điều 182 Luật Đất đai) — <https://congbaocdn.chinhphu.vn/180507251028987904/2026/1/26/146signed-17694188051301487803294.pdf>
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, các Điều 4, 77, 78 và 99 (hethongphapluat.com) — <https://hethongphapluat.com/ngphi-dinh-102-2024-nd-cp-huong-dan-luat-dat-dai/dieu-78>
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa, các Điều 6 đến 13 (hethongphapluat.com) — <https://hethongphapluat.com/ngphi-dinh-112-2024-nd-cp-huong-dan-ve-dat-trong-lua.html>
- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực đất đai, Điều 5 (văn bản đăng tải trên hoatieu.vn) — <https://hoatieu.vn/phap-luat/ngphi-dinh-151-2025-nd-cp-233322>
- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, các Điều 24 và 25 (tóm tắt và văn bản, thuviennhadat.vn) — <https://thuviennhadat.vn/phap-ly-nha-dat/du-an-thuoc-dien-chap-thuan-chu-truong-dau-tu-nam-2026-gom-nhung-gi-729227.html>
- Global Vietnam Lawyers: quyền tiếp cận và sử dụng đất của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật Đất đai năm 2024 (khoản 46 Điều 3 và Điều 4) — https://gvlawyers.com.vn/wp-content/uploads/2024/03/QSDD-cua-To-chuc-kinh-te-co-von-DTNN_V00GVL.pdf
- Thư Viện Pháp Luật: đơn giá thuê đất hằng năm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP (Điều 26 và Điều 28) — <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat-nha-dat/huong-dan-cach-tinh-don-gia-thue-dat-moi-nhat-tu-ngay-06112025-11222.html>
- Baker McKenzie: đề xuất sửa đổi Luật Đất đai năm 2024 (Dự thảo số 01, ngày 20/7/2026) — <https://www.bakermckenzie.com/en/insight/publications/2026/07/vietnam-proposed-amendments-to-the-land-law-2024>

Giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật: công nhận lưu hành và tự công bố lưu hành giống cây trồng, sản xuất và kinh doanh giống, bảo hộ giống cây trồng, công nhận lưu hành, sản xuất và nhập khẩu phân bón, đăng ký thuốc bảo vệ thực vật và danh mục được phép sử dụng, cấm sử dụng, kiểm dịch thực vật và phân tích nguy cơ dịch hại, cây trồng biến đổi gen và chỉnh sửa gen, và gia nhập thị trường đối với nhà cung cấp vật tư nước ngoài

Rà soát ngày 16/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHỚ

- Giống thuộc loài cây trồng chính chỉ được sản xuất, buôn bán hoặc nhập khẩu sau khi được công nhận lưu hành, nay có hiệu lực 20 năm đối với cây hằng năm và 25 năm đối với cây lâu năm (khoản 2 Điều 15 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15, từ ngày 1/1/2026); các giống khác được tự công bố lưu hành, và Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật quyết định công nhận trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT).
- Giống cây trồng mới được bảo hộ theo Luật Sở hữu trí tuệ trong thời hạn 25 năm đối với giống cây thân gỗ và cây nho và 20 năm đối với các giống cây trồng khác (Điều 169), khi chứng minh được tính mới, tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định và có tên phù hợp; Việt Nam áp dụng Văn kiện năm 1991 của Công ước UPOV.
- Phân bón là hàng hóa kinh doanh có điều kiện, phải có quyết định công nhận lưu hành có hiệu lực năm năm (Điều 36 và Điều 37 Luật Trồng trọt); hoạt động sản xuất phải có giấy chứng nhận có hiệu lực năm năm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp (Nghị định số 84/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2026/NĐ-CP); và từ năm 2026, hoạt động buôn bán phân bón không còn phải có giấy chứng nhận, chỉ cần có địa điểm kinh doanh hợp pháp và người bán hàng đã được tập huấn (Điều 42 sửa đổi).
- Thuốc bảo vệ thực vật chỉ được sử dụng nếu có tên trong danh mục được phép sử dụng ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT (có hiệu lực từ ngày 10/2/2026, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2026/TT-BNNMT từ ngày 15/8/2026), trong đó cấm sử dụng 31 hoạt chất; giấy chứng nhận đăng ký có hiệu lực năm năm và hồ sơ được thẩm định trong thời hạn bốn tháng (Điều 51 Luật số 41/2013/QH13, đã được sửa đổi, bổ sung), còn giấy phép nhập khẩu, trong trường hợp phải có, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp trong thời hạn năm ngày làm việc.
- Vật liệu nhân giống cây trồng, quả tươi và củ khoai tây, khoai lang tươi phải được phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu lần đầu và phải có giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (Thông tư số 14/2024/TT-BNNPTNT; Điều 26 đến Điều 28 Luật số 41/2013/QH13), và đất không còn được đưa vào Việt Nam, trừ trường hợp được Chính phủ cho phép (khoản 5a mới bổ sung vào Điều 13).

Tổng quan khung pháp lý về vật tư trồng trọt

Ba đạo luật điều chỉnh những gì người nông dân được gieo trồng và sử dụng. **Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14** điều chỉnh giống cây trồng, phân bón và canh tác; **Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13** điều chỉnh thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sinh vật gây hại và kiểm dịch thực vật; và **Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12** điều chỉnh sinh vật biến đổi gen. Bảo hộ giống cây trồng thuộc phạm vi điều chỉnh của **Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11**, đã được sửa đổi, bổ sung, gần đây nhất bởi Luật số 131/2025/QH15 ([Câu hỏi thường gặp số 84](#)). Ba đạo luật đầu tiên đã được điều chỉnh lại từ ngày 1/1/2026 bởi **Luật số 146/2025/QH15**, được thông qua ngày 11/12/2025, sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, rút ngắn thời hạn giải quyết, bãi bỏ một số giấy phép, chuyển thẩm quyền quy định thủ tục từ Chính phủ sang Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và chuyển nhiều thẩm quyền quyết định cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Nghị định số 94/2019/NĐ-CP về giống cây trồng và Nghị định số 84/2019/NĐ-CP về phân bón, cùng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 130/2022/NĐ-CP, tiếp tục có hiệu lực đối với những nội dung chưa được thay thế; Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/1/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định số

84/2019/NĐ-CP, Nghị định số 116/2014/NĐ-CP về bảo vệ thực vật và Nghị định số 66/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật. **Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT**, có hiệu lực từ ngày 23/1/2026, hiện quy định thủ tục công nhận lưu hành giống cây trồng, công nhận lưu hành và cấp giấy phép nhập khẩu phân bón, cấp giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và cấp giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu. Giấy phép được cấp trước năm 2026 tiếp tục có hiệu lực theo thời hạn ghi trong giấy phép (Điều 17 Luật số 146/2025/QH15). Cơ quan quản lý ở trung ương là **Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật** thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan quản lý và hệ thống văn bản pháp luật rộng hơn được giới thiệu tại mục Khung pháp lý về nông nghiệp và các cơ quan quản lý.

Giống cây trồng: công nhận lưu hành, tự công bố lưu hành, sản xuất và buôn bán

Điều 13 Luật Trồng trọt chia giống cây trồng thành hai nhóm. Giống thuộc **loài cây trồng chính**, có tên trong danh mục do Bộ trưởng ban hành (lúa và ngô là những ví dụ điển hình), chỉ được sản xuất, buôn bán, xuất khẩu hoặc nhập khẩu sau khi có **quyết định công nhận lưu hành**, trừ trường hợp phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, trưng bày, trao đổi quốc tế hoặc sản xuất hạt giống lai để xuất khẩu. Mọi giống khác được lưu hành trên cơ sở **tự công bố lưu hành** của tổ chức, cá nhân sản xuất theo Điều 17, nêu rõ tên giống, giá trị canh tác và giá trị sử dụng so với tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở, cùng thông tin về giống và quy trình sản xuất; Cục đăng tải bản tự công bố trên cổng thông tin điện tử trong thời hạn năm ngày làm việc, và việc buôn bán được thực hiện kể từ khi bản tự công bố được đăng tải (Điều 7 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT). Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc tổ chức nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực giống cây trồng tại Việt Nam được nộp đơn (khoản 3 Điều 13).

Việc công nhận lưu hành đòi hỏi có tên giống, kết quả khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định, kết quả khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, mẫu giống lưu và thông tin về giống được công bố (khoản 1 Điều 15), và việc khảo nghiệm phải do tổ chức khảo nghiệm độc lập được công nhận cho mục đích này thực hiện (khoản 5 Điều 13). Khi hồ sơ đã đầy đủ, Cục quyết định trong thời hạn 15 ngày làm việc. Quyết định công nhận lưu hành nay có hiệu lực **20 năm đối với cây hằng năm và 25 năm đối với cây lâu năm** và được gia hạn (khoản 2 Điều 15 sửa đổi); hồ sơ gia hạn được nộp trong thời hạn sáu tháng trước khi hết hiệu lực và được quyết định trong thời hạn năm ngày làm việc. Quyết định được ban hành trước năm 2026 có hiệu lực 20 năm hoặc 25 năm kể từ ngày ban hành, và các giống có tên trong danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh trước đây được tiếp tục lưu hành trong cùng thời hạn (khoản 10 và khoản 11 Điều 17 Luật số 146/2025/QH15). Giống cây trồng đặc sản và giống địa phương đã sử dụng lâu đời có thể được **công nhận lưu hành đặc cách** mà không phải thực hiện đầy đủ chu trình khảo nghiệm (Điều 16).

Tổ chức, cá nhân sản xuất giống phải có địa điểm và trang thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về quy trình sản xuất hoặc, trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở; tổ chức, cá nhân buôn bán giống phải có địa điểm kinh doanh hợp pháp và lưu giữ thông tin truy xuất nguồn gốc lô giống (Điều 22, được sửa đổi, bổ sung từ năm 2026, theo đó bãi bỏ yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất phải là chủ sở hữu hoặc được chuyển giao quyền đối với giống). Giống cây trồng lâu năm nhân bằng phương pháp ghép

phụ thuộc vào **cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng** do cấp tỉnh công nhận (Điều 24; Điều 8 Thông tư), và nhân giống phải thể hiện tên giống, cấp giống, mã số lưu hành, mã số lô giống, các mốc thời gian và xuất xứ (Điều 27; Điều 9 Thông tư).

Nhập khẩu và xuất khẩu. Giống đã được công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành được nhập khẩu theo quy định về ngoại thương, và giống nhập khẩu để sản xuất hoặc kinh doanh phải được cơ quan chuyên ngành về trồng trọt thuộc Bộ kiểm tra nhà nước về chất lượng (khoản 1 và khoản 3 Điều 29). Giống chưa được công nhận lưu hành chỉ được nhập khẩu hoặc xuất khẩu để nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm hoặc trao đổi không vì mục đích thương mại, với giấy phép nay do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp trong thời hạn 10 ngày làm việc (khoản 2 Điều 28 và khoản 2 Điều 29 sửa đổi; Điều 10 và Điều 11 Thông tư). Phụ lục I Thông tư liệt kê các nguồn gen cấm xuất khẩu, bao gồm một số giống lúa, cây ăn quả và chè, dòng bố mẹ của giống lai và sâm Ngọc Linh. Vật liệu nhân giống nhập khẩu cũng phải qua kiểm dịch thực vật như trình bày dưới đây.

Bảo hộ giống cây trồng

Việc công nhận lưu hành cho phép một giống được bán ra thị trường; nhưng không ngăn cản người khác bán giống đó. Độc quyền chỉ phát sinh từ **Bằng bảo hộ giống cây trồng** theo Phần thứ tư Luật Sở hữu trí tuệ. Giống cây trồng đủ điều kiện bảo hộ nếu có tính mới, tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định và có tên phù hợp (Điều 158). Giống được coi là có **tính mới** nếu vật liệu nhân giống hoặc sản phẩm thu hoạch của giống đó chưa được người chọn tạo giống hoặc người được người chọn tạo giống cho phép bán tại Việt Nam trước ngày nộp đơn quá một năm, hoặc tại nước ngoài trước ngày nộp đơn quá sáu năm đối với giống cây thân gỗ và cây nho và quá bốn năm đối với các loài cây trồng khác (Điều 159). Bằng bảo hộ có hiệu lực kể từ ngày cấp trong thời hạn **25 năm đối với giống cây thân gỗ và cây nho và 20 năm đối với các giống cây trồng khác** (Điều 169). Bằng bảo hộ trao cho chủ bằng độc quyền sản xuất, chế biến nhằm mục đích nhân giống, chào hàng, bán, xuất khẩu, nhập khẩu và lưu giữ vật liệu nhân giống (Điều 186), trừ các ngoại lệ đối với việc sử dụng cho nhu cầu cá nhân không vì mục đích thương mại, nghiên cứu chọn tạo giống, tạo ra giống cây trồng mới và việc hộ gia đình sử dụng sản phẩm thu hoạch của mình để gieo trồng lại trên diện tích đất của mình (Điều 190).

Người chọn tạo giống nước ngoài thuộc quốc gia có thỏa thuận về bảo hộ giống cây trồng với Việt Nam, hoặc có nơi cư trú hoặc cơ sở sản xuất tại Việt Nam, được nộp đơn (khoản 2 Điều 157); Việt Nam là thành viên UPOV và áp dụng Văn kiện năm 1991. Đơn được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định thông qua Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, cơ quan công bố đơn và văn bằng bảo hộ trên cổng thông tin điện tử của mình, và người chọn tạo giống có thể đề nghị giải quyết đồng thời việc công nhận lưu hành và bảo hộ (khoản 4 Điều 13 Luật Trồng trọt). Bên chuyển giao quyền sử dụng giống được bảo hộ cần giám sát việc áp dụng ngoại lệ tự để giống của nông dân; việc thực thi quyền được trình bày tại mục Thực thi quyền sở hữu trí tuệ và chống hàng giả.

Phân bón: công nhận lưu hành, sản xuất, buôn bán và nhập khẩu

Phân bón là **hàng hóa kinh doanh có điều kiện**, phải có **quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam**, trừ phân bón hữu cơ sản xuất không vì mục đích thương mại, phân bón nhập khẩu theo giấy phép nhập khẩu và phân bón sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng (khoản 1 Điều 36). Tổ chức trong nước hoặc tổ chức nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh trong lĩnh vực phân bón được đăng ký, mỗi công thức được đăng ký một tên (khoản 3 và khoản 4 Điều 36). Sản phẩm phải đáp ứng quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón, nay được ban hành kèm theo Thông tư số 86/2025/TT-BNNMT, và có kết quả khảo nghiệm đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, trừ các loại được miễn khảo nghiệm (khoản 1 Điều 37). Theo Điều 13 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT, Cục thẩm định trong thời hạn **ba tháng**; quyết định công nhận có hiệu lực **năm năm** (khoản 2 Điều 36), và hồ sơ gia hạn, được nộp ít nhất ba tháng trước khi hết hiệu lực kèm báo cáo về tình hình sản xuất, nhập khẩu và sử dụng, được quyết định trong thời hạn bảy ngày làm việc. Điều 12 Thông tư phân loại phân bón thành phân bón vô cơ (hóa học), phân bón hữu cơ hoặc phân bón sinh học, và thành phân bón rễ hoặc phân bón lá.

Hoạt động sản xuất phải có **Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón**, có hiệu lực năm năm (Điều 41). Từ năm 2026, các điều kiện gồm có địa điểm sản xuất và nhà xưởng phù hợp với quy mô, dây chuyền và trang thiết bị sản xuất phù hợp với từng loại phân bón, khu vực chứa nguyên liệu và khu vực chứa thành phẩm riêng biệt, và người quản lý sản xuất có trình độ đại học chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học hoặc sinh học; Luật số 146/2025/QH15 đã bãi bỏ điều kiện về phòng thử nghiệm của cơ sở và hệ thống quản lý chất lượng ISO. Theo Điều 17 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP, được sửa đổi bởi Nghị định số 33/2026/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi kiểm tra thực tế được hoàn thành trong thời hạn 17 ngày làm việc, và hồ sơ cấp lại được nộp ba tháng trước khi hết hiệu lực.

Hoạt động buôn bán không còn phải có giấy chứng nhận. Điều 42 sửa đổi chỉ yêu cầu có địa điểm kinh doanh hợp pháp, có địa chỉ rõ ràng và người bán hàng đã được tập huấn theo hướng dẫn của Bộ, trừ trường hợp có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp, và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP đã bãi bỏ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán trước đây. **Việc nhập khẩu** phân bón đã được công nhận lưu hành không cần giấy phép, đối với tổ chức đăng ký hoặc tổ chức nhập khẩu được tổ chức đăng ký ủy quyền (khoản 1 Điều 44). Phải có giấy phép đối với phân bón chưa được công nhận lưu hành nhập khẩu để khảo nghiệm, sử dụng cho sân thể thao và khu vui chơi giải trí, phục vụ dự án đầu tư của nước ngoài, làm quà tặng và hàng mẫu, tham gia hội chợ, triển lãm, phục vụ nghiên cứu hoặc làm nguyên liệu sản xuất phân bón khác (khoản 2 Điều 44); từ năm 2026, hàng tạm nhập tái xuất, quá cảnh, gửi kho ngoại quan và đưa vào khu chế xuất không còn phải có giấy phép. Cơ quan cấp tỉnh quyết định trong thời hạn bảy ngày làm việc (Điều 17 Thông tư). Phân bón nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng (Điều 46). Phân bón chịu thuế GTGT 5% kể từ ngày 1/7/2025 (Thuế GTGT và hóa đơn điện tử).

Thuốc bảo vệ thực vật: đăng ký, danh mục, sản xuất, buôn bán và nhập khẩu

Việt Nam quản lý thuốc bảo vệ thực vật thông qua hai danh mục do Bộ trưởng ban hành. Thuốc bảo vệ thực vật chỉ được sản xuất, buôn bán và sử dụng nếu có tên trong **Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam**, và các chất có tên trong **Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng** không được sử dụng. Các danh mục hiện hành được ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT ngày 26/12/2025, có hiệu lực từ ngày 10/2/2026, thay thế Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT; Thông tư này bổ sung 17 hoạt chất mới, trong đó có sáu hoạt chất sinh học, và giữ nguyên danh mục cấm gồm 31 hoạt chất. Thông tư loại bỏ carbosulfan, được tiếp tục sản xuất trong ba tháng và buôn bán, sử dụng trong hai năm, và benfuracarb, không được nhập khẩu và được buôn bán, sử dụng trong một năm.

Thông tư số 28/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực từ ngày 15/8/2026, bổ sung vài trăm tên thương phẩm. Theo thông tin báo chí, các đợt rà soát trước đó đã loại bỏ paraquat, 2,4-D, chlorpyrifos ethyl, fipronil, carbendazim và glyphosate.

Việc đăng ký được thực hiện bởi tổ chức, cá nhân sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật hoặc thuốc thành phẩm từ thuốc kỹ thuật trong nước, tổ chức, cá nhân sản xuất nước ngoài có văn phòng đại diện, công ty hoặc chi nhánh kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam, và tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện sản xuất hoặc buôn bán được một trong các chủ thể nêu trên ủy quyền (Điều 50). Hồ sơ gồm giấy phép khảo nghiệm, nhãn thuốc và kết quả khảo nghiệm hiệu lực sinh học tại Việt Nam (khoản 1 Điều 51), do đó việc đăng ký phải được tiến hành sau một chương trình khảo nghiệm theo giấy phép khảo nghiệm (Điều 55 và Điều 56) do tổ chức khảo nghiệm được công nhận thực hiện. Từ năm 2026, Cục thẩm định trong thời hạn **bốn tháng**, sau đó Bộ trưởng bổ sung sản phẩm vào danh mục được phép sử dụng và **giấy chứng nhận đăng ký có hiệu lực năm năm** được cấp (khoản 2 và khoản 3 Điều 51 sửa đổi). Quy định chi tiết được ban hành tại Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT, đã được sửa đổi, bổ sung, gần đây nhất bởi Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

Sản xuất và buôn bán. Nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, còn cửa hàng hoặc nhà phân phối phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, mỗi loại có hiệu lực năm năm (Điều 66) và, kể từ Nghị định số 33/2026/NĐ-CP, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp. Nhà xưởng sản xuất và kho chứa phải nằm trong khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hóa chất nguy hiểm, và người quản lý, điều hành phải có trình độ đại học chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học hoặc nông học; cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thực tế trong thời hạn 20 ngày làm việc đối với cơ sở sản xuất và 10 ngày làm việc đối với cơ sở buôn bán, và quyết định trong thời hạn năm ngày làm việc. Người bán hàng phải có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp hoặc có giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.

Nhập khẩu. Tổ chức đăng ký thuốc bảo vệ thực vật có tên trong danh mục được nhập khẩu hoặc ủy quyền cho tổ chức khác nhập khẩu mà không cần giấy phép (khoản 1 Điều 67), nhưng phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng khi nhập khẩu (khoản 3 Điều 67). Phải có giấy phép đối với thuốc chưa có tên trong danh mục được nhập khẩu để tái xuất, để sản xuất xuất khẩu theo hợp đồng, để khảo nghiệm, nghiên cứu, thực hiện dự án của nước ngoài, làm hàng mẫu và tham gia triển lãm; đối với thuốc xông hơi khử trùng chứa hoạt chất methyl bromide hoặc hoạt chất có độ độc cấp tính loại I, II theo GHS; và đối với chất thuộc danh mục cấm nhập khẩu để làm chất chuẩn (khoản 2 Điều 67). Từ năm 2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép này (khoản 5 Điều 67 sửa đổi), sau khi thẩm định trong thời hạn năm ngày làm việc, với thời hạn tối đa 12 tháng, hoặc trong năm dương lịch đối với methyl bromide (Điều 3 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT).

Kiểm dịch thực vật đối với hàng nhập khẩu và xuất khẩu

Kiểm dịch thực vật bảo vệ Việt Nam trước sinh vật gây hại từ nước ngoài và chứng nhận hàng xuất khẩu đáp ứng tiêu chuẩn của nước nhập khẩu. Thông tư số 14/2024/TT-BNNPTNT, có hiệu lực từ ngày 15/12/2024, ban hành hai danh mục. Hàng hóa thuộc **Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật** phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu, không nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật và sinh vật gây hại lạ, và vật liệu đóng gói phải được xử lý theo tiêu chuẩn của Việt Nam (khoản 1 Điều 26 Luật số 41/2013/QH13). Hàng hóa thuộc **Danh mục vật thể phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu**, hẹp hơn, gồm vật liệu nhân giống (cây giống, hạt giống, củ giống và các bộ phận dùng để

nhân giống, trừ cây nuôi cấy mô và hạt giống cây họ cải, lúa, ngô, kê, hành và tỏi), quả tươi và củ khoai lang, khoai tây tươi. Đối với các vật thể này, cơ quan kiểm dịch thực vật trung ương tiến hành phân tích nguy cơ dịch hại trên cơ sở thông tin do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cung cấp, sau đó cho phép hoặc không cho phép nhập khẩu từ nước đó (Điều 27); do vậy, việc mở cửa thị trường cho một loại quả mới hoặc một xuất xứ mới được thực hiện giữa chính phủ với chính phủ và có thể kéo dài nhiều năm.

Khi đã được mở cửa thị trường, mỗi lô hàng thuộc danh mục phải phân tích nguy cơ dịch hại phải có **giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu** (khoản 2 Điều 26), do Cục cấp trong thời hạn 10 ngày làm việc và có hiệu lực tối đa 12 tháng (Điều 9 Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT, được thay thế bởi Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT); từ năm 2026, hồ sơ không còn bao gồm hợp đồng thương mại hoặc giấy đăng ký kinh doanh (khoản 1 Điều 28 sửa đổi). Tổ chức, cá nhân nhập khẩu đăng ký kiểm dịch đối với từng lô hàng trước khi nhập khẩu, cơ quan có thẩm quyền xác định địa điểm và thời gian kiểm dịch trong thời hạn một ngày làm việc, và giấy chứng nhận được cấp trong thời hạn 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch nếu hàng hóa đáp ứng yêu cầu; hàng hóa chỉ được thông quan sau khi hoàn thành kiểm dịch (Điều 29 và Điều 33). Vật liệu nhân giống nhập khẩu phải được **kiểm dịch sau nhập khẩu** (Điều 30). Từ năm 2026, việc đưa đất vào Việt Nam bị cấm, trừ cây nhập khẩu có đất trong bầu rế theo quy định của Chính phủ và đất phục vụ nghiên cứu khoa học (khoản 5a mới bổ sung vào Điều 13).

Hàng xuất khẩu thuộc danh mục kiểm dịch được chứng nhận theo pháp luật Việt Nam và yêu cầu của nước nhập khẩu (Điều 31), và nhiều nghị định thư còn yêu cầu vùng trồng và cơ sở đóng gói phải được cấp mã số (Ngành rau quả: trái cây, rau và hoa). Tổ chức cung cấp dịch vụ xông hơi khử trùng và xử lý vật thể phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện do cơ quan trung ương cấp theo Nghị định số 66/2016/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung.

Cây trồng biến đổi gen, cây trồng chỉnh sửa gen và thức ăn chăn nuôi

Luật số 146/2025/QH15 đã xác định lại ranh giới quản lý công nghệ sinh học. Khoản 27 Điều 3 Luật Đa dạng sinh học sửa đổi định nghĩa **sinh vật biến đổi gen** là sinh vật có vật chất di truyền bị biến đổi bằng công nghệ gen và chứa vật chất di truyền mới từ loài khác, hoặc vật chất tổng hợp không giống với gen của loài đó; khoản 32 Điều 3 mới định nghĩa **sinh vật chỉnh sửa gen** là sinh vật bị biến đổi bằng công nghệ gen nhưng không chứa vật chất ngoại lai hoặc tổng hợp nêu trên. Điều 65 sửa đổi giao Chính phủ quy định việc xác định và quản lý cả hai loại sinh vật này. Cho đến khi Chính phủ ban hành quy định, Nghị định số 69/2010/NĐ-CP về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, đã được sửa đổi, bổ sung, tiếp tục được áp dụng theo khoản 1 Điều 17 Luật số 146/2025/QH15. Khái quát, nghị định này yêu cầu phải có Giấy chứng nhận an toàn sinh học trước khi cây trồng biến đổi gen được phóng thích ra môi trường và Giấy xác nhận đủ điều kiện trước khi được sử dụng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi, đồng thời các quy định về giống cây trồng cũng được áp dụng; các quyết định công nhận đặc cách giống cây trồng biến đổi gen đã ban hành trước đây tiếp tục có hiệu lực theo khoản 10 Điều 17 Luật số 146/2025/QH15. Nhà đầu tư vào các tính trạng chỉnh sửa gen cần theo dõi sát nghị định sắp được ban hành, vì định nghĩa mới nhằm tách các sinh vật này khỏi cơ chế quản lý sinh vật biến đổi gen.

Thức ăn chăn nuôi, kể cả thức ăn chăn nuôi được sản xuất từ cây trồng, được điều chỉnh bởi Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 và được trình bày tại mục Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và thú y.

Vật tư trồng trọt: tóm tắt các thủ tục cấp phép chính

Vật tư	Cấp phép đưa ra thị trường	Cơ quan quyết định và thời hạn	Hiệu lực	Nhập khẩu
Giống thuộc loài cây trồng chính	Công nhận lưu hành sau khảo nghiệm DUS và khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; 15 ngày làm việc	20 năm (cây hằng năm), 25 năm (cây lâu năm), được gia hạn	Tự do nếu đã được công nhận; kiểm tra chất lượng; kiểm dịch
Các giống khác	Tự công bố lưu hành được đăng tải trên cổng thông tin điện tử	Cục; 5 ngày làm việc	Theo nội dung tự công bố	Tự do nếu đã tự công bố; kiểm dịch
Giống cây trồng được bảo hộ	Bằng bảo hộ giống cây trồng	Bộ, thông qua Cục	25 năm (cây thân gỗ và cây nho), 20 năm (các giống khác)	Chủ bằng kiểm soát việc nhập khẩu vật liệu nhân giống
Phân bón	Công nhận lưu hành	Cục; thẩm định tối đa 3 tháng	5 năm, được gia hạn	Không cần giấy phép nếu đã được công nhận; phải có giấy phép trong các trường hợp được liệt kê (cấp tỉnh, 7 ngày làm việc)
Nhà máy sản xuất phân bón	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; kiểm tra 17 ngày làm việc	5 năm	Không áp dụng
Thuốc bảo vệ thực vật	Đăng ký và bổ sung vào danh mục được phép sử dụng	Cục thẩm định 4 tháng; Bộ trưởng bổ sung vào danh mục	5 năm, được gia hạn	Không cần giấy phép đối với tổ chức đăng ký; phải có giấy phép trong các trường hợp được liệt kê (cấp tỉnh, 5 ngày làm việc, 12 tháng)
Nhà máy hoặc cửa hàng thuốc bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoặc buôn bán	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; 20 hoặc 10 ngày làm việc, cộng thêm 5 ngày	5 năm	Không áp dụng
Thực vật và sản phẩm thực vật	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật; phân tích nguy cơ dịch hại và giấy phép nhập khẩu đối với vật thể thuộc danh mục	Cơ quan kiểm dịch thực vật trung ương; giấy phép 10 ngày làm việc	Giấy phép tối đa 12 tháng	Đăng ký kiểm dịch từng lô hàng; thông quan sau khi hoàn thành kiểm dịch

Gia nhập thị trường đối với nhà cung cấp vật tư nước ngoài

1 Lựa chọn hình thức hiện diện

Văn phòng đại diện hoặc chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực là đủ để đăng ký giống cây trồng, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật (khoản 3 Điều 13 và khoản 3 Điều 36 Luật Trồng trọt; khoản 2 Điều 50 Luật số 41/2013/QH13), nhưng hoạt động nhập khẩu và phân phối đòi hỏi phải có công ty có quyền kinh doanh và giấy phép kinh doanh mà thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài phải có (Câu hỏi thường gặp số 95; mục 11.1 về tiếp cận thị trường).

2 Phân loại sản phẩm

Phân loại từng sản phẩm, đối chiếu với các danh mục thuốc bảo vệ thực vật và danh mục kiểm dịch, và xác định mã HS.

3 Tiến hành khảo nghiệm

Thuê tổ chức khảo nghiệm được công nhận tại Việt Nam thực hiện khảo nghiệm giống, khảo nghiệm phân bón hoặc khảo nghiệm hiệu lực sinh học thuốc bảo vệ thực vật (theo giấy phép khảo nghiệm).

4 Đăng ký và bảo hộ

Nộp hồ sơ công nhận lưu hành, tự công bố lưu hành, công nhận phân bón lưu hành hoặc đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Cục, và nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng trước khi hết thời hạn bảo đảm tính mới.

5 Bảo đảm nguồn cung

Đối với hạt giống và vật liệu nhân giống, xác nhận rằng đã có kết quả phân tích nguy cơ dịch hại đối với xuất xứ đó và xin giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu; xin giấy phép nhập khẩu phân bón hoặc thuốc bảo vệ thực vật (nếu có) tại cấp tỉnh.

6 Sản xuất hoặc gia công tại Việt Nam

Nhà máy tại Việt Nam phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp; nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải nằm trong khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp.

7 Phân phối tuân thủ quy định

Sử dụng nhà phân phối đáp ứng điều kiện buôn bán, ghi nhãn bằng tiếng Việt, lưu giữ thông tin truy xuất nguồn gốc lô hàng và theo dõi lịch gia hạn của mọi giấy phép.

VÍ DỤ MINH HỌA

Ra mắt dòng sản phẩm hạt giống rau và chất kích thích sinh học

Một tập đoàn vật tư nông nghiệp của Hà Lan dự định bán hạt giống rau lai và một loại phân bón lá chiết xuất từ rong biển tại Việt Nam, sau đó là một loại thuốc trừ bệnh sinh học. Thời gian và chi phí là giả định mang tính minh họa, không phải báo giá.

Tháng thứ 0	Văn phòng đại diện được cấp phép; song song đó, một công ty thương mại 100% vốn nước ngoài được thành lập để nhập khẩu và phân phối, có giấy phép kinh doanh cần thiết cho hoạt động phân phối.
Hạt giống	Giả định, như luật sư tại Việt Nam xác nhận, cà chua, ớt và dưa chuột không thuộc danh mục loài cây trồng chính, thì mỗi giống được tự công bố lưu hành và được đăng tải trong thời hạn năm ngày làm việc; các lô hạt giống được nhập khẩu kèm giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, và đối với vật liệu nhân giống thuộc danh mục phải phân tích nguy cơ dịch hại, cần kiểm tra xem đã có kết quả phân tích đối với xuất xứ Hà Lan hay chưa.
Bảo hộ	Ba giống chủ lực được nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng trong thời hạn một năm kể từ lần bán đầu tiên tại Việt Nam để bảo đảm tính mới; thời hạn bảo hộ sẽ là 20 năm kể từ ngày cấp bằng.
Phân bón	Sản phẩm phân bón lá đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng; khảo nghiệm trong hai vụ; hồ sơ công nhận lưu hành được nộp vào tháng thứ 10 và được quyết định trong thời hạn thẩm định ba tháng; có hiệu lực năm năm.
Thuốc trừ bệnh	Khảo nghiệm hiệu lực sinh học theo giấy phép khảo nghiệm từ tháng thứ 3 đến tháng thứ 18; hồ sơ đăng ký được nộp vào tháng thứ 19; thẩm định trong thời hạn bốn tháng; được bổ sung vào danh mục được phép sử dụng bằng thông tư sửa đổi; chỉ định tổ chức nhập khẩu theo ủy quyền của tổ chức đăng ký.
Ngân sách (minh họa)	Khảo nghiệm và đăng ký cho toàn bộ dòng sản phẩm: 150.000 đến 300.000 EUR trong hai năm; hỗ trợ pháp lý và thủ tục hành chính tại Việt Nam: 40.000 đến 90.000 EUR.

Nếu hạt giống là giống lúa hoặc giống ngô, thì phải được công nhận lưu hành sau khi khảo nghiệm độc lập trước khi bán ra.

Nếu tập đoàn muốn gia công thành phẩm thuốc trừ bệnh tại Việt Nam, nhà máy phải nằm trong khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp và có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về vật tư trồng trọt

Công ty nước ngoài có thể đăng ký giống cây trồng hoặc phân bón mà không cần có công ty tại Việt Nam không?

Có, nếu công ty đó có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực giống cây trồng hoặc phân bón tại Việt Nam, theo khoản 3 Điều 13 và khoản 3 Điều 36 Luật Trồng trọt. Việc đăng ký không trao quyền kinh doanh, do đó hoạt động nhập khẩu và phân phối sản phẩm vẫn đòi hỏi phải có công ty có giấy phép kinh doanh mà thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài phải có.

Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng có hiệu lực trong bao lâu?

Từ ngày 1/1/2026, quyết định công nhận lưu hành có hiệu lực 20 năm đối với cây hằng năm và 25 năm đối với cây lâu năm và được gia hạn, theo khoản 2 Điều 15 Luật Trồng trọt, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15. Quyết định được ban hành trước năm 2026 có hiệu lực trong cùng thời hạn kể từ ngày ban hành. Hồ sơ gia hạn được nộp trong thời hạn sáu tháng trước khi hết hiệu lực.

Đại lý phân bón có còn phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán không?

Không. Từ năm 2026, Điều 42 sửa đổi của Luật Trồng trọt chỉ yêu cầu có địa điểm kinh doanh hợp pháp, có địa chỉ rõ ràng và người bán hàng đã được tập huấn theo hướng dẫn của Bộ hoặc có trình độ trung cấp thuộc chuyên ngành phù hợp, và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP đã bãi bỏ thủ tục cấp giấy chứng nhận trước đây. Hoạt động sản xuất phân bón vẫn phải có giấy chứng nhận có hiệu lực năm năm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp.

Tôi có thể nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật chưa có tên trong danh mục được phép sử dụng không?

Chỉ được nhập khẩu cho các mục đích quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật số 41/2013/QH13, chẳng hạn khảo nghiệm để đăng ký, nghiên cứu, tái xuất hoặc sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng, và phải có giấy phép nhập khẩu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, được thẩm định trong thời hạn năm ngày làm việc và có hiệu lực tối đa 12 tháng. Thuốc đó không được bán hoặc sử dụng trong nước.

Vì sao việc nhập khẩu một loại quả hoặc hạt giống từ xuất xứ mới có thể mất nhiều năm?

Vì vật liệu nhân giống, quả tươi và củ khoai tây, khoai lang tươi thuộc danh mục phải phân tích nguy cơ dịch hại tại Thông tư số 14/2024/TT-BNNPTNT. Cơ quan trung ương phải phân tích nguy cơ dịch hại trên cơ sở thông tin do nước xuất khẩu cung cấp trước khi cho phép nhập khẩu, và chỉ sau đó giấy phép cho từng lô hàng mới được cấp.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Thời hạn một năm được buôn bán và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chứa benfuracarb theo Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT kết thúc vào ngày 10/2/2027, và thời hạn hai năm đối với carbosulfan kết thúc vào ngày 10/2/2028; nhà phân phối cần giải phóng hàng tồn kho trước các thời điểm này.
- Chính phủ sẽ ban hành nghị định về xác định và quản lý sinh vật biến đổi gen và sinh vật chỉnh sửa gen theo yêu cầu của Điều 65 sửa đổi Luật Đa dạng sinh học, qua đó quyết định liệu cây trồng chỉnh sửa gen có được loại trừ khỏi các thủ tục an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen hay không.
- Do Luật số 146/2025/QH15 đã chuyển thẩm quyền quy định thủ tục cho Bộ trưởng, các quy định còn lại của Nghị định số 94/2019/NĐ-CP và Nghị định số 84/2019/NĐ-CP dự kiến sẽ được hợp nhất vào các thông tư của Bộ; Bộ cũng định kỳ ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung các danh mục thuốc bảo vệ thực vật.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Recognition of a variety for circulation	Công nhận lưu hành giống cây trồng	Quyết định cho phép một giống thuộc loài cây trồng chính được sản xuất và bán ra thị trường.
Self-declaration of a variety	Tự công bố lưu hành giống cây trồng	Bản công bố của chính tổ chức, cá nhân sản xuất đối với giống thuộc các loài cây trồng khác (Điều 17).
Plant variety protection certificate	Bằng bảo hộ giống cây trồng	Văn bằng sở hữu trí tuệ trao độc quyền đối với giống cây trồng mới.
Recognition of fertiliser for circulation	Công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam	Quyết định có hiệu lực năm năm phải có trước khi phân bón được bán ra thị trường.
Certificate of eligibility to produce fertiliser	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Giấy phép sản xuất có hiệu lực năm năm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp.
Pesticide registration certificate	Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	Việc đăng ký có hiệu lực năm năm gắn với danh mục được phép sử dụng.
List of pesticides permitted for use	Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam	Danh mục do Bộ trưởng ban hành; hiện nay là danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT, đã được sửa đổi, bổ sung.
Plant quarantine import permit	Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu	Giấy phép đối với vật thể thuộc danh mục phải phân tích nguy cơ dịch hại.
Pest risk analysis	Phân tích nguy cơ dịch hại	Việc đánh giá bắt buộc trước khi vật thể thuộc danh mục phải phân tích nguy cơ dịch hại được nhập khẩu lần đầu (Điều 27).
Gene-edited organism	Sinh vật chỉnh sửa gen	Sinh vật bị biến đổi bằng công nghệ gen mà không chứa vật chất di truyền ngoại lai hoặc tổng hợp.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Các quy định về sản phẩm áp dụng như nhau đối với mọi chủ thể: công nhận lưu hành, đăng ký, các danh mục, kiểm dịch và điều kiện sản xuất, buôn bán được áp dụng bình đẳng. Sự khác biệt nằm ở hình thức hiện diện và quyền kinh doanh. Tập đoàn nước ngoài có thể đăng ký giống cây trồng, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật thông qua văn phòng đại diện hoặc chi nhánh trong lĩnh vực này, nhưng phải có công ty tại Việt Nam có giấy phép kinh doanh mà thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài phải có để nhập khẩu và phân phối, trong khi công ty Việt Nam được kinh doanh trên cơ sở đăng ký ngành, nghề kinh doanh. Người chọn tạo giống nước ngoài được bảo hộ giống cây trồng nếu quốc gia của họ có thỏa thuận về bảo hộ giống cây trồng với Việt Nam hoặc họ có cơ sở tại Việt Nam.

LƯU Ý

- Bán giống thuộc loài cây trồng chính trên cơ sở tự công bố lưu hành: phải được công nhận lưu hành sau khi khảo nghiệm độc lập.
- Mất tính mới để được bảo hộ giống cây trồng do đã bán tại Việt Nam quá một năm trước ngày nộp đơn.
- Dựa vào ý kiến tư vấn được đưa ra trước năm 2026: giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón đã bị bãi bỏ, thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu đã chuyển về cấp tỉnh và thời hạn hiệu lực của quyết định công nhận đã được kéo dài.
- Cho rằng phân bón đã được công nhận ở nước ngoài có thể được nhập khẩu tự do: phân bón đó phải được công nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc có giấy phép nhập khẩu cho mục đích được liệt kê.
- Tiếp tục lưu giữ hàng tồn kho thuốc bảo vệ thực vật đang bị loại bỏ sau thời hạn được buôn bán và sử dụng.
- Đặt nhà máy gia công thành phẩm thuốc bảo vệ thực vật bên ngoài khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp.
- Vận chuyển vật liệu nhân giống hoặc quả tươi từ một xuất xứ chưa được hoàn thành phân tích nguy cơ dịch hại.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Công báo: Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (Điều 2, Điều 4, Điều 15 và Điều 17: Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Đa dạng sinh học, Trồng trọt) — <https://congbaocdn.chinhphu.vn/180507251028987904/2026/1/26/146signed-17694188051301487803294.pdf>
- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14, nội dung các điều (Điều 13 đến Điều 17, Điều 22, 28, 29, 36, 37, 41, 44, 45), hethongphapluat.com (nguồn văn bản thứ cấp) — <https://hethongphapluat.com/luat-trong-trot-2018/dieu-13>
- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13, nội dung các điều (Điều 26 đến Điều 33, Điều 50, 51, 61, 63, 66, 67), hethongphapluat.com — <https://hethongphapluat.com/luat-bao-ve-va-kiem-dich-thuc-vat-2013/dieu-67>
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Nghị định số 33/2026/NĐ-CP về điều kiện sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật — <https://mae.gov.vn/quy-dinh-moi-ve-dieu-kien-san-xuat-buon-ban-thuoc-bao-ve-thuc-vat-20844.htm>
- Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/1/2026 (bản tiếng Anh, [LuatVietnam](https://english.luatvietnam.vn)) — <https://english.luatvietnam.vn/circular-no-07-2026-tt-bnnmt-dated-january-23-2026-of-the-ministry-of-agriculture-and-environment-detailing-a-number-of-articles-of-the-law-on-plant-425086-doc1.html>
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT về danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và cấm sử dụng — <https://ppd.gov.vn/tin-moi-nhat-289/thong-tu-so-752025tt-bnnmt-ban-hanh-danh-muc-thuoc-bao-ve-thuc-vat-duoc-phep-su-dung-tai-viet-nam-va-danh-muc-thuoc-bao-ve-thuc-vat-cam-su-dung-tai-viet-nam.html>
- Thông tư số 28/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT ([LuatVietnam](https://luatvietnam.vn)) — <https://luatvietnam.vn/nong-nghiep/thong-tu-28-2026-tt-bnnmt-danh-muc-thuoc-bao-ve-thuc-vat-tai-viet-nam-439351-d1.html>
- Thông tư số 14/2024/TT-BNNPTNT về danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và danh mục phải phân tích nguy cơ dịch hại (caselaw.vn) — <https://caselaw.vn/van-ban-phap-luat/412608-thong-tu-so-14-2024-tt-bnnptnt-ngay-31-10-2024-cua-bo-truong-bo-nong-nghiep-va-phat-trien-nong-thon-ve-danh-muc-vat-the-thuoc-dien-kiem-dich-thuc-vat-danh-muc-vat-the-thuoc-dien-kiem-dich-thuc-vat-phai-phan-tich-nguy-co-dich-hai-truoc-khi-nhap-khau-vao-viet-nam>
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ giống cây trồng — <https://www.ppd.gov.vn/bao-ho-giong-cay-trong.html>
- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, các điều về giống cây trồng (Điều 157 đến Điều 159, Điều 164, 169, 186, 190), hethongphapluat.com — <https://hethongphapluat.com/luat-so-huu-tri-tue-2005/dieu-169>

Ngành rau quả: trái cây, rau và hoa: số liệu xuất khẩu, mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP, các nghị định thư với Trung Quốc và việc đăng ký với GACC, kiểm nghiệm cadimi và vàng O trên sầu riêng, chiếu xạ đối với thị trường Hoa Kỳ, kiểm tra dư lượng và sức khỏe thực vật của EU, thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc và Úc, quy định về VietGAP và nông nghiệp hữu cơ, hoa và nhà kính tại Lâm Đồng, và các mô hình đầu tư, kèm ví dụ minh họa về cơ sở đóng gói

Rà soát ngày 16/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHẮM

- Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt mức kỷ lục 8,56 tỷ USD năm 2025, tăng gần 20%, và khoảng 7,35 tỷ USD trong chín tháng đầu năm 2026 (tăng 19,9%); riêng sầu riêng đạt khoảng 3,86 tỷ USD năm 2025, và Trung Quốc chiếm khoảng 63% đến 64% kim ngạch.
- Mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói được điều chỉnh bởi Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/1/2026 hướng dẫn Điều 64 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15, và từ ngày 31/7/2026 bởi Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP, theo đó việc cấp mã số được chuyển sang thực hiện trực tuyến tại Ủy ban nhân dân cấp xã, tạm ngưng áp dụng yêu cầu diện tích tối thiểu 10 ha và quy định thời hạn quyết định là 3 hoặc 10 ngày làm việc.
- Mã số bị tạm dừng hiệu lực đối với một thị trường cụ thể khi có vi phạm về kiểm dịch hoặc an toàn thực phẩm, tổ chức, cá nhân được cấp mã số có 60 ngày để báo cáo biện pháp khắc phục, và mã số bị thu hồi đối với một thị trường (ví dụ do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không có trong danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam) không được đề nghị cấp lại cho thị trường đó trong thời hạn 12 tháng (Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 38/2026/NĐ-CP).
- Trung Quốc cho phép nhập khẩu trái cây Việt Nam theo từng sản phẩm trên cơ sở các nghị định thư ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC), gần đây nhất là ớt và chanh leo (tháng 4/2025), mít (từ ngày 1/6/2026) và bưởi, chanh (ký ngày 15/4/2026); các lô sầu riêng phải có kết quả kiểm nghiệm cadimi và vàng O từ phòng thử nghiệm được Trung Quốc công nhận, và Lệnh số 280 của GACC điều chỉnh việc đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài từ ngày 1/6/2026.
- EU kiểm tra 20% số lô sầu riêng Việt Nam và yêu cầu giấy chứng nhận chính thức kèm kết quả phân tích của phòng thử nghiệm đối với thanh long, đậu bắp và ớt theo Quy định thực thi (EU) 2019/1793, được sửa đổi bởi Quy định thực thi (EU) 2026/1206, trong khi Hoa Kỳ cho phép nhập khẩu bảy loại trái cây của Việt Nam, phần lớn sau khi được chiếu xạ tại Việt Nam theo các kế hoạch làm việc với APHIS.
- Công ty có vốn đầu tư nước ngoài được trồng, đóng gói, chế biến và xuất khẩu sản phẩm rau quả mà không cần giấy phép chuyên ngành, nhưng không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, do đó phần lớn nhà đầu tư nước ngoài kết hợp cơ sở đóng gói hoặc nhà máy chế biến với liên kết sản xuất theo hợp đồng với các hợp tác xã là chủ thể được cấp mã số vùng trồng.

Ngành rau quả qua các con số

Ngành rau quả (trái cây, rau, hoa và cây cảnh) là lĩnh vực tăng trưởng nhanh nhất trong xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt **8,56 tỷ USD năm 2025**, mức kỷ lục, cao hơn gần 20% so với năm 2024, trong tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 70,09 tỷ USD. Đối với giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 9/2026, số liệu của Bộ cho thấy kim ngạch đạt khoảng **7,35 tỷ USD**, tăng 19,9%, và Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vinafruit) dự báo kim ngạch năm 2026 đạt từ 9 tỷ USD đến 10 tỷ USD. Số liệu toàn ngành được trình bày tại mục Khung pháp lý về nông nghiệp và các cơ quan quản lý.

Sầu riêng chiếm ưu thế: khoảng 3,86 tỷ USD năm 2025 theo số liệu của Vinafruit, tương đương khoảng 45% tổng kim ngạch, và 2,27 tỷ USD trong tám tháng đầu năm 2026, tăng 47,8%, từ diện tích hơn 150.000 ha, dẫn đầu là Lâm Đồng, Đắk Lắk và Đồng Tháp. Tiếp theo là dứa (gần 534 triệu USD năm 2025), thanh long (gần 526 triệu USD) và chuối (khoảng 419 triệu USD), sau đó là xoài, mít, bưởi, chanh leo, nhãn, vải và ớt. Trung Quốc chiếm khoảng 64% kim ngạch năm 2025 và 63% năm 2026 tính đến tháng 9, Hoa Kỳ khoảng 7% và Hàn Quốc khoảng 3,8%. Hệ quả pháp lý là việc mở cửa thị trường được

đàm phán **theo từng sản phẩm, từng thị trường và, tại các thị trường có nghị định thư, theo từng vườn cây**: một vườn cây được Trung Quốc chấp thuận không đương nhiên được chấp thuận cho thị trường Hàn Quốc, và một cơ sở đóng gói bị Trung Quốc thu hồi chấp thuận vẫn có thể xuất khẩu sang EU.

Cơ quan quản lý hoạt động xuất khẩu rau quả

Cơ sở pháp lý là Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 và Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13, cùng được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15, đạo luật sửa đổi, bổ sung mười lăm luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và có hiệu lực từ ngày 1/1/2026. Điều 64 Luật Trồng trọt sửa đổi là căn cứ cấp mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói; Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật điều chỉnh giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Vật tư đầu vào và thủ tục kiểm dịch thực vật chung được trình bày tại mục Giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật.

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường đàm phán các nghị định thư, chuyển danh sách mã số cho nước nhập khẩu, tiếp nhận thông báo vi phạm của nước nhập khẩu và, thông qua các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Mã số được cấp tại địa phương, nay do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp, với một cơ quan cấp tỉnh làm đầu mối. An toàn thực phẩm đối với sản phẩm chế biến được trình bày tại mục Chế biến nông sản, an toàn thực phẩm, hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng.

Hoạt động trồng trái cây, rau hoặc hoa hoặc vận hành cơ sở đóng gói không cần giấy phép chuyên ngành. Các ràng buộc đối với nhà đầu tư nước ngoài là đất đai (Đất nông nghiệp và tích tụ đất đai; Câu hỏi thường gặp số 48), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (IRC), trước đó là chấp thuận chủ trương đầu tư trong trường hợp Nhà nước cho thuê đất (Chấp thuận chủ trương đầu tư), và việc đăng ký quyền xuất khẩu như một ngành, nghề kinh doanh. Việc xuất khẩu nông sản thu mua nhìn chung không cần giấy phép kinh doanh mà Nghị định số 09/2018/NĐ-CP, được thay thế bởi Nghị định số 342/2026/NĐ-CP từ ngày 18/10/2026, yêu cầu đối với hoạt động phân phối bán buôn và bán lẻ, nhưng việc bán hàng thông qua hệ thống phân phối trong nước của chính công ty thì phải có giấy phép này (Câu hỏi thường gặp số 95).

Mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói

Mã số vùng trồng định danh một địa điểm sản xuất một loại cây trồng theo cùng một quy trình sản xuất và có điều kiện tự nhiên đồng nhất; **mã số cơ sở đóng gói** định danh một địa điểm nơi sản phẩm cây trồng được phân loại, sơ chế, đóng gói và bảo quản (Điều 3 Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/1/2026). Các thị trường có nghị định thư, trước hết là Trung Quốc nhưng cũng bao gồm Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Úc và Nhật Bản, chỉ chấp nhận sản phẩm truy xuất được đến các mã số đã được phê duyệt. Mã số vừa là đơn vị để tiếp cận thị trường vừa là đơn vị để áp dụng chế tài: vi phạm phát hiện tại cửa khẩu được truy xuất đến vườn cây và cơ sở đóng gói, và mã số của các cơ sở này bị tạm dừng đối với thị trường đó.

Điều 6 Nghị định yêu cầu vùng trồng cây lâu năm có diện tích tối thiểu 10 ha (trừ trường hợp nước nhập khẩu quy định mức khác), có quy trình sản xuất do cơ quan bảo vệ thực vật ban hành hoặc chấp thuận, và có hồ sơ ghi chép sản xuất và thu hoạch. Điều 7 yêu cầu cơ sở đóng gói có bố trí theo nguyên tắc một chiều với các khu vực tách biệt, có điện, nước sạch và hệ thống thoát nước; có trang thiết bị tiếp nhận, phân loại, đóng gói và bảo quản; có quy trình đóng gói và biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại; và có hồ sơ ghi chép về nguồn gốc, đóng gói, tiêu thụ, kiểm soát sinh vật gây hại, vệ sinh, đào tạo và sử dụng hóa

chất. Vùng trồng và cơ sở phục vụ xuất khẩu còn phải đáp ứng quy định về kiểm dịch và an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu. Theo Điều 9, mã số gồm mã tỉnh, ký hiệu PUC hoặc PHC, mã cây trồng và số thứ tự gồm năm chữ số.

Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026, được ban hành nhằm tháo gỡ điểm nghẽn trước vụ thu hoạch sầu riêng tại Tây Nguyên, được áp dụng cho đến khi nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/2026/NĐ-CP có hiệu lực. Nghị quyết tạm ngưng hiệu lực, cùng với một số quy định khác, yêu cầu diện tích tối thiểu 10 ha, thủ tục tại Điều 8 và phần lớn các biểu mẫu. Hồ sơ được nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia đến **Ủy ban nhân dân cấp xã**, theo nguyên tắc tự khai, tự chịu trách nhiệm; thửa đất được xác định theo mã định danh thửa đất trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, và mã số không làm phát sinh cũng không thay thế quyền sử dụng đất. Nếu không nêu thị trường yêu cầu mã số, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp mã số trong thời hạn 3 ngày làm việc và hậu kiểm trong thời hạn ba tháng; nếu có nêu thị trường yêu cầu mã số, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra và quyết định trong thời hạn 10 ngày làm việc, cấp tỉnh gửi danh sách cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 3 ngày làm việc và Bộ chuyển cho nước nhập khẩu trong thời hạn 3 ngày làm việc hoặc theo lịch trình của nước đó. Có thể bổ sung thị trường mà không phải cấp mã số mới. Yêu cầu riêng của nước nhập khẩu vẫn được ưu tiên áp dụng (khoản 7 Điều 5), do đó vùng trồng có diện tích quá nhỏ đối với một thị trường có nghị định thư vẫn có thể bị thị trường đó từ chối.

Tổ chức, cá nhân được cấp mã số phải tự giám sát trước mỗi vụ thu hoạch (đối với vùng trồng) hoặc ít nhất mỗi năm một lần (đối với cơ sở đóng gói) (Điều 10). Mã số bị tạm dừng hiệu lực nếu không còn đáp ứng một yêu cầu, tổ chức, cá nhân được cấp mã số không tự giám sát hoặc không phối hợp, hoặc có thông báo vi phạm về kiểm dịch hoặc an toàn thực phẩm, và tổ chức, cá nhân đó phải báo cáo biện pháp khắc phục trong thời hạn **60 ngày** (Điều 11). Mã số bị thu hồi nếu sử dụng hóa chất cấm hoặc thuốc bảo vệ thực vật không có trong danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam, giả mạo hồ sơ, thay đổi cây trồng hoặc mục đích sử dụng đất, hoặc không khắc phục trong thời hạn 60 ngày (Điều 12). Việc tạm dừng và thu hồi được áp dụng **theo từng thị trường**, và không được đề nghị cấp lại mã số cho thị trường đó trong thời hạn **12 tháng** kể từ ngày bị thu hồi. Cơ sở đóng gói chỉ được đóng gói cho thị trường yêu cầu mã số đối với trái cây từ vùng trồng đã được cấp mã số (khoản 4 Điều 16). Mã số được cấp trước ngày 24/1/2026 tiếp tục có hiệu lực đến ngày 24/1/2027 và phải được chuyển đổi (Điều 19). Theo số liệu công bố vào tháng 7/2026, tính đến tháng 5/2026 Việt Nam có 9.546 mã số vùng trồng và 1.525 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu, trong đó Trung Quốc đã phê duyệt lần lượt 4.323 và 1.332 mã số.

Cấp mã số: Nghị định số 38/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP

Nội dung	Nghị định số 38/2026/NĐ-CP	Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP (từ ngày 31/7/2026)
Nơi nộp đơn	Cơ quan cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	Ủy ban nhân dân cấp xã, trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia
Chủ thể được đề nghị cấp	Tổ chức và cá nhân	Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và nhóm hộ
Diện tích tối thiểu	10 ha đối với cây lâu năm	Tạm ngưng áp dụng; yêu cầu của nước nhập khẩu vẫn được áp dụng

Nội dung	Nghị định số 38/2026/NĐ-CP	Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP (từ ngày 31/7/2026)
Thời hạn ra quyết định	10 ngày làm việc để kiểm tra, sau đó 2 ngày để quyết định	3 ngày làm việc, hoặc 10 ngày kèm kiểm tra đối với thị trường yêu cầu mã số
Phê duyệt của nước nhập khẩu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi danh sách	Cấp tỉnh gửi Bộ trong thời hạn 3 ngày làm việc; Bộ chuyển tiếp trong thời hạn 3 ngày
Chế tài	Tạm dừng theo từng thị trường; 60 ngày để khắc phục; không được đề nghị cấp lại trong 12 tháng sau khi bị thu hồi	Không thay đổi

Trung Quốc: nghị định thư, đăng ký với GACC và kiểm nghiệm sâu riêng

Trung Quốc cho phép nhập khẩu trái cây tươi của Việt Nam theo các nghị định thư về kiểm dịch thực vật giữa Bộ Nông nghiệp và Môi trường và **Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC)**: sầu riêng tươi (2022); sầu riêng đông lạnh và dứa tươi (19/8/2024); chuối, khoai lang, măng cụt và dưa hấu; ớt và chanh leo (15/4/2025); mít, với các quy định theo nghị định thư được áp dụng từ ngày 1/6/2026 theo Thông báo số 251 năm 2025 của GACC; và **bưởi và chanh**, được ký ngày 15/4/2026, mà đến tháng 8/2026 Việt Nam đã gửi 221 mã số vùng trồng và 63 cơ sở đóng gói. Thanh long, xoài, nhãn, vải và chôm chôm là các mặt hàng xuất khẩu lâu năm theo các thỏa thuận trước đây. Cam, quýt, na và bơ vẫn đang chờ nghị định thư vào tháng 8/2026.

Các quy định đối với mít cho thấy mô hình chung: vườn cây và cơ sở đóng gói được đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và được GACC đưa vào danh sách; áp dụng thực hành nông nghiệp tốt và quản lý dịch hại tổng hợp; giám sát sinh vật gây hại quanh năm phù hợp với ISPM 6; cơ sở đóng gói hợp vệ sinh, loại bỏ quả bị hư hỏng và làm sạch đất, tạp chất; bao bì mới, sạch và vật liệu gỗ theo ISPM 15; phía Việt Nam lấy mẫu trước khi xuất khẩu đối với 2% số lô (1% sau một năm không có vi phạm); và phía Trung Quốc kiểm tra tại cửa khẩu nhập, với việc trả về hoặc tiêu hủy các lô không đáp ứng yêu cầu. Đối với bưởi, còn phải bao quả ít nhất 60 ngày trước khi thu hoạch.

Việc đăng ký doanh nghiệp sản xuất là thủ tục riêng. **Lệnh số 280 của GACC**, được công bố ngày 14/10/2025, đã thay thế Lệnh số 248 từ ngày 1/6/2026. Mười bảy nhóm sản phẩm, bao gồm trái cây sấy khô, rau khử nước và các loại hạt, phải được cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu kiểm tra và giới thiệu; các loại thực phẩm khác tự đăng ký trực tuyến; việc đăng ký có hiệu lực năm năm và phần lớn được tự động gia hạn. Rau tươi đã được đưa ra khỏi danh mục của Lệnh số 280 và thuộc phạm vi Thông báo số 219 năm 2025 của GACC, có hiệu lực từ ngày 15/12/2025, theo đó nhà nhập khẩu Trung Quốc phải khai báo số đăng ký của doanh nghiệp nước ngoài đối với các nông sản thuộc danh mục. Đối với trái cây tươi, sự chấp thuận có tính quyết định vẫn là việc GACC đưa vườn cây và cơ sở đóng gói vào danh sách theo nghị định thư.

Sầu riêng còn phải đáp ứng **chế độ kiểm nghiệm**. Trung Quốc phát hiện cadimi trong sầu riêng của Việt Nam và Thái Lan từ đầu năm 2024 và, từ ngày 10/1/2025, yêu cầu chứng nhận sầu riêng không chứa vàng O, một loại phẩm màu vàng bị cấm, do đó mỗi lô hàng hiện phải có kết quả kiểm nghiệm của phòng thử nghiệm được Trung Quốc công nhận. Nhiều container bị ách tắc vào đầu năm 2025; tháng 5/2025, Trung Quốc thu hồi khoảng 55 mã số vùng trồng và 61 mã số cơ sở đóng gói, và ngày 21/5/2025 phê duyệt thêm lần lượt 829 và 131 mã số; việc một phòng thử nghiệm ngừng hoạt động vào tháng 10/2025 đã làm gián đoạn thông quan khoảng một tuần. Đến tháng 8/2026, có khoảng 50 phòng thử nghiệm được công nhận, không có phòng nào tại Tây Nguyên. Cadimi một phần là vấn đề về đất và phân bón (Giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật). Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường bắt đầu vận hành từ ngày 1/7/2026.

Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Úc

Hoa Kỳ. APHIS cho phép nhập khẩu trái cây tươi theo từng mặt hàng theo 7 CFR 319.56, và Việt Nam đã được mở cửa thị trường đối với thanh long, chôm chôm, nhãn, vải, vú sữa, xoài và bưởi. Các loại quả này nhìn chung được chiếu xạ tại Việt Nam tại cơ sở được APHIS chứng nhận theo 7 CFR Part 305, quy định liều chiếu xạ chung 400 Gy đối với phần lớn côn trùng gây hại (kế hoạch làm việc năm 2022 đối với bưởi quy định 150 Gy), sau khi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và APHIS kiểm tra liên hợp; thùng hàng phải ghi mã số vườn cây, cơ sở đóng gói, cơ sở xử lý và biểu tượng radura. Đến tháng 7/2026, một nhà máy tại Tây Ninh đã trở thành cơ sở đầu tiên được phê duyệt xử lý bằng cả tia gamma và tia X. Phương pháp xử lý hơi nước nóng không được chấp nhận đối với thanh long, và chanh leo dự kiến được mở cửa thị trường trong năm 2026. Dư lượng phải đáp ứng mức giới hạn của EPA, và nhà nhập khẩu phải tuân thủ quy định thẩm tra nhà cung cấp nước ngoài và thông báo trước của FDA. Thuế quan của Hoa Kỳ đã thay đổi nhiều lần, kể cả sau phán quyết ngày 20/2/2026 của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ về thẩm quyền áp thuế trong tình trạng khẩn cấp, và cần được kiểm tra tại thời điểm giao hàng (Xuất khẩu gạo, cà phê và các nông sản chủ lực).

Nhật Bản cho phép nhập khẩu thanh long (xử lý hơi nước nóng), xoài và vải; nhãn đang được đàm phán và việc thử nghiệm đối với bưởi đang được tiến hành trong năm 2026. **Hàn Quốc** cho phép nhập khẩu thanh long, xoài và, từ năm 2024, bưởi, với yêu cầu xử lý hơi nước nóng tại cơ sở đã đăng ký (nhiệt độ tâm quả 47°C trong 20 phút hoặc 46,5°C trong 40 phút), đăng ký vườn cây và cơ sở đóng gói hằng năm, giám sát vườn cây hai tuần một lần và kiểm tra liên hợp ít nhất 2% số thùng hàng. Cả hai nước áp dụng hệ thống danh mục dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cho phép (positive list) với mức mặc định 0,01 ppm. **Úc** cho phép nhập khẩu thanh long, vải, nhãn, xoài, chanh leo và, từ ngày 9/10/2025, bưởi, với yêu cầu bưởi phải từ vườn cây và cơ sở đóng gói đã được cấp mã số, không nhiễm 19 loài sinh vật gây hại được liệt kê và phải được chiếu xạ. New Zealand cho phép nhập khẩu một số loại trái cây, và năm 2026 đã đồng ý về nguyên tắc đối với hoa cắt cành.

Liên minh châu Âu: dư lượng, tăng cường kiểm tra và sức khỏe thực vật

EU không yêu cầu mã số vùng trồng. Theo Quy định (EU) 2016/2031 và Quy định thực thi (EU) 2019/2072, trái cây và rau tươi phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, trừ dưa, dưa, sầu riêng, chuối và chà là, và các vật chủ của sinh vật gây hại thuộc diện điều chỉnh như ruồi đục quả ngoài châu Âu phải đáp ứng các yêu cầu đặc biệt.

Mức giới hạn dư lượng theo Quy định (EC) số 396/2005 mặc định là 0,01 mg/kg, do đó một loại thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam vẫn có thể khiến sản phẩm không được nhập khẩu vào EU. Quy định thực thi (EU) 2019/1793, được sửa đổi gần đây nhất bởi Quy định thực thi (EU) 2026/1206 ngày 9/6/2026 (có hiệu lực từ ngày 30/6/2026), đưa **sầu riêng** của Việt Nam vào Phụ lục I, với việc kiểm tra danh tính và kiểm tra thực tế đối với 20% số lô về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, và đưa **đậu bắp** (50%), **thanh long** (30%) và **ớt** (50%) vào Phụ lục II, do đó mỗi lô hàng còn phải có giấy chứng nhận chính thức kèm kết quả lấy mẫu và phân tích. Chi phí kiểm tra do nhà nhập khẩu chịu, và các danh mục được rà soát định kỳ. Sản phẩm hữu cơ nhập khẩu phải được chứng nhận theo Quy định (EU) 2018/848 và có giấy chứng nhận kiểm tra điện tử; thuế quan theo EVFTA được trình bày tại mục Xuất khẩu gạo, cà phê và các nông sản chủ lực.

Các thị trường xuất khẩu chính của trái cây Việt Nam tính đến ngày 16/10/2026

Thị trường	Mở cửa chính thức (mặt hàng chính)	Điều kiện chính	Lưu ý
Trung Quốc	Sầu riêng (tươi, đông lạnh), dứa, chuối, khoai lang, măng cụt, dưa hấu, ớt, chanh leo, mít, bưởi, chanh; xuất khẩu lâu năm đối với thanh long, xoài, nhãn, vải, chôm chôm	Vườn cây và cơ sở đóng gói được GACC đưa vào danh sách; GAP và IPM; giám sát sinh vật gây hại; lấy mẫu trước khi xuất khẩu	Kiểm nghiệm cadimi và vàng O đối với sầu riêng; tạm dừng mã số theo từng thị trường; Lệnh số 280 đối với hàng chế biến
Hoa Kỳ	Thanh long, chôm chôm, nhãn, vải, vú sữa, xoài, bưởi	Kế hoạch làm việc với APHIS; chiếu xạ tại Việt Nam; kiểm tra liên hợp; thùng hàng được ghi mã số	Mức giới hạn của EPA; thẩm tra nhà cung cấp của FDA; thuế quan
Liên minh châu Âu	Phần lớn trái cây và rau; không áp dụng hệ thống mã số	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (có trường hợp miễn); mức giới hạn dư lượng của EU	Kiểm tra 20% đối với sầu riêng; giấy chứng nhận và kết quả phân tích của phòng thử nghiệm đối với thanh long, đậu bắp, ớt
Hàn Quốc	Thanh long, xoài, bưởi	Đăng ký hàng năm; xử lý hơi nước nóng; kiểm tra liên hợp	Danh mục dư lượng cho phép (positive list)
Nhật Bản	Thanh long, xoài, vải	Biện pháp xử lý kiểm dịch được phê duyệt	Danh mục dư lượng cho phép (positive list)
Úc	Thanh long, vải, nhãn, xoài, chanh leo, bưởi	Vườn cây và cơ sở đóng gói được cấp mã số; chiếu xạ	Kiểm tra khi hàng đến

Tiêu chuẩn người mua yêu cầu: VietGAP, GLOBALG.A.P. và hữu cơ

VietGAP, tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11892-1:2017 (đang được sửa đổi trong năm 2025), mang tính tự nguyện và được chứng nhận bởi các tổ chức chứng nhận đã đăng ký, nhưng trên thực tế, VietGAP hoặc tiêu chuẩn tương đương là cách để một vườn cây chứng minh quy trình sản xuất, hồ sơ ghi chép và biện

pháp quản lý sinh vật gây hại mà mã số và nghị định thư đòi hỏi. **GLOBALG.A.P.** là yêu cầu thông thường của các nhà bán lẻ tại EU và nhiều nước châu Á. Không tiêu chuẩn nào trong số này thay thế cho mã số hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ được điều chỉnh bởi Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018, mà chúng tôi chưa tìm thấy văn bản thay thế tính đến ngày 16/10/2026. Tổ chức, cá nhân sản xuất áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ, hoặc tiêu chuẩn nước ngoài đối với hàng xuất khẩu; giấy chứng nhận do tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp có hiệu lực hai năm; việc sử dụng logo nông nghiệp hữu cơ Việt Nam đòi hỏi tối thiểu 95% thành phần được chứng nhận hữu cơ; và Điều 17 hỗ trợ kinh phí điều tra, khảo sát và đánh giá vùng sản xuất đủ điều kiện và hỗ trợ một lần chi phí cấp giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân sản xuất nhỏ. Chương trình hữu cơ của từng thị trường xuất khẩu được áp dụng riêng.

Hoa, nhà kính và cụm nông nghiệp công nghệ cao Lâm Đồng

Ngành hoa tập trung tại Đà Lạt thuộc tỉnh **Lâm Đồng**, tỉnh mà sau đợt sáp nhập tháng 7/2025 bao gồm cả tỉnh Đắk Nông và tỉnh Bình Thuận trước đây. Khoảng 10.800 ha hoa của tỉnh cho sản lượng hơn 4,4 tỷ cành mỗi năm, nhưng năm 2024 chỉ khoảng 494 triệu cành (khoảng 11%) được xuất khẩu, sang 23 thị trường. Các mục tiêu đến năm 2030 bao gồm kim ngạch xuất khẩu trên 217 triệu USD và ít nhất năm vùng sản xuất hoa ứng dụng công nghệ cao với tổng diện tích hơn 2.500 ha. Giống được bảo hộ phải trả tiền bản quyền (Giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật).

Khoản 7 Điều 4 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP xếp vào loại **đất nông nghiệp khác** đất dùng để ươm tạo cây giống, trồng hoa, cây cảnh, đất xây dựng nhà kính và các công trình khác phục vụ trồng trọt (kể cả trồng trọt không trực tiếp trên đất), và đất xây dựng kho chứa nông sản, vật tư nông nghiệp và máy móc phục vụ sản xuất. Do đó, nhà kính không cần chuyển mục đích sử dụng đất, nhưng một nhà máy đóng gói và kho lạnh thương mại phục vụ nhiều người trồng có thể phải sử dụng đất phi nông nghiệp, và điều này cần được xác nhận với cấp tỉnh trước khi lựa chọn địa điểm.

Cây đầu dòng nhập khẩu phải có giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (Điều 28 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật) và, đối với loài mới nhập khẩu lần đầu vào Việt Nam, phải được phân tích nguy cơ dịch hại (Điều 27). Cây có đất hoặc giá thể chỉ được nhập khẩu qua các cửa khẩu do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố và phải được kiểm dịch cách ly trong thời hạn **ba tháng** (Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 38/2026/NĐ-CP). Ưu đãi đối với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được trình bày tại mục Ưu đãi đầu tư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Các mô hình đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trong ngành rau quả

Trong mô hình **tự sản xuất trên vùng nguyên liệu riêng**, nhà đầu tư trồng trái cây trên đất được Nhà nước cho thuê để thực hiện dự án đã được chấp thuận, đất do đối tác Việt Nam góp vốn, hoặc đất do một công ty được mua lại đang sử dụng, vì doanh nghiệp có trên 50% vốn nước ngoài không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình. Khi đó, nhà đầu tư kiểm soát mã số và mọi vật tư đầu vào, điều này có ý nghĩa quan trọng khi chỉ một kết quả phát hiện dư lượng cũng có thể khiến một thị trường bị đóng cửa. Trong mô hình **liên kết sản xuất theo hợp đồng**, mô hình chủ đạo đối với sầu riêng, bưởi và thanh long, nhà đầu tư thu mua từ các hợp tác xã và hộ gia đình theo hợp đồng liên kết, thường cung cấp cây giống, vật tư và giám sát kỹ thuật để đổi lấy quyền bao tiêu độc quyền. Khi đó,

mã số thường do hợp tác xã hoặc nhóm hộ đứng tên, do vậy hợp đồng phải xác định rõ ai đề nghị cấp và kiểm soát mã số, ai chịu chi phí kiểm nghiệm và ai chịu thiệt hại khi lô hàng bị trả về (Chế biến nông sản, an toàn thực phẩm, hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng).

Mô hình **cơ sở đóng gói và chuỗi lạnh** đặt nhà đầu tư vào vị trí trung tâm về mặt pháp lý, vì mã số cơ sở đóng gói, xử lý, kiểm nghiệm và chứng nhận kiểm dịch thực vật đều đi qua cơ sở này. Mô hình **chế biến** (sầu riêng đông lạnh, trái cây sấy, nghiền nhuyễn, sản phẩm từ dừa) đòi hỏi thêm chứng nhận an toàn thực phẩm của Việt Nam và đăng ký với Trung Quốc theo Lệnh số 280, ít chịu ảnh hưởng của tình trạng ùn tắc tại cửa khẩu và có nhiều khả năng được hưởng ưu đãi (Câu hỏi thường gặp số 34) và miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị (Câu hỏi thường gặp số 37).

Từ vườn cây đến mã số xuất khẩu được phê duyệt (thị trường có nghị định thư)

1 Tổ chức vùng trồng

Lập bản đồ các thửa đất theo mã định danh thửa đất, quyết định chủ thể đứng tên mã số và ký hợp đồng liên kết quy định về mã số, vật tư đầu vào và kiểm nghiệm.

2 Thiết lập sản xuất

Áp dụng quy trình sản xuất đã được chấp thuận, VietGAP hoặc tiêu chuẩn tương đương, biện pháp quản lý sinh vật gây hại và hồ sơ ghi chép; chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng trong giới hạn của thị trường.

3 Nộp hồ sơ trực tuyến

Nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, nêu rõ các thị trường.

4 Kiểm tra và thông báo

Thông báo mã số trong thời hạn 10 ngày làm việc đối với thị trường yêu cầu mã số, các trường hợp khác là 3 ngày, với việc hậu kiểm trong thời hạn ba tháng.

5 Phê duyệt của nước nhập khẩu

Cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 3 ngày làm việc, Bộ chuyển tiếp trong thời hạn 3 ngày; chỉ cung ứng hàng sau khi thị trường đưa mã số vào danh sách.

6 Vận hành mùa vụ

Tự giám sát trước khi thu hoạch, chỉ đóng gói trái cây đã có mã số, kiểm nghiệm khi được yêu cầu và xin giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cho từng lô hàng.

7 Xử lý việc tạm dừng mã số

Báo cáo biện pháp khắc phục trong thời hạn 60 ngày, nếu không sẽ bị thu hồi mã số và không được đề nghị cấp lại trong 12 tháng đối với thị trường đó.

Mức độ sẵn sàng của cơ sở đóng gói trước mùa vụ

Được xây dựng dựa trên Điều 7, Điều 10 và Điều 16 Nghị định số 38/2026/NĐ-CP và các kế hoạch làm việc với Trung Quốc, Hoa Kỳ và Hàn Quốc; kế hoạch riêng của thị trường được ưu tiên áp dụng nếu nghiêm ngặt hơn.

☐ **Tình trạng mã số**

Đã được phê duyệt và đang có hiệu lực đối với từng thị trường mục tiêu; mã số cũ đã được chuyển đổi trước ngày 24/1/2027.

☐ **Bố trí mặt bằng**

Luồng một chiều, khu nguyên liệu và khu thành phẩm tách biệt, sàn cứng, nước sạch và hệ thống thoát nước.

☐ **Truy xuất nguồn gốc**

Mọi lô hàng đều gắn với vùng trồng đã được phê duyệt cho thị trường đích; không có trái cây chưa có mã số.

☐ **Kiểm nghiệm và xử lý**

Đã đặt lịch với phòng thử nghiệm được công nhận (kiểm nghiệm cadimi và vàng O đối với sầu riêng xuất khẩu sang Trung Quốc); đã đặt trước công suất chiếu xạ hoặc xử lý hơi nước nóng.

☐ **Bao bì**

Thùng carton mới và sạch, vật liệu gỗ theo ISPM 15, các mã số và ký hiệu theo yêu cầu.

☐ **Hồ sơ ghi chép**

Hồ sơ về vệ sinh, kiểm soát sinh vật gây hại, sử dụng hóa chất, đào tạo và tự giám sát hằng năm.

VÍ DỤ MINH HỌA

Cơ sở đóng gói sầu riêng và bưởi xuất khẩu tại Đồng Tháp

Một công ty kinh doanh trái cây của Singapore và một công ty trái cây Việt Nam thành lập liên doanh (tỷ lệ 70:30) để đóng gói sầu riêng xuất khẩu sang Trung Quốc và bưởi xuất khẩu sang Trung Quốc, Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Mọi thời điểm, sản lượng, giá cả và chi phí đều mang tính minh họa, không phải báo giá hay dự báo.

Tháng 0 đến tháng 2: gia nhập thị trường	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Sở Tài chính cấp tỉnh cấp và đăng ký doanh nghiệp, với quyền xuất khẩu và đóng gói trái cây, kho lạnh là ngành, nghề kinh doanh. Công ty thuê lại 2 ha trong một cụm công nghiệp, do đó không cần thuê đất của Nhà nước hay chấp thuận chủ trương đầu tư. Vốn 6 triệu USD, trong đó 4,5 triệu USD dành cho cơ sở đóng gói, kho lạnh sức chứa 1.500 tấn và dây chuyền phân loại.
Tháng 2 đến tháng 4: nguồn cung	Hợp đồng liên kết với sáu hợp tác xã cho 900 ha sầu riêng và 400 ha bưởi; các hợp tác xã đứng tên mã số vùng trồng, và công ty cung cấp cán bộ kỹ thuật, vật tư được phép sử dụng và kiểm nghiệm trước thu hoạch để đổi lấy quyền bao tiêu độc quyền theo giá tính theo công thức.

Tháng 4 đến tháng 5: mã số	Nộp hồ sơ trực tuyến cho 26 vùng trồng và cơ sở đóng gói, nêu rõ các thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP, không áp dụng diện tích tối thiểu, nhưng mỗi vùng trồng sầu riêng vẫn được duy trì trên 10 ha vì người mua kỳ vọng như vậy. Thông báo được ban hành trong thời hạn 10 ngày làm việc và danh sách được gửi đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Tháng 5 đến tháng 9: phê duyệt	GACC đưa các vùng trồng sầu riêng và cơ sở đóng gói vào danh sách; sau đó là phê duyệt đối với buri xuất khẩu sang Trung Quốc. Việc đăng ký với Hàn Quốc được hoàn tất, và dịch vụ xử lý hơi nước nóng và chiếu xạ cho thị trường Hoa Kỳ được ký hợp đồng với các cơ sở đã được phê duyệt.
Tháng 9 đến tháng 12: mùa vụ đầu tiên	12.000 tấn sầu riêng với giá giả định 3.300 USD/tấn (khoảng 39,6 triệu USD) và 3.000 tấn buri; mỗi lô sầu riêng đều kèm kết quả kiểm nghiệm cadimi và vàng O và giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.
Tháng 14: một kết quả vi phạm	Trung Quốc thông báo phát hiện cadimi vượt ngưỡng, được truy xuất đến vùng trồng của một hợp tác xã. Mã số đó chỉ bị tạm dừng đối với thị trường Trung Quốc, và vùng trồng vẫn tiếp tục cung ứng buri cho Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Hợp tác xã thay đổi loại phân bón và nộp báo cáo khắc phục vào ngày thứ 45, và mã số được khôi phục.
Kết quả theo hợp đồng	Hợp tác xã chỉ chịu thiệt hại đối với container bị trả về nếu hồ sơ của hợp tác xã cho thấy đã sử dụng vật tư không được phép; trường hợp khác, thiệt hại được chia sẻ. Tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài tại VIAC.

Nếu thời hạn 60 ngày bị bỏ lỡ, mã số sẽ bị thu hồi đối với thị trường Trung Quốc và không được đề nghị cấp lại cho thị trường đó trong 12 tháng.

Nếu công ty thuê đất của Nhà nước để tự trồng, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và thuê đất sẽ kéo dài thêm nhiều tháng, nhưng công ty sẽ kiểm soát được mã số và mọi vật tư đầu vào.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về ngành rau quả

Tôi có cần mã số vùng trồng để xuất khẩu trái cây từ Việt Nam không?

Chỉ khi nước nhập khẩu yêu cầu, như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Úc và các thị trường có nghị định thư khác yêu cầu đối với các loại trái cây liên quan. EU không yêu cầu mã số nhưng yêu cầu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với phần lớn trái cây và áp dụng mức giới hạn dư lượng nghiêm ngặt. Mã số được cấp theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP và sau đó phải được nước nhập khẩu phê duyệt.

Hiện nay cơ quan nào cấp mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói?

Từ ngày 31/7/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng trồng hoặc cơ sở đóng gói cấp mã số trên cơ sở hồ sơ trực tuyến nộp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia. Thời hạn quyết định là 3 ngày làm việc, hoặc 10 ngày kèm kiểm tra trong trường hợp thị trường yêu cầu mã số; sau đó cấp tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường chuyển danh sách cho nước nhập khẩu.

Điều gì xảy ra nếu Trung Quốc phát hiện cadimi hoặc vàng O trong sầu riêng của tôi?

Lô hàng có thể bị trả về hoặc tiêu hủy, và mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói liên quan có thể bị tạm dừng đối với thị trường Trung Quốc. Tổ chức, cá nhân được cấp mã số phải báo cáo biện pháp khắc phục trong thời hạn 60 ngày; nếu không, mã số sẽ bị thu hồi đối với thị trường Trung Quốc và không được đề nghị cấp lại cho thị trường đó trong 12 tháng. Mã số đối với các thị trường khác vẫn có hiệu lực.

Công ty có vốn đầu tư nước ngoài có được mua đất nông nghiệp để lập vườn cây không?

Không. Công ty có vốn đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân, nhưng được thuê đất nông nghiệp của Nhà nước để thực hiện dự án đã được chấp thuận, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc mua lại công ty đang sử dụng đất. Do đó, phần lớn nhà đầu tư nước ngoài trong ngành rau quả tạo nguồn cung thông qua liên kết sản xuất theo hợp đồng với các hợp tác xã.

Trái cây xuất khẩu sang Hoa Kỳ có bắt buộc phải chiếu xạ không?

Đối với phần lớn trái cây Việt Nam đã được mở cửa thị trường Hoa Kỳ, câu trả lời là có. Thanh long, chôm chôm, nhãn, vải, vú sữa, xoài và bưởi nhẵn chung được chiếu xạ tại Việt Nam tại cơ sở được APHIS chứng nhận theo kế hoạch làm việc song phương, sau khi kiểm tra liên hợp. Phương pháp xử lý hơi nước nóng không được chấp nhận đối với thanh long, và chanh leo vẫn đang chờ được mở cửa thị trường trong năm 2026.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP yêu cầu trình nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/2026/NĐ-CP trong tháng 9/2026; tính đến ngày 16/10/2026, chúng tôi chưa tìm thấy nghị định sửa đổi nào được công bố, và nghị quyết hết hiệu lực khi nghị định đó có hiệu lực.
- Mã số được cấp trước ngày 24/1/2026 chưa được chuyển đổi sẽ hết hiệu lực vào ngày 24/1/2027.
- Việc Trung Quốc phê duyệt lần đầu các vùng trồng bưởi và chanh, và các nghị định thư đối với cam, quýt, na và bơ, vẫn đang chờ xử lý.
- Việc mở cửa thị trường Hoa Kỳ đối với chanh leo được dự kiến trong năm 2026, Nhật Bản đang đánh giá đối với bưởi, và các cuộc điều tra theo Mục 301 của Hoa Kỳ liên quan đến Việt Nam vẫn chưa kết thúc.
- Việc EU rà soát định kỳ Quy định thực thi (EU) 2019/1793 có thể làm thay đổi chế độ kiểm tra đối với sầu riêng, thanh long, đậu bắp và ớt.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Growing-area code	Mã số vùng trồng	Mã định danh của vùng trồng đã đăng ký (PUC) theo Điều 64 Luật Trồng trọt.

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Packing-house code	Mã số cơ sở đóng gói	Mã định danh của cơ sở đóng gói đã đăng ký (PHC).
Growing area	Vùng trồng	Địa điểm sản xuất một loại cây trồng theo cùng một quy trình và có điều kiện tự nhiên đồng nhất.
Packing facility	Cơ sở đóng gói	Địa điểm nơi sản phẩm cây trồng được phân loại, sơ chế, đóng gói và bảo quản.
Self-monitoring	Tự giám sát	Việc tự kiểm tra của tổ chức, cá nhân được cấp mã số trước khi thu hoạch hoặc ít nhất mỗi năm một lần (Điều 10).
Post-inspection	Hậu kiểm	Việc kiểm tra sau khi mã số được cấp.
Phytosanitary certificate	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật	Giấy chứng nhận về sức khỏe thực vật đối với lô hàng xuất khẩu.
Protocol	Nghị định thư	Thỏa thuận song phương về các điều kiện kiểm dịch thực vật đối với một sản phẩm.
Organic agriculture	Nông nghiệp hữu cơ	Hoạt động sản xuất theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Mã số, nghị định thư và quy định của nước nhập khẩu được áp dụng như nhau, và công ty có vốn đầu tư nước ngoài được đứng tên mã số. Sự khác biệt nằm ở khâu đầu vào. Công ty Việt Nam, bao gồm cả công ty có tỷ lệ sở hữu nước ngoài từ 50% trở xuống (khoản 46 Điều 3 Luật Đất đai), được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình theo phương án sử dụng đất nông nghiệp đã được phê duyệt; công ty thực hiện thủ tục đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài thì không được, mà phải thuê đất của Nhà nước, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc mua lại công ty đang sử dụng đất. Hộ gia đình và nhóm hộ, những chủ thể có thể trực tiếp đứng tên mã số, là chủ thể Việt Nam, do đó nguồn cung của nhà đầu tư nước ngoài thường dựa trên hợp đồng với các hộ này hoặc với hợp tác xã của họ. Công ty có vốn đầu tư nước ngoài còn phải có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (IRC), chấp thuận chủ trương đầu tư trong trường hợp được Nhà nước cho thuê đất, và giấy phép kinh doanh đối với hoạt động phân phối trong nước của chính công ty.

LƯU Ý

- Còi mã số do Việt Nam cấp là đã được mở cửa thị trường: cho đến khi nước nhập khẩu đưa mã số vào danh sách, vùng trồng chưa được cung ứng cho thị trường đó.
- Đóng gói trái cây chưa có mã số cho thị trường có nghị định thư, dẫn đến nguy cơ mã số cơ sở đóng gói bị tạm dừng.
- Chỉ một lần sử dụng hóa chất cấm hoặc thuốc bảo vệ thực vật không có trong danh mục cũng dẫn đến việc bắt buộc thu hồi mã số; một loại thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam vẫn có thể vượt mức giới hạn của EU, Nhật Bản hoặc Hàn Quốc.
- Bỏ lỡ thời hạn 60 ngày để báo cáo biện pháp khắc phục sau khi mã số bị tạm dừng.
- Năng lực kiểm nghiệm sâu riêng vào cao điểm mùa vụ; cần đặt lịch sớm với các phòng thử nghiệm được công nhận.
- Hợp đồng liên kết không quy định về quyền sở hữu mã số, chi phí kiểm nghiệm và lô hàng bị trả về.
- Xây dựng nhà máy đóng gói và kho lạnh thương mại trên đất nông nghiệp mà chưa xác nhận loại đất.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cơ quan bảo vệ thực vật (ppd.gov.vn): Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/1/2026 về nhập khẩu cây có bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (toàn văn) — <https://ppd.gov.vn/FileUpload/Documents/Thanh%20tra/2026/Ngh%E1%BB%8B%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20s%E1%BB%91%2038.2026.pdf>
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (chinhphu.vn): Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 về đơn giản hóa thủ tục cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (toàn văn) — https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2026/8/36_2026_nq-cp_31072026_3-signed.signed.pdf
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: rà soát thủ tục cấp mã số vùng trồng (cuộc họp ngày 8/7/2026) — <https://mae.gov.vn/ra-soat-toan-bo-quy-trinh-lien-quan-ve-cap-ma-so-vung-trong-22244.htm>
- EUR-Lex: Quy định thực thi (EU) 2026/1206 ngày 9/6/2026 của Ủy ban châu Âu sửa đổi Quy định thực thi (EU) 2019/1793 — https://eur-lex.europa.eu/eli/reg_impl/2026/1206/oj/eng
- Thông tư thương mại của Cơ quan Thực phẩm Singapore về Lệnh số 280 của GACC (có hiệu lực từ ngày 1/6/2026) — <https://www.sfa.gov.sg/news-publications/circulars-and-notices/circulars/trade-circular-on-update-on-china-s-revised-registration-requirements-for-overseas-food-manufacturers---gacc-decree-no--280>
- Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc: Thông báo hướng dẫn ngành số 2025/63 về Thông báo số 219 năm 2025 của GACC — <https://www.agriculture.gov.au/biosecurity-trade/export/controlled-goods/plants-plant-products/ian/2025/2025-63>
- Cơ quan bảo vệ thực vật (ppd.gov.vn): kế hoạch làm việc đã ký về buổi chiếu xạ xuất khẩu sang Hoa Kỳ (2022) — [https://ppd.gov.vn/FileUpload/Documents/HTQT/22.10.17%20Signed%20Workplan_pomelo%20\(1\).PDF](https://ppd.gov.vn/FileUpload/Documents/HTQT/22.10.17%20Signed%20Workplan_pomelo%20(1).PDF)
- Báo Sài Gòn Giải Phóng (tin tức), dẫn số liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: kim ngạch xuất khẩu nông sản năm 2025 đạt 70,09 tỷ USD, rau quả đạt 8,56 tỷ USD — <https://www.sggp.org.vn/xuat-khau-nong-lam-thuy-san-nam-2025-dat-hon-70-ty-usd-post834914.html>
- Báo Thanh Tra (tin tức), dẫn số liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về xuất khẩu rau quả từ tháng 1 đến tháng 9/2026 — <https://thanhtra.com.vn/tieu-dung-AA9F50895/9-thang-xuat-khau-rau-qua-dat-hon-7-ty-usd-98015c7e6.html>

Xuất khẩu gạo, cà phê và các nông sản chủ lực: chế độ xuất khẩu gạo theo Nghị định số 365/2026/NĐ-CP, dự trữ lưu thông, hợp đồng xuất khẩu gạo tập trung và khung giá gạo xuất khẩu, chương trình một triệu héc-ta lúa phát thải thấp và tín chỉ carbon, cà phê và Quy định chống phá rừng của EU, hồ tiêu, điều, cao su, chè và sắn, các điểm lưu ý về thuế quan theo hiệp định thương mại tự do, phòng vệ thương mại, thủ tục xuất khẩu và giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, kèm ví dụ minh họa

Rà soát ngày 16/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHỚ

- Kể từ ngày 01/10/2026, hoạt động xuất khẩu gạo được điều chỉnh bởi Nghị định số 365/2026/NĐ-CP ngày 23/9/2026, thay thế Nghị định số 107/2018/NĐ-CP và Nghị định số 01/2025/NĐ-CP; thương nhân xuất khẩu gạo thông thường phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện do Bộ Công Thương cấp, có ít nhất một kho chuyên dùng và một cơ sở xay, xát, và duy trì dự trữ lưu thông, trong khi thương nhân xuất khẩu gạo hữu cơ, gạo đỏ và gạo tăng cường vi chất dinh dưỡng được miễn các yêu cầu này.
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được xuất khẩu gạo bình đẳng như thương nhân Việt Nam khi đã có giấy chứng nhận; chỉ thương nhân có giấy chứng nhận mới được nhận ủy thác xuất khẩu, và từ ngày 01/01/2028, thương nhân xuất khẩu sẽ được đánh giá mức độ tín nhiệm theo thang điểm 100, làm căn cứ phân bổ hợp đồng xuất khẩu gạo tập trung.
- Chương trình một triệu héc-ta lúa phát thải thấp được phê duyệt tại Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 đã đạt khoảng 354.800 ha tính đến tháng 3/2026, và tín chỉ carbon từ các dự án này chỉ được chuyển giao ra nước ngoài theo Nghị định số 112/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026, thông qua hệ thống đăng ký quốc gia.
- Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, xuất khẩu cà phê đạt mức kỷ lục 8,57 tỷ USD trong năm 2025; theo Quy định (EU) 2023/1115 được sửa đổi bởi Quy định (EU) 2025/2650, nhà vận hành EU phải thực hiện thẩm định chuyên sâu theo EUDR đối với cà phê, cao su và gỗ từ ngày 30/12/2026 (từ ngày 30/6/2027 đối với phần lớn nhà vận hành siêu nhỏ và nhỏ), và Việt Nam được xếp vào nhóm rủi ro thấp.
- EVFTA dành cho gạo Việt Nam hạn ngạch miễn thuế 80.000 tấn mỗi năm (30.000 tấn gạo xát, 20.000 tấn gạo lứt, 30.000 tấn gạo thơm) và tự do hóa hoàn toàn đối với gạo tẩm; gạo thơm phải được chứng nhận giống theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 11/2022/NĐ-CP, và giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do Bộ Công Thương cấp theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

Xuất khẩu nông sản chủ lực qua các con số

Việt Nam thuộc nhóm các nước xuất khẩu gạo, cà phê Robusta, hồ tiêu đen và nhân điều lớn nhất thế giới. Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2025 đạt **70,09 tỷ USD**, tăng 12%, và 9 tháng đầu năm 2026 đạt 56,3 tỷ USD, tăng 7,8%. Mỗi mặt hàng có đặc điểm pháp lý riêng: gạo là mặt hàng duy nhất áp dụng chế độ cấp phép xuất khẩu, cà phê và cao su là những sản phẩm của Việt Nam chịu tác động lớn nhất từ Quy định chống phá rừng của EU, điều và hồ tiêu phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, còn sắn gần như chỉ được bán sang Trung Quốc.

Năm 2025, cà phê đạt khoảng 8,57 tỷ USD với khoảng 1,5 triệu tấn (số liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường), trong khi Cục Hải quan ghi nhận xuất khẩu gạo đạt hơn 8,06 triệu tấn, trị giá khoảng 4,1 tỷ USD, giảm 27,6% về giá trị. Trong 9 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu gạo đạt 6,4 triệu tấn và 3,11 tỷ USD, trong đó Philippines chiếm 40,9% về giá trị, Trung Quốc 17,4% và Ghana 12,7%.

Chế độ xuất khẩu gạo theo Nghị định số 365/2026/NĐ-CP

Gạo là hàng hóa xuất khẩu có điều kiện. Kể từ ngày **01/10/2026**, chế độ này được quy định tại Nghị định số 365/2026/NĐ-CP ngày 23/9/2026 về kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu gạo, văn bản bãi bỏ Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15/8/2018, Nghị định số 01/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung nghị định này (có hiệu lực từ ngày 01/3/2025) và khoản 2 Điều 27 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Giá.

Bộ Công Thương quản lý chế độ này thông qua Cục Xuất nhập khẩu, và Thông tư số 65/2026/TT-BCT, có hiệu lực từ ngày 01/10/2026, quy định chi tiết về hợp đồng xuất khẩu gạo tập trung, chế độ báo cáo, dự trữ lưu thông và đánh giá mức độ tín nhiệm.

Theo Điều 3 và Điều 4 của Nghị định, thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả **doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**, được kinh doanh xuất khẩu gạo nếu được thành lập hợp pháp và có **Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo**. Điều kiện gồm có ít nhất một kho chuyên dùng chứa thóc, gạo và ít nhất một cơ sở xay, xát thóc, gạo, mỗi cơ sở đều phải đáp ứng pháp luật về an toàn thực phẩm và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng. Kho và cơ sở xay, xát có thể thuộc sở hữu của thương nhân hoặc đi thuê, nhưng việc thuê phải được lập thành văn bản với thời hạn bao trùm thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, và thương nhân có giấy chứng nhận không được cho thương nhân khác thuê các cơ sở đã được chứng nhận để thương nhân đó đề nghị cấp giấy chứng nhận. Chỉ thương nhân có giấy chứng nhận mới được nhận **ủy thác xuất khẩu**.

Các điều kiện nay được áp dụng theo cơ chế tự công bố kết hợp hậu kiểm: Bộ Công Thương cấp giấy chứng nhận trên cơ sở bản tự công bố của thương nhân, và cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh nơi có kho kiểm tra các cơ sở trong thời hạn 45 ngày. Bộ Công Thương cho biết hồ sơ đầy đủ được giải quyết trong 10 ngày làm việc thay vì 15 ngày như trước. Giấy chứng nhận đã cấp theo Nghị định số 107/2018/NĐ-CP, có thời hạn năm năm, tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hết hạn.

Dự trữ lưu thông, chế độ báo cáo, thu hồi giấy chứng nhận và các loại gạo đặc thù được miễn

Thương nhân xuất khẩu gạo thông thường phải duy trì **dự trữ lưu thông** thóc, gạo ở mức quy định. Nghị định số 107/2018/NĐ-CP (đã bị bãi bỏ) yêu cầu mức tối thiểu bằng 5% lượng gạo đã xuất khẩu trong sáu tháng trước đó; mức hiện hành do nghị định và thông tư năm 2026 quy định và cần được xác nhận theo các văn bản này. Chế độ báo cáo được giảm xuống còn một báo cáo mỗi tháng, nộp chậm nhất vào ngày 05, và dữ liệu hải quan được chuyển cho Bộ Công Thương hằng tháng để đối chiếu.

Bộ Công Thương có thể thu hồi giấy chứng nhận theo đề nghị của thương nhân; khi thương nhân giải thể hoặc phá sản; khi thương nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; khi thương nhân không đứng tên là người xuất khẩu trên bất kỳ tờ khai xuất khẩu nào trong **12 tháng liên tục** mà không thông báo tạm ngừng; khi thương nhân không còn đáp ứng điều kiện, kê khai không trung thực về các cơ sở hoặc được cấp giấy chứng nhận do gian lận; khi thương nhân không chấp hành sự chỉ đạo, điều hành của cơ quan có thẩm quyền, không báo cáo trong thời hạn 45 ngày sau khi được nhắc nhở hoặc không duy trì dự trữ lưu thông; và theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Thương nhân xuất khẩu **gạo hữu cơ, gạo đỏ và gạo tăng cường vi chất dinh dưỡng** không cần giấy chứng nhận, kho, cơ sở xay, xát, dự trữ lưu thông hay báo cáo định kỳ, nhưng phải đáp ứng các quy định về chất lượng, bao gói, ghi nhãn, bảo quản và truy xuất nguồn gốc tại Điều 17 của Nghị định, và gạo hữu cơ phải được chứng nhận hữu cơ.

Hợp đồng xuất khẩu gạo tập trung, khung giá gạo xuất khẩu và nhập khẩu gạo

Các hợp đồng do Chính phủ tổ chức giao dịch được phân bổ thông qua **hợp đồng xuất khẩu gạo tập trung**. Theo Bộ Công Thương, vào quý IV hằng năm, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các tỉnh công bố lượng thóc, gạo có thể xuất khẩu trong năm tiếp theo; các **thương nhân đầu mối** được chỉ định, lựa chọn theo cơ chế luân phiên, ký kết và thực hiện hợp đồng, trực tiếp xuất khẩu 20% và phân bổ 80% cho các thương nhân có giấy chứng nhận khác dưới hình thức ủy thác xuất khẩu. Tiêu chí phân bổ bao gồm kết quả xuất khẩu, đầu tư vào vùng nguyên liệu và mức độ tín nhiệm. Theo Điều 14, từ ngày **01/01/2028**, thương nhân xuất khẩu sẽ được **đánh giá mức độ tín nhiệm** theo thang điểm 100 với năm mức xếp hạng, dựa trên mười tiêu chí: tín dụng; thuế; hải quan; liên kết sản xuất và tiêu thụ; phát triển thương hiệu gạo; kết quả xuất khẩu; tuân thủ chế độ báo cáo và dự trữ; tuân thủ điều kiện về kho và cơ sở xay, xát; logistics; và an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và sẵn sàng ứng phó thiên tai.

Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công Thương, có thể điều chỉnh hoạt động xuất khẩu và áp dụng **khung giá gạo xuất khẩu**; đây là công cụ được áp dụng khi có công bố, không phải mức giá sàn thường xuyên. Thương nhân nhập khẩu gạo phải thông báo cho Bộ Công Thương về kế hoạch nhập khẩu và những thay đổi của kế hoạch đó (khoản 5 Điều 3 và Điều 22), và thương nhân đang nhập khẩu gạo có 45 ngày kể từ ngày 01/10/2026 để đăng ký kế hoạch của mình.

Theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP, văn bản thay thế Nghị định số 09/2018/NĐ-CP từ ngày 18/10/2026, công ty có vốn đầu tư nước ngoài không cần giấy phép kinh doanh để xuất khẩu hàng hóa mua tại Việt Nam, với điều kiện đáp ứng các điều kiện đối với hàng hóa kinh doanh có điều kiện, chẳng hạn giấy chứng nhận xuất khẩu gạo; việc phân phối gạo trong nước của công ty có vốn đầu tư nước ngoài bị hạn chế, vì gạo thuộc danh mục hàng hóa bị loại trừ theo chế độ này (Câu hỏi số 95).

Lúa phát thải thấp và tín chỉ carbon

Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 phê duyệt Đề án **một triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp** tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, với mục tiêu giảm phát thải hơn 10% so với canh tác truyền thống, thu gom toàn bộ rơm rạ để tái sử dụng, và gạo phát thải thấp mang thương hiệu chiếm trên 20% lượng gạo xuất khẩu của vùng. Tại hội nghị của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tháng 3/2026, chương trình được báo cáo đã đạt 354.839 ha, gần gấp đôi mục tiêu ban đầu là 180.000 ha, với lượng giống giảm 45%, phân bón giảm 30%, nước tưới giảm 20% và phát thải giảm 3 đến 4 tấn CO₂ tương đương trên mỗi héc-ta mỗi vụ. Nhân **Gạo Việt xanh phát thải thấp** đã được ra mắt, và lô hàng 500 tấn được chứng nhận đầu tiên đã được xuất sang Nhật Bản. Chương trình mang lại cho nhà đầu tư các hợp tác xã có tổ chức để liên kết sản xuất (Chế biến nông sản, an toàn thực phẩm, hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng), cơ sở để đưa ra tuyên bố về tính bền vững với bên mua tại Nhật Bản và EU, và nguồn thu tiềm năng từ carbon.

Carbon là yếu tố chưa ổn định nhất. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, được sửa đổi bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, cùng Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24/01/2025 đặt ra lộ trình phát triển thị trường carbon trong nước với giai đoạn thí điểm đến năm 2028; cơ chế giao dịch thí điểm áp dụng cho nhiệt điện, thép và xi măng, không bao gồm nông nghiệp, nên lượng giảm phát thải khí mê-tan từ canh tác lúa chủ yếu có giá trị dưới dạng tín chỉ bù trừ hoặc kết quả giảm nhẹ phát thải

cho bên mua nước ngoài. Nghị định số 112/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 điều chỉnh việc **trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon** theo Điều 6.2 và Điều 6.4 của Thỏa thuận Paris: mỗi giao dịch phải được đăng ký trên hệ thống đăng ký quốc gia của Việt Nam, và Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện điều chỉnh tương ứng thay mặt Chính phủ. Do đó, tín chỉ không thể được bán ra nước ngoài một cách không chính thức, và hợp đồng với hợp tác xã cần phân bổ rõ ràng quyền đối với carbon và nguồn thu, vì riêng quyền sử dụng đất không xác định được ai là chủ sở hữu tín chỉ.

Cà phê và Quy định chống phá rừng của EU

Việt Nam là nước sản xuất cà phê Robusta lớn nhất thế giới, chủ yếu do các nông hộ nhỏ ở Tây Nguyên canh tác, nay tập trung chủ yếu tại các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng và Gia Lai được mở rộng sau đợt sáp nhập tháng 7/2025. Cà phê không cần giấy phép xuất khẩu; rủi ro pháp lý chính là **Quy định (EU) 2023/1115 về sản phẩm không gây mất rừng (EUDR)**, áp dụng đối với cà phê, cao su và gỗ cùng với gia súc, ca cao, dầu cọ và đậu tương. Việc áp dụng quy định này đã được hoãn bởi Quy định (EU) 2024/3234 và một lần nữa bởi **Quy định (EU) 2025/2650**, được công bố ngày 23/12/2025: quy định nay áp dụng từ ngày **30/12/2026** đối với nhà vận hành và thương nhân quy mô lớn và vừa (và doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ đã thuộc phạm vi Quy định Gỗ của EU) và từ ngày **30/6/2027** đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ khác. Đợt rà soát đơn giản hóa của Ủy ban châu Âu ngày 04/5/2026 bao gồm dự thảo đạo luật ủy quyền bổ sung cà phê hòa tan vào phạm vi điều chỉnh; tại ngày 16/10/2026, việc thông qua văn bản này chưa được xác nhận.

Theo Quy định thực hiện (EU) 2025/1093 của Ủy ban châu Âu, **Việt Nam được xếp vào nhóm rủi ro thấp**. Do đó, nhà vận hành EU đưa cà phê Việt Nam ra thị trường áp dụng quy trình thẩm định chuyên sâu đơn giản hóa: họ vẫn phải thu thập các thông tin bắt buộc, bao gồm **tọa độ địa lý của từng thửa đất** và bằng chứng cho thấy cà phê được sản xuất phù hợp với pháp luật Việt Nam, nhưng không phải đánh giá và giảm thiểu rủi ro trừ khi có thông tin cho thấy có rủi ro, và cơ quan có thẩm quyền chỉ kiểm tra khoảng 1% số nhà vận hành. Nghĩa vụ thuộc về nhà vận hành EU, nhưng trên thực tế, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam phải bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc theo từng lô hàng đến tận nông trại. Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam ước tính vào tháng 8/2026 rằng mới chỉ có 35% đến 40% nguồn cung có thể đáp ứng yêu cầu. Yếu tố hợp pháp gắn liền với quyền sử dụng đất (Đất nông nghiệp và tích tụ đất đai).

Hồ tiêu, điều, cao su, chè và sắn

Xuất khẩu **hồ tiêu** đạt mức kỷ lục 1,66 tỷ USD trong năm 2025 với 247.482 tấn, tăng 26% về giá trị (Hiệp hội Hồ tiêu và Cây gia vị Việt Nam), trong khi 42.688 tấn được nhập khẩu để chế biến và tái xuất. Xuất khẩu nhân **điều** lần đầu tiên vượt 5 tỷ USD, đạt khoảng 5,2 tỷ USD với 766.585 tấn, nhưng điều thô trong nước chỉ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu và hơn 2,9 triệu tấn đã được nhập khẩu, chủ yếu từ châu Phi và Campuchia. Cả hai ngành phụ thuộc vào pháp luật về nhập khẩu không kém pháp luật về xuất khẩu: kiểm dịch nguyên liệu (Giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật), điều khoản giám định và thanh toán trong hợp đồng với bên bán nước ngoài, và giới hạn dư lượng tại EU và Hoa Kỳ.

Cao su thiên nhiên thuộc phạm vi EUDR, nên khả năng truy xuất nguồn gốc đến vườn cây trở thành điều kiện để bán hàng vào EU từ tháng 12/2026; trong 9 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu giảm xuống 1,1 triệu tấn và 2,18 tỷ USD, với Trung Quốc là bên mua chủ yếu. **Chè** có quy mô nhỏ, đạt 167,9 triệu USD trong

cùng kỳ, và chủ yếu nhạy cảm với giới hạn thuốc bảo vệ thực vật của EU. Các sản phẩm **sắn** gần như chỉ xuất sang Trung Quốc, thị trường chiếm hơn 95% khối lượng trong tháng 4/2025 theo số liệu hải quan, nên rủi ro của mặt hàng này nằm ở quy định và nhu cầu của Trung Quốc.

Hiệp định thương mại tự do, phòng vệ thương mại và quy định của thị trường

Các hiệp định chủ chốt là **EVFTA** (có hiệu lực từ ngày 01/8/2020), **UKVFTA** (từ ngày 01/5/2021), **CPTPP** (đối với Việt Nam từ ngày 14/01/2019) và **RCEP** (từ ngày 01/01/2022); cơ chế chung được trình bày tại Hải quan và thuế nhập khẩu. Theo EVFTA, EU dành cho gạo Việt Nam hạn ngạch miễn thuế hằng năm **80.000 tấn**, gồm 30.000 tấn gạo xát, 20.000 tấn gạo lứt và 30.000 tấn gạo thơm, và đã tự do hóa hoàn toàn đối với gạo tấm. EU phân bổ hạn ngạch này cho các nhà nhập khẩu của mình. Gạo thơm chỉ đủ điều kiện nếu giống lúa được Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chứng nhận theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 11/2022/NĐ-CP, văn bản cũng điều chỉnh hạn ngạch của Vương quốc Anh gần 14.000 tấn; có chín giống đủ điều kiện, bao gồm Jasmine 85, ST5, ST20, OM4900 và OM5451, và việc chứng nhận mất năm ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Cà phê nhân đã được miễn thuế khi vào EU, còn hồ tiêu và nhân điều chịu thuế suất thấp tại các thị trường chính, nên các quy định phi thuế quan có ý nghĩa lớn hơn: giới hạn dư lượng, chế độ tăng cường kiểm soát chính thức của EU theo Quy định (EU) 2019/1793, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và yêu cầu đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm ở nước ngoài của Trung Quốc (Ngành rau quả: trái cây, rau và hoa).

Các biện pháp phòng vệ thương mại tập trung tại Hoa Kỳ, nơi áp dụng lệnh áp thuế chống bán phá giá đối với cá phi lê đông lạnh, tôm nước ấm và mật ong của Việt Nam (Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và thú y). Chính sách thuế quan chung của Hoa Kỳ đã nhiều lần thay đổi kể từ khi Tòa án Tối cao Hoa Kỳ phán quyết ngày 20/02/2026 rằng Đạo luật Quyền hạn Kinh tế Khẩn cấp Quốc tế không cho phép áp thuế quan, và các cuộc đàm phán về hiệp định thương mại đối ứng được cho biết vào ngày 01/10/2026 là vẫn đang tiếp tục, nên mức thuế của Hoa Kỳ đối với từng sản phẩm phải được kiểm tra tại ngày ký hợp đồng. Trường hợp hồ tiêu hoặc điều chế biến tại Việt Nam có chứa nguyên liệu nhập khẩu, quy tắc cụ thể mặt hàng sẽ quyết định sản phẩm có được coi là có xuất xứ Việt Nam để hưởng ưu đãi hay không.

Thủ tục xuất khẩu và giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Một lô hàng nông sản xuất khẩu thường cần năm nhóm chứng từ: **tờ khai hải quan** điện tử qua hệ thống VNACCS/VCIS (các mặt hàng này không chịu thuế xuất khẩu và áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, xem Thuế GTGT và hóa đơn điện tử); **giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật** do cơ quan kiểm dịch thực vật thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp khi nước nhập khẩu yêu cầu; **hồ sơ về an toàn thực phẩm**, bao gồm việc đăng ký doanh nghiệp sản xuất với cơ quan hải quan Trung Quốc đối với nhiều hàng hóa chế biến (Chế biến nông sản, an toàn thực phẩm, hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng); các giấy tờ đặc thù theo mặt hàng, như giấy chứng nhận xuất khẩu gạo, giấy chứng nhận giống gạo thơm xuất khẩu sang EU và, từ tháng 12/2026, dữ liệu tọa độ địa lý và tính hợp pháp mà nhà vận hành EU cần cho bản tuyên bố thẩm định chuyên sâu; và **giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa**.

Xuất xứ hàng hóa được điều chỉnh bởi Nghị định số 31/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, văn bản vẫn được các thông tư của Bộ Công Thương viện dẫn làm văn bản gốc vào tháng 5/2026, cùng với một thông tư riêng cho quy tắc xuất xứ của từng hiệp định. Các Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực của Bộ Công Thương cấp giấy chứng nhận xuất xứ ưu đãi, chủ yếu trực tuyến qua hệ thống eCoSys, và từ ngày 05/5/2025, theo Quyết định số 1103/QĐ-BCT, Bộ Công Thương cũng cấp giấy chứng nhận xuất xứ không ưu đãi thay cho Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Một số hiệp định, trong đó có CPTPP, cũng cho phép tự chứng nhận xuất xứ. Một nghị định thay thế về xuất xứ hàng hóa đã được dự thảo trong năm 2025, nên cần xác nhận văn bản đang có hiệu lực tại thời điểm giao hàng.

Các bước trở thành thương nhân xuất khẩu gạo (gạo thông thường)

1 Thành lập pháp nhân

Thành lập công ty (kèm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài) và đăng ký ngành, nghề kinh doanh và xuất khẩu gạo; không cần giấy phép kinh doanh để xuất khẩu hàng hóa mua tại Việt Nam.

2 Bảo đảm kho và cơ sở xay, xát

Sở hữu hoặc thuê ít nhất một kho chuyên dùng chứa thóc, gạo và một cơ sở xay, xát đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm và quy chuẩn kỹ thuật, theo hợp đồng thuê bằng văn bản có thời hạn bao trùm thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận.

3 Nộp hồ sơ tại Bộ Công Thương

Nộp hồ sơ đề nghị kèm bản tự công bố về các cơ sở; Bộ Công Thương cho biết thời hạn giải quyết hồ sơ đầy đủ là 10 ngày làm việc.

4 Vượt qua hậu kiểm

Cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh nơi có kho tiến hành kiểm tra trong thời hạn 45 ngày; kê khai không trung thực là căn cứ thu hồi giấy chứng nhận.

5 Duy trì dự trữ và báo cáo

Duy trì dự trữ lưu thông ở mức do nghị định và thông tư năm 2026 quy định và nộp báo cáo hằng tháng chậm nhất vào ngày 05.

6 Xuất khẩu thường xuyên dưới tên mình

Đứng tên người xuất khẩu trên tờ khai ít nhất một lần trong mỗi 12 tháng, kèm chứng từ kiểm dịch thực vật và xuất xứ cho từng lô hàng.

7 Xây dựng hồ sơ tín nhiệm

Hợp đồng liên kết, thương hiệu đã đăng ký và hồ sơ tuân thủ tốt về thuế và hải quan sẽ được chấm điểm từ ngày 01/01/2028.

Tổng quan các nông sản chủ lực (tháng 10/2026)

Mặt hàng	Số liệu xuất khẩu gần đây	Các điểm pháp lý chính
Gạo	Năm 2025: 8,06 triệu tấn, khoảng 4,1 tỷ USD (Cục Hải quan); 9 tháng năm 2026: 6,4 triệu tấn, 3,11 tỷ USD (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Giấy chứng nhận của Bộ Công Thương, kho và cơ sở xay, xát, dự trữ lưu thông, báo cáo hằng tháng (Nghị định số 365/2026/NĐ-CP); hạn ngạch EVFTA; giấy chứng nhận giống gạo thơm
Cà phê	Năm 2025: khoảng 1,5 triệu tấn, 8,57 tỷ USD (Bộ Nông nghiệp và Môi trường); 9 tháng năm 2026: 1,4 triệu tấn, 6,54 tỷ USD	Không cần giấy phép xuất khẩu; EUDR áp dụng từ ngày 30/12/2026; Việt Nam thuộc nhóm rủi ro thấp; tọa độ địa lý thửa đất
Nhân điều	Năm 2025: 766.585 tấn, khoảng 5,2 tỷ USD; nhập khẩu điều thô trên 2,9 triệu tấn	Kiểm dịch nhập khẩu và rủi ro hợp đồng cung ứng; giới hạn dư lượng; xuất xứ của hàng chế biến
Hồ tiêu	Năm 2025: 247.482 tấn, 1,66 tỷ USD (kỳ lục)	Giới hạn dư lượng; tái xuất hồ tiêu nhập khẩu; chính sách thuế quan của Hoa Kỳ
Cao su thiên nhiên	9 tháng năm 2026: 1,1 triệu tấn, 2,18 tỷ USD	EUDR áp dụng từ ngày 30/12/2026; kiểm tra đất trồng cao su
Chè	9 tháng năm 2026: 167,9 triệu USD	Giới hạn thuốc bảo vệ thực vật của EU
Sản phẩm sắn	Trung Quốc chiếm trên 95% khối lượng (tháng 4/2025)	Quy định về đăng ký và chất lượng của Trung Quốc; rủi ro tập trung thị trường
Tín chỉ carbon từ lúa phát thải thấp	354.839 ha tham gia (tháng 3/2026)	Quyết định số 1490/QĐ-TTg; chỉ được chuyển giao ra nước ngoài theo Nghị định số 112/2026/NĐ-CP

VÍ DỤ MINH HỌA

Thương nhân có vốn nước ngoài xuất khẩu gạo và cà phê

Một công ty trách nhiệm hữu hạn do nhà đầu tư Singapore sở hữu được thành lập tại Cần Thơ để xuất khẩu gạo, có văn phòng thu mua cà phê tại Đắk Lắk cung ứng cho một nhà rang xay tại EU. Mọi số liệu chỉ mang tính minh họa, không phải dữ liệu thị trường hay báo giá.

Tháng 1 đến tháng 2	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp; thuê sáu năm một kho 6.000 tấn và một cơ sở xay, xát tại Đồng Tháp, dài hơn thời hạn của giấy chứng nhận mà các cơ sở này phục vụ.
Tháng thứ 3	Bộ Công Thương cấp giấy chứng nhận trên cơ sở bản tự công bố; đợt kiểm tra của cơ quan cấp tỉnh một tháng sau đó xác nhận các cơ sở đáp ứng điều kiện.
Tháng thứ 3 đến tháng thứ 12	Hợp đồng liên kết với ba hợp tác xã tham gia chương trình phát thải thấp cho 2.000 ha; quyền đối với carbon thuộc về công ty, 40% nguồn thu carbon ròng được chia cho các hợp tác xã, và không bán ra nước ngoài trước khi đăng ký theo Nghị định số 112/2026/NĐ-CP.

Doanh số gạo năm thứ nhất	40.000 tấn, trong đó có gạo thơm OM5451 đã được chứng nhận, bán cho một nhà nhập khẩu EU có hạn ngạch EVFTA; duy trì dự trữ lưu thông và nộp báo cáo hằng tháng.
Cà phê, cuối năm 2026	Lập bản đồ 2.500 thửa đất của nông hộ nhỏ kèm tọa độ địa lý và bằng chứng về quyền sử dụng đất; tách riêng các lô hàng để nhà rang xay có thể nộp bản tuyên bố thẩm định chuyên sâu cho các lô hàng từ ngày 30/12/2026.
Năm thứ 2	Xuất khẩu hằng tháng dưới tên mình, tránh căn cứ thu hồi do không hoạt động 12 tháng; chuẩn bị hồ sơ đánh giá mức độ tín nhiệm cho năm 2028.

Nếu công ty chỉ xuất khẩu gạo hữu cơ đã được chứng nhận, công ty sẽ không cần giấy chứng nhận, kho, cơ sở xay, xát, dự trữ lưu thông hay báo cáo hằng tháng, tuy nhiên Điều 17 của Nghị định vẫn được áp dụng.

Nếu cà phê được bán cho bên mua tại Hoa Kỳ, EUDR sẽ không áp dụng, nhưng chính sách thuế quan và xuất xứ của Hoa Kỳ cần được kiểm tra tại ngày ký hợp đồng.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về xuất khẩu nông sản

Công ty có vốn nước ngoài có được xuất khẩu gạo từ Việt Nam không?

Có. Nghị định số 365/2026/NĐ-CP cho phép thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, xuất khẩu gạo khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo do Bộ Công Thương cấp; điều kiện cấp gồm có ít nhất một kho chuyên dùng và một cơ sở xay, xát, thuộc sở hữu hoặc đi thuê, và duy trì dự trữ lưu thông. Thương nhân xuất khẩu gạo hữu cơ, gạo đỏ và gạo tăng cường vi chất dinh dưỡng được miễn các yêu cầu này.

Nghị định số 107/2018/NĐ-CP hiện nay ra sao?

Nghị định số 107/2018/NĐ-CP, cùng Nghị định số 01/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung nghị định này, đã bị bãi bỏ từ ngày 01/10/2026 bởi Nghị định số 365/2026/NĐ-CP ngày 23/9/2026 về kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu gạo. Giấy chứng nhận đã cấp theo nghị định cũ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hết hạn, nên thương nhân xuất khẩu hiện hữu không phải nộp hồ sơ mới, trừ khi đề nghị cấp lại hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận.

Quy định chống phá rừng của EU hiện đã áp dụng đối với cà phê Việt Nam chưa?

Quy định chống phá rừng của EU áp dụng đối với cà phê Việt Nam từ ngày 30/12/2026 đối với nhà vận hành và thương nhân EU quy mô lớn và vừa, và từ ngày 30/6/2027 đối với phần lớn doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ, theo Quy định (EU) 2023/1115 được sửa đổi bởi Quy định (EU) 2025/2650. Việt Nam được xếp vào nhóm rủi ro thấp nên áp dụng quy trình thẩm định chuyên sâu đơn giản hóa, nhưng vẫn phải có tọa độ địa lý thửa đất và bằng chứng về tính hợp pháp.

Ai được bán tín chỉ carbon từ lúa phát thải thấp ra nước ngoài?

Việc chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon được điều chỉnh bởi Nghị định số 112/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026: mỗi giao dịch phải được đăng ký trên hệ thống đăng ký quốc gia của Việt Nam, và Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện điều chỉnh tương ứng. Hợp đồng với hợp tác xã cần phân bổ rõ ràng quyền đối với carbon và nguồn thu, vì riêng quyền sử dụng đất không xác định được quyền sở hữu tín chỉ.

Hạn ngạch gạo theo EVFTA vận hành như thế nào?

EU dành cho Việt Nam hạn ngạch miễn thuế hằng năm 80.000 tấn, gồm 30.000 tấn gạo xát, 20.000 tấn gạo lứt và 30.000 tấn gạo thơm, và tự do hóa hoàn toàn đối với gạo tấm. EU phân bổ hạn ngạch cho các nhà nhập khẩu của mình, nên doanh nghiệp xuất khẩu bán hàng cho bên nắm giữ hạn ngạch, và gạo thơm phải được chứng nhận giống theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Chu kỳ đầu tiên theo Nghị định số 365/2026/NĐ-CP và Thông tư số 65/2026/TT-BCT: việc Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố vào quý IV lượng gạo có thể xuất khẩu năm 2027 và việc chỉ định thương nhân đầu mỗi lần đầu theo cơ chế luân phiên.
- Nghĩa vụ theo EUDR bắt đầu từ ngày 30/12/2026 đối với nhà vận hành quy mô lớn và vừa và từ ngày 30/6/2027 đối với phần lớn doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ; đạo luật ủy quyền về phạm vi sản phẩm, theo đó cả phê hòa tan sẽ được bổ sung, vẫn đang chờ thông qua sau đợt rà soát tháng 5/2026.
- Luật sửa đổi, bổ sung mười luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, được thông qua vào tháng 8/2026, có hiệu lực từ ngày 01/01/2027 và sửa đổi Luật Trồng trọt và Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thủ tục về trồng trọt và kiểm dịch cần được kiểm tra lại đối với các lô hàng năm 2027.
- Việc đánh giá mức độ tín nhiệm thương nhân xuất khẩu gạo bắt đầu từ ngày 01/01/2028, nên hoạt động trong năm 2027 sẽ là cơ sở cho các kết quả đánh giá đầu tiên.
- Kết quả đàm phán thương mại đối ứng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ sẽ quyết định mức thuế của Hoa Kỳ đối với cà phê, hồ tiêu, điều và các nông sản khác.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Certificate of eligibility for rice export business	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo	Giấy chứng nhận do Bộ Công Thương cấp, bắt buộc để xuất khẩu gạo thông thường.
Dedicated warehouse	Kho chuyên dùng chứa thóc, gạo	Kho chứa thóc, gạo mà thương nhân xuất khẩu phải sở hữu hoặc đi thuê.
Circulation reserve	Dự trữ lưu thông	Lượng thóc, gạo mà thương nhân xuất khẩu phải duy trì.
Entrusted export	Ủy thác xuất khẩu	Xuất khẩu thay cho bên khác; chỉ thương nhân có giấy chứng nhận mới được thực hiện.

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Centralised export contract	Hợp đồng xuất khẩu gạo tập trung	Hợp đồng do Chính phủ tổ chức giao dịch, được thực hiện thông qua thương nhân đầu mối.
Lead trader	Thương nhân đầu mối	Thương nhân được chỉ định ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo tập trung.
Credit rating of exporters	Đánh giá mức độ tín nhiệm	Việc chấm điểm thương nhân xuất khẩu gạo theo thang điểm 100 từ ngày 01/01/2028.
Certificate of origin	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)	Chứng từ chứng minh xuất xứ để áp dụng thuế suất ưu đãi hoặc không ưu đãi.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Các điều kiện xuất khẩu gạo, nghĩa vụ dự trữ và báo cáo cũng như các căn cứ thu hồi giấy chứng nhận áp dụng như nhau đối với thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài và thương nhân Việt Nam, và cả hai đều có thể trở thành thương nhân đầu mối. Nhà đầu tư nước ngoài trước hết phải thành lập công ty Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; sau đó, công ty này được xuất khẩu hàng hóa mua tại Việt Nam mà không cần giấy phép kinh doanh, nhưng việc phân phối gạo trong nước của công ty bị hạn chế vì gạo thuộc danh mục hàng hóa không được tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phân phối, trong khi công ty Việt Nam không cần loại giấy phép này. Công ty có vốn đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp từ hộ gia đình, cá nhân, nên thường bảo đảm nguồn cung thông qua liên kết sản xuất, và vị thế của công ty về carbon và EUDR phụ thuộc vào mức độ các hợp đồng đó phân bổ quyền và dữ liệu.

LƯU Ý

- Để giấy chứng nhận xuất khẩu gạo rơi vào tình trạng không hoạt động: không có tờ khai xuất khẩu đứng tên thương nhân trong 12 tháng liên tục là căn cứ thu hồi.
- Thuê kho hoặc cơ sở xay, xát với thời hạn ngắn hơn thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, hoặc dựa vào cơ sở đã được dùng cho giấy chứng nhận của thương nhân khác.
- Xuất khẩu thông qua đối tác không có giấy chứng nhận theo thỏa thuận ủy thác.
- Mặc định rằng mức dự trữ 5% cũ vẫn áp dụng mà không kiểm tra nghị định và thông tư năm 2026.
- Bán tín chỉ carbon từ lúa ra nước ngoài trước khi đăng ký theo Nghị định số 112/2026/NĐ-CP, hoặc khi chưa phân bổ rõ ràng quyền đối với carbon.
- Chờ đến khi bên mua EU yêu cầu mới lập bản đồ nông trại theo EUDR; từ ngày 30/12/2026, lô hàng không có dữ liệu tọa độ địa lý không thể được đưa ra thị trường EU.
- Đề nghị hưởng ưu đãi theo FTA cho điều hoặc hồ tiêu chế biến từ nguyên liệu nhập khẩu mà không kiểm tra quy tắc cụ thể mặt hàng.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Bộ Công Thương: thông tin về Nghị định số 365/2026/NĐ-CP ngày 23/9/2026 về kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu gạo — <https://moit.gov.vn/tin-tuc/mot-so-thong-tin-ve-nghi-dinh-so-365-2026-nd-cp-ngay-23-thang-9-nam-2026-cua-chinh-phu-ve-kinh-doanh-xuat-nhap-khau-gao.html>
- Bộ Công Thương: Thông tư số 65/2026/TT-BCT quy định chi tiết Nghị định số 365/2026/NĐ-CP — <https://moit.gov.vn/van-ban-phap-luat/van-ban-phap-quy/thong-tu-quy-dinh-chi-tiet-mot-so-dieu-va-bien-phap-thi-hanh-nghi-dinh-so-365-2026-nd-cp-cua-chinh-phu-ve-kinh-doanh-xua.html>
- Bộ Công Thương: Quyết định số 1490/QĐ-TTg về một triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp — <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/phat-trien-ben-vung-mot-trieu-hec-ta-chuyen-canh-lua-chat-luong-cao-va-phat-thai-thap-gan-voi-tang-truong-xanh-vung-dong.html>
- Bộ Công Thương: phân loại quốc gia của EU theo EUDR (Việt Nam thuộc nhóm rủi ro thấp) — <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/uy-ban-chau-au-cong-bo-phan-loai-rui-ro-cho-cac-doi-tac-thuong-mai-theo-quy-dinh-eudr-chong-pha-rung-.html>
- IRRI: tiến độ chương trình một triệu héc-ta lúa phát thải thấp (hội nghị của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tháng 3/2026) — <https://www.irri.org/news-and-events/news/mekong-deltas-low-emission-rice-program-surpasses-targets-sets-new-standards>
- Báo Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan ngôn luận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Nghị định số 112/2026/NĐ-CP về trao đổi quốc tế tín chỉ carbon — <https://nongnghiepmoitruong.vn/viet-nam-co-du-hanh-lang-phap-ly-cho-trao-doi-tin-chi-carbon-quoc-te-d822889.html>
- Arendt (bình luận của hãng luật): đột rà soát đơn giản hóa EUDR ngày 04/5/2026 và thời điểm áp dụng — <https://www.arendt.com/news-insights/news/eudr-simplification-review-published-what-the-2026-package-means-for-in-scope-companies/>
- Trung tâm WTO và Hội nhập (VCCI): Nghị định số 365/2026/NĐ-CP về căn cứ thu hồi giấy chứng nhận, đánh giá mức độ tín nhiệm và kế hoạch nhập khẩu — <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/33528-siet-dieu-kien-xuat-khau-kiem-soat-ke-hoach-nhap-khau-gao>
- Viet Nam News: số liệu của Cục Hải quan về xuất khẩu gạo năm 2025 — <https://vietnamnews.vn/economy/1763563/viet-nam-exports-over-8-million-tonnes-of-rice-earning-4-1-billion-in-2025.html>
- Báo Pháp luật: Bộ Công Thương cấp C/O không ưu đãi từ ngày 05/5/2025 (Quyết định số 1103/QĐ-BCT) — <https://baophapluat.vn/tu-55-bo-cong-thuong-tiep-nhan-quyen-cap-co-khong-uu-dai-ma-so-rex-tu-vcci-post546362.html>

Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và thú y:
Luật Chăn nuôi và các sửa đổi năm 2025,
quy mô trang trại, mật độ chăn nuôi và
giấy chứng nhận đối với trang trại quy mô
lớn, thức ăn chăn nuôi và giống vật nuôi,
phòng, chống dịch bệnh, kiểm dịch, giết
mổ và thuốc thú y theo Luật Thú y, nuôi
trồng thủy sản và giao khu vực biển theo
Luật Thủy sản, xuất khẩu tôm và cá tra,
thẻ vàng IUU của EU và các biện pháp
phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ, kèm ví
dụ minh họa

Rà soát ngày 16/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHỚ

- Luật số 146/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, đã sửa đổi Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14, Luật Thú y số 79/2015/QH13 và Luật Thủy sản số 18/2017/QH14, chuyển nhiều thẩm quyền chấp thuận cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã; một luật khác sửa đổi, bổ sung mười luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.
- Trang trại chăn nuôi quy mô lớn phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi do cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cấp theo Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 32/2026/NĐ-CP: hồ sơ được thẩm định trong 5 ngày làm việc, việc đánh giá tại cơ sở được tổ chức trong 15 ngày làm việc và giấy chứng nhận được cấp trong 5 ngày làm việc kể từ khi đánh giá đạt yêu cầu, với chu kỳ đánh giá giám sát 36 tháng một lần.
- Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và thức ăn đậm đặc được tự công bố trên cổng thông tin của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thức ăn bổ sung phải được thẩm định trước khi công bố và được lưu hành trong 5 năm, chỉ thức ăn chăn nuôi đã được công bố mới được nhập khẩu, và kháng sinh nhằm mục đích phòng bệnh trong thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y đã bị loại bỏ hoàn toàn chậm nhất vào ngày 31/12/2025 theo Điều 12 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP.
- Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y có thời hạn 5 năm, hồ sơ gia hạn phải được nộp 3 tháng trước khi hết hạn; giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đối với thuốc được phẩm và vắc-xin do Bộ trưởng cấp, các loại khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, và việc công bố dịch được thực hiện ở cấp xã, cấp tỉnh hoặc cấp Bộ tùy theo phạm vi lây lan.
- Nuôi trồng thủy sản trên biển nay phải có phương án hoặc dự án và quyết định giao khu vực biển theo Điều 44 Luật Thủy sản được thay thế năm 2025, với thời hạn tối đa 50 năm, được gia hạn với tổng thời gian không quá 20 năm; kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 11,32 tỷ USD trong năm 2025 (Bộ Nông nghiệp và Môi trường), và thẻ vàng IUU của EU, áp dụng từ tháng 10/2017, vẫn chưa được gỡ bỏ tại ngày 16/10/2026.

Ngành, hệ thống văn bản pháp luật và cơ quan quản lý

Chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản thu hút vốn nước ngoài vào chăn nuôi lợn và gia cầm khép kín, nhà máy thức ăn chăn nuôi, trại sản xuất giống và chế biến thủy sản. Thủy sản là mặt hàng xuất khẩu lớn hơn: Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2025 đạt **11,32 tỷ USD**, và Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) ước tính tôm đạt hơn 4,6 tỷ USD và cá tra hơn 2,1 tỷ USD. Trong 9 tháng đầu năm 2026, VASEP ghi nhận 9,10 tỷ USD, tăng 11,4%, trong đó tôm đạt 3,75 tỷ USD và cá tra 1,74 tỷ USD. Sản phẩm chăn nuôi, chủ yếu tiêu thụ trong nước, đạt kim ngạch xuất khẩu 627,8 triệu USD trong năm 2025.

Ngành này chịu sự điều chỉnh của ba luật: **Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14**, **Luật Thú y số 79/2015/QH13** và **Luật Thủy sản số 18/2017/QH14**. Cả ba luật đều đã được sửa đổi bởi **Luật số 146/2025/QH15** ngày 11/12/2025, luật sửa đổi, bổ sung mười lăm luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, và cả ba tiếp tục được sửa đổi bởi luật sửa đổi, bổ sung mười luật trong lĩnh vực này được thông qua vào tháng 8/2026, có hiệu lực từ ngày 01/01/2027 và tiếp tục cắt giảm điều kiện kinh doanh và thủ tục. Các nghị định hướng dẫn chính gồm Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về chăn nuôi, được sửa đổi bởi Nghị định số 46/2022/NĐ-CP và Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-BNNMT ngày 27/02/2026); Nghị định số 35/2016/NĐ-CP về thú

y; và Nghị định số 26/2019/NĐ-CP về thủy sản, được sửa đổi bởi Nghị định số 37/2024/NĐ-CP. Chế tài xử phạt được quy định tại Nghị định số 211/2026/NĐ-CP ngày 16/6/2026 đối với lĩnh vực chăn nuôi và Nghị định số 38/2024/NĐ-CP đối với lĩnh vực thủy sản.

Ở cấp trung ương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng quản lý thông qua Cục Chăn nuôi và Thú y và Cục Thủy sản và Kiểm ngư, đơn vị đồng thời phụ trách kiểm ngư (xem [Khung pháp lý về nông nghiệp và các cơ quan quản lý](#)). Các cải cách năm 2025 và 2026 đã chuyển phần lớn thẩm quyền cấp phép cho **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** và cơ quan do Chủ tịch giao, đồng thời giao cho cấp xã, thông qua chức năng **thú y xã** mới, vai trò tuyển đầu trong báo cáo dịch bệnh và kiểm soát giết mổ.

Quy mô trang trại, địa điểm và mật độ chăn nuôi

Luật phân loại cơ sở chăn nuôi thành chăn nuôi trang trại quy mô lớn, quy mô vừa, quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ (Điều 52). Quy mô được tính theo **đơn vị vật nuôi**, mỗi đơn vị tương ứng với 500 kg khối lượng vật nuôi sống, với các hệ số quy đổi theo từng loài và độ tuổi. Nghị định số 13/2020/NĐ-CP khi mới ban hành quy định chăn nuôi trang trại quy mô lớn từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên, quy mô vừa từ 30 đến dưới 300, quy mô nhỏ từ 10 đến dưới 30 và chăn nuôi nông hộ dưới 10 đơn vị vật nuôi. Nghị định số 32/2026/NĐ-CP đã viết lại Điều 21 mà không còn các ngưỡng này, và Luật số 146/2025/QH15 đã chuyển thẩm quyền quy định chi tiết Điều 52 từ Chính phủ sang Bộ trưởng, nên các ngưỡng đang có hiệu lực cần được xác nhận theo quy định hiện hành của Bộ trưởng trước khi thiết kế dự án theo một loại quy mô cụ thể.

Mọi trang trại phải đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 55 của Luật: địa điểm phù hợp với quy hoạch và mật độ chăn nuôi được phép, chuồng trại và trang thiết bị phù hợp với loài vật nuôi, hồ sơ đủ để truy xuất nguồn gốc được lưu giữ ít nhất một năm, biện pháp bảo vệ môi trường và khoảng cách an toàn; Luật số 146/2025/QH15 đã rút gọn danh mục này. Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT, theo văn bản khi ban hành, quy định khoảng cách tối thiểu đến khu dân cư là 100 m đối với trang trại quy mô nhỏ, 200 m đối với quy mô vừa và 400 m đối với quy mô lớn, và đến trường học, bệnh viện, chợ và nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng lần lượt là 150 m, 300 m và 500 m, với khoảng cách 50 m giữa các trang trại của các chủ sở hữu khác nhau; cần kiểm tra văn bản hiện hành của thông tư để cập nhật các sửa đổi. Trang trại quy mô vừa và nhỏ được cơ quan cấp tỉnh kiểm tra ba năm một lần và phải khắc phục vi phạm trong thời hạn sáu tháng. Người chăn nuôi cũng phải kê khai hoạt động chăn nuôi với Ủy ban nhân dân cấp xã theo Điều 54 của Luật, và Bộ trưởng nay quy định về mã số cơ sở chăn nuôi và truy xuất nguồn gốc theo khoản 4 Điều 11 đã được sửa đổi.

Mật độ chăn nuôi là một ràng buộc về quy hoạch. Theo Điều 53 đã được sửa đổi, Bộ trưởng quy định mật độ chăn nuôi theo vùng và mỗi tỉnh quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn, tính trên tổng diện tích đất nông nghiệp (Điều 22 của Nghị định); các tỉnh đã ban hành các quyết định năm 2026 áp dụng đến năm 2030, như Quyết định số 77/2026/QĐ-UBND của tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 70/2026/QĐ-UBND của tỉnh Cà Mau. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực đó (Điều 80 đã được sửa đổi). Do đó, việc tìm kiếm địa điểm cần bắt đầu từ quyết định về mật độ chăn nuôi và bản đồ khu vực không được phép chăn nuôi của tỉnh, sau đó đến phương thức tiếp cận đất đai ([Đất nông nghiệp và tích tụ đất đai](#)) và đánh giá tác động môi trường ([Câu hỏi số 89](#)).

Giấy chứng nhận đối với trang trại quy mô lớn

Trang trại quy mô lớn chỉ được hoạt động khi có **Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi** theo yêu cầu tại khoản 2 Điều 55 của Luật. Theo Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, giấy chứng nhận do cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có trang trại giao cấp và thu hồi, hoặc, đối với trang trại nằm trên địa bàn nhiều tỉnh, cơ quan tại nơi thực hiện thủ tục đầu tư. Hồ sơ gồm đơn đề nghị (Mẫu số 01.ĐKCN) và bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi của trang trại (Mẫu số 02.ĐKCN).

Cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ đầy đủ trong thời hạn **5 ngày làm việc**, thành lập đoàn đánh giá trong thời hạn **15 ngày làm việc** để kiểm tra trang trại theo khoản 1 Điều 55, và cấp giấy chứng nhận trong thời hạn **5 ngày làm việc** sau khi đánh giá đạt yêu cầu; trang trại không đạt có sáu tháng để khắc phục và báo cáo. Sau đó, cơ quan có thẩm quyền thực hiện đánh giá giám sát **36 tháng** một lần, có thông báo trước sáu tháng, và thu hồi giấy chứng nhận khi trang trại không còn đáp ứng điều kiện và không khắc phục như đã cam kết. Hành vi chăn nuôi trang trại thuộc diện phải có giấy chứng nhận mà không có giấy chứng nhận bị phạt tiền từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng theo Điều 25 Nghị định số 211/2026/NĐ-CP, chưa kể biện pháp khắc phục hậu quả, và Nghị định này quy định mức phạt tối đa là 100 triệu đồng đối với cá nhân và 200 triệu đồng đối với tổ chức.

Giấy chứng nhận là bước cuối cùng: một trang trại xây dựng mới trước đó đã phải có đất, chấp thuận về môi trường, các chấp thuận về xây dựng và, đối với nhà đầu tư nước ngoài, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, và có thể đủ điều kiện hưởng ưu đãi (Ưu đãi đầu tư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).

Thức ăn chăn nuôi và giống vật nuôi

Thức ăn chăn nuôi được quản lý thông qua công bố sản phẩm và chứng nhận cơ sở. **Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và thức ăn đậm đặc** được tự công bố trên cổng thông tin của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, và tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu được kinh doanh ngay sau khi công bố và tự chịu trách nhiệm (Điều 8a của Nghị định). **Thức ăn bổ sung** phải được thẩm định trước khi công bố và sau đó được lưu hành trong năm năm, việc công bố lại phải thực hiện trong vòng sáu tháng trước khi hết hạn (Điều 33 của Luật đã được thay thế; Điều 8b của Nghị định). Việc thẩm định do cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện đến hết ngày 31/12/2026 và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2027. Chỉ thức ăn chăn nuôi đã được công bố mới được nhập khẩu, trừ trường hợp nhập khẩu được phép để tham gia hội chợ, nghiên cứu, khảo nghiệm hoặc sản xuất để xuất khẩu (khoản 3 Điều 41 của Luật), và việc kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu cũng chuyển từ cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường sang cấp tỉnh từ cùng thời điểm.

Nhà máy thức ăn chăn nuôi phải có **Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi**: cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp cho cơ sở sản xuất để xuất khẩu khi nước nhập khẩu yêu cầu, và cơ quan cấp tỉnh cấp cho các cơ sở còn lại (Điều 10 của Nghị định); hồ sơ đầy đủ được thẩm định trong 10 ngày làm việc, và việc đánh giá giám sát được thực hiện 48 tháng một lần, hoặc 60 tháng một lần đối với cơ sở được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO, GMP hoặc HACCP. Kháng sinh chỉ được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi cho vật nuôi non trong giới hạn nhất định về độ tuổi hoặc khối lượng, như lợn con đến 25 kg, và chỉ trong thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vật nuôi và thức ăn đậm đặc cho gia súc nhai lại; theo Điều 12, việc sử dụng kháng sinh nhằm mục đích phòng bệnh đã được loại bỏ theo lộ trình, kết thúc vào ngày **31/12/2025** đối với nhóm cuối cùng.

Đối với **giống vật nuôi**, Bộ trưởng nay quy định trình tự nhập khẩu bò đực giống, tinh và phôi bò (khoản 4 Điều 20 Luật Chăn nuôi đã được sửa đổi), việc xuất khẩu hoặc trao đổi quốc tế giống vật nuôi thuộc danh mục cấm xuất khẩu phải được Bộ trưởng cho phép (Điều 15 và Điều 21), và giống mới chỉ được công nhận khi đã được khảo nghiệm tại cơ sở đủ điều kiện hoặc có kết quả khoa học tương đương (Điều 26 và Điều 30). Việc nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi có nguy cơ cao có thể dẫn đến việc kiểm tra cơ sở sản xuất ở nước ngoài (Điều 28 của Nghị định).

Phòng, chống dịch bệnh, kiểm dịch và giết mổ

Bệnh dịch tả lợn châu Phi, được xác nhận lần đầu tại Việt Nam vào tháng 02/2019, vẫn lưu hành, và vắc-xin nhược độc sống do Việt Nam sản xuất đã được cấp phép sử dụng từ năm 2022; cúm gia cầm và lở mồm long móng tái phát thường xuyên. Theo Điều 26 Luật Thú y đã được sửa đổi, dịch bệnh xảy ra trong phạm vi một xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công bố, dịch lan rộng từ hai xã trở lên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, và dịch lan rộng từ hai tỉnh trở lên do Bộ trưởng công bố; việc công bố hết dịch chỉ được thực hiện sau khi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y trung ương thẩm định đề nghị của tỉnh (Điều 36). Cơ sở hướng đến các thị trường xuất khẩu yêu cầu áp dụng vùng hóa có thể được chứng nhận là **cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật** theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT, được sửa đổi năm 2026 bởi Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT.

Kiểm dịch gắn với việc vận chuyển. Động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh phải được đăng ký kiểm dịch với cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (Điều 39 đã được sửa đổi). Hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập tái xuất được đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và khai báo tại cửa khẩu với cơ quan quản lý chuyên ngành thú y trung ương (các Điều từ 41 đến 50 đã được sửa đổi), với các quy định tương ứng đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản (các Điều từ 53 đến 58).

Giết mổ đang được chuyển vào các cơ sở giết mổ tập trung đáp ứng điều kiện vệ sinh thú y; cấp xã tham gia xây dựng mạng lưới và giám sát hoạt động giết mổ, vận chuyển và buôn bán tại địa phương (Điều 76 đã được sửa đổi). Tháng 8/2026, Hà Nội đã phê duyệt mạng lưới 28 cơ sở giết mổ tập trung tại 25 xã, dự kiến hoàn thành vào quý IV năm 2028, nhiều cơ sở trong số đó vẫn chưa có nhà đầu tư; việc phê duyệt mạng lưới không thay thế các thủ tục đầu tư, đất đai và môi trường riêng của từng dự án. An toàn thực phẩm đối với thịt và sản phẩm chế biến được trình bày tại Chế biến nông sản, an toàn thực phẩm, hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng.

Thuốc thú y và người hành nghề thú y

Thuốc thú y chỉ được lưu hành khi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và có **Giấy chứng nhận lưu hành**, có thời hạn năm năm; hồ sơ gia hạn phải được nộp ba tháng trước khi hết hạn, và phải đề nghị cấp lại khi thay đổi thành phần hoặc công thức (các Điều từ 78 đến 82 đã được sửa đổi). **Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y** do Bộ trưởng cấp đối với thuốc dược phẩm và vắc-xin và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đối với các sản phẩm khác, còn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán và nhập khẩu thuốc thú y do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp (các Điều từ 96 đến 98). Việc nhập khẩu vắc-xin, vi sinh vật và nguyên liệu thuốc được đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, và cấp tỉnh kiểm tra chất lượng tại cửa khẩu (Điều 100). Cá nhân phải có **Chứng chỉ hành nghề thú y** do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, có thời hạn năm năm (Điều 109).

Tập đoàn thuốc thú y hoặc vắc-xin nước ngoài thường đăng ký sản phẩm thông qua nhà nhập khẩu hoặc công ty con tại Việt Nam; việc sản xuất trong nước cần giấy chứng nhận sản xuất do Bộ trưởng cấp và hợp đồng chuyển quyền sử dụng công nghệ được thiết kế có tính đến các quy định về chuyển giao công nghệ (Chuyển giao công nghệ và chuyển quyền sử dụng).

Nuôi trồng thủy sản, giống thủy sản và khu vực biển

Theo Điều 38 Luật Thủy sản, cơ sở nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng các điều kiện về địa điểm và sử dụng đất hoặc mặt nước, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị, an toàn môi trường, thú y và an toàn lao động, và an toàn thực phẩm; hoạt động nuôi lồng bè và nuôi **đối tượng thủy sản nuôi chủ lực** do Thủ tướng Chính phủ quy định, trên thực tế là tôm sú, tôm thẻ chân trắng và cá tra, phải được đăng ký. Cơ sở sản xuất giống phải có nhân viên kỹ thuật có trình độ đại học (điểm a khoản 2 Điều 28 đã được sửa đổi), chỉ những loài có trong danh mục mới được kinh doanh, và thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng ban hành và công bố tiêu chuẩn áp dụng (Điều 23 và Điều 31 đã được sửa đổi). Quy định chi tiết tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.

Hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển đã thay đổi từ ngày 01/01/2026. Luật số 146/2025/QH15 đã bãi bỏ giấy phép riêng đối với nuôi trồng thủy sản trên biển (khoản 3 Điều 38 và Điều 39) và thay thế Điều 44: nuôi trồng thủy sản trên biển nay phải có **phương án hoặc dự án** nuôi trồng thủy sản và **quyết định giao khu vực biển**, phù hợp với quy hoạch không gian biển, quy hoạch vùng bờ và quy hoạch tỉnh, cũng như yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thời hạn giao khu vực biển tối đa là **50 năm** kể từ ngày quyết định, được gia hạn nhiều lần với tổng thời gian không quá 20 năm. Tiền sử dụng khu vực biển chỉ được miễn đối với cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ khai thác thủy sản ven bờ sang nuôi trồng thủy sản và người dân thường trú tại địa phương có nguồn sống chủ yếu từ nuôi trồng thủy sản, trong phạm vi ba hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, và cá nhân được thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình trên khu vực biển được giao (khoản 2 Điều 46). Quy định chung về giao khu vực biển tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, và nuôi trồng thủy sản trong ao và trên đất liền sử dụng đất theo Luật Đất đai (Cách thức tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp cận đất đai).

Đối với nhà đầu tư nước ngoài, ranh giới nằm giữa khai thác và nuôi trồng. Khai thác hải sản tại vùng biển Việt Nam thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (Tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài), trong khi nuôi trồng thủy sản, sản xuất giống, thức ăn và chế biến thủy sản được mở cửa. Các dự án xa bờ phụ thuộc vào việc tỉnh giao khu vực biển, nên việc sớm làm việc về quy hoạch không gian biển và thủ tục chấp thuận về quốc phòng là hết sức cần thiết.

Xuất khẩu thủy sản, thẻ vàng của EU và biện pháp phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ

Ủy ban châu Âu đã áp dụng **thẻ vàng** đối với Việt Nam về khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) vào ngày 23/10/2017. Vào tháng 9/2026, các tỉnh vẫn đang triển khai các khuyến nghị của đợt kiểm tra lần thứ năm của Ủy ban, và Thành phố Hồ Chí Minh đã chỉ định các điểm cập bến, bốc dỡ thủy sản tạm thời từ ngày 29/9/2026 với mục đích rõ ràng là góp phần gỡ thẻ vàng, nên thẻ vàng vẫn được duy trì tại ngày 16/10/2026. Thẻ vàng ảnh hưởng đến sản phẩm khai thác tự nhiên,

theo đó các lô hàng xuất sang EU phải có giấy chứng nhận thủy sản khai thác đã được xác nhận và chịu kiểm tra chặt chẽ hơn; tôm và cá tra nuôi nằm ngoài cơ chế giấy chứng nhận thủy sản khai thác. Nghị định số 38/2024/NĐ-CP quy định mức phạt nặng đối với vi phạm IUU.

Tại Hoa Kỳ, lệnh áp thuế chống bán phá giá được áp dụng đối với cá phi lê đông lạnh (cá tra) và tôm nước ấm đông lạnh của Việt Nam. Tháng 02/2026, Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã ban hành kết quả cuối cùng của đợt rà soát hành chính lần thứ 19 đối với lệnh áp thuế tôm, cho giai đoạn từ tháng 02/2023 đến tháng 01/2024, với biên độ phá giá 25,76% đối với hai bị đơn bắt buộc và 4,58% đối với các công ty hưởng mức thuế riêng rẽ. VASEP cho biết chi phí thuế quan của Hoa Kỳ và yêu cầu hồ sơ theo Đạo luật Bảo vệ động vật có vú ở biển tiếp tục gây áp lực lên thương mại. Đối với Trung Quốc, thị trường dẫn dắt tăng trưởng năm 2026, doanh nghiệp sản xuất phải đăng ký với cơ quan hải quan Trung Quốc và đáp ứng các quy định về ghi nhãn và kiểm nghiệm (Ngành rau quả: trái cây, rau và hoa); các vấn đề rộng hơn về thuế quan và xuất xứ được trình bày tại [Xuất khẩu gạo, cà phê và các nông sản chủ lực](#).

Từ địa điểm đến chuồng trại đi vào hoạt động: cấp phép trang trại chăn nuôi quy mô lớn

1 Sàng lọc địa điểm

Kiểm tra quyết định về mật độ chăn nuôi của tỉnh, khu vực không được phép chăn nuôi, quy định về khoảng cách và quy hoạch sử dụng đất trước khi xác lập bất kỳ quyền nào đối với đất.

2 Đăng ký đầu tư

Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với nhà đầu tư nước ngoài) hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư khi thuộc diện phải chấp thuận, và xác nhận các ưu đãi được hưởng.

3 Bảo đảm quyền sử dụng đất

Thuê đất của Nhà nước hoặc nhận quyền sử dụng đất theo phương thức được pháp luật cho phép, và giải quyết bồi thường, tiền thuê đất.

4 Hoàn tất thủ tục môi trường

Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo yêu cầu đối với quy mô và hệ thống xử lý chất thải của trang trại.

5 Xây dựng và lắp đặt thiết bị

Xây dựng chuồng trại, hệ thống xử lý chất thải và biện pháp an toàn sinh học đáp ứng tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 55, với hồ sơ sẵn sàng phục vụ truy xuất nguồn gốc.

6 Đề nghị cấp giấy chứng nhận

Nộp Mẫu số 01.ĐKCN và Mẫu số 02.ĐKCN tại cơ quan cấp tỉnh; thẩm định 5 ngày làm việc, đánh giá trong 15 ngày làm việc, cấp giấy chứng nhận trong 5 ngày làm việc.

7 Vận hành và duy trì

Kê khai chăn nuôi với cấp xã, đăng ký kiểm dịch khi vận chuyển, thực hiện chương trình tiêm phòng và chuẩn bị cho đánh giá giám sát 36 tháng một lần.

Tổng quan giấy phép và thủ tục (tháng 10/2026)

Hoạt động	Yêu cầu	Cơ quan có thẩm quyền và căn cứ pháp lý
Trang trại chăn nuôi quy mô lớn	Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi; đánh giá giám sát 36 tháng một lần	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao; Luật số 32/2018/QH14, khoản 2 Điều 55; Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, Điều 23 và Điều 24
Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và thức ăn đậm đặc	Tự công bố trên cổng thông tin của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, Điều 8a
Thức ăn bổ sung	Thẩm định trước khi công bố; lưu hành 5 năm	Cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường đến hết ngày 31/12/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ ngày 01/01/2027
Nhà máy thức ăn chăn nuôi	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi; đánh giá giám sát 48 hoặc 60 tháng một lần	Cơ quan cấp tỉnh (cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với cơ sở sản xuất để xuất khẩu khi có yêu cầu); Nghị định, Điều 10 và Điều 11
Thuốc thú y	Giấy chứng nhận lưu hành, 5 năm; gia hạn 3 tháng trước khi hết hạn	Luật số 79/2015/QH13, các Điều từ 78 đến 82 đã được sửa đổi
Vận chuyển ra khỏi tỉnh	Đăng ký kiểm dịch	Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh; Điều 39 đã được sửa đổi
Nuôi lồng bè và đối tượng nuôi chủ lực	Đăng ký	Luật số 18/2017/QH14, Điều 38
Nuôi trồng thủy sản trên biển	Phương án hoặc dự án và giao khu vực biển; tối đa 50 năm, gia hạn thêm tối đa 20 năm	Luật số 18/2017/QH14, Điều 44 được thay thế bởi Luật số 146/2025/QH15

VÍ DỤ MINH HỌA

Trang trại lợn khép kín có vốn đầu tư nước ngoài

Một công ty liên doanh, do một tập đoàn nông nghiệp Thái Lan sở hữu 70% và một công ty thức ăn chăn nuôi Việt Nam sở hữu 30%, xây dựng trang trại lợn khép kín từ lợn nái đến lợn thịt với quy mô 2.400 lợn nái trên 40 ha đất thuê tại một tỉnh trung du, được cung ứng thức ăn từ nhà máy thức ăn chăn nuôi của chính mình. Mọi số liệu và thời hạn chỉ mang tính minh họa, không phải báo giá.

Tháng 1 đến tháng 3	Địa điểm được sàng lọc theo quyết định về mật độ chăn nuôi và bản đồ khu vực không được phép chăn nuôi của tỉnh; khoảng cách đến thôn và trường học gần nhất vượt xa mức tối thiểu đối với trang trại quy mô lớn.
Tháng thứ 3 đến tháng thứ 9	Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thuê đất của Nhà nước trả tiền thuê đất hằng năm; ghi nhận ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp; báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt cho trang trại cùng hệ thống biogas và xử lý nước thải.
Tháng thứ 9 đến tháng thứ 20	Xây dựng chuồng trại, hệ thống an toàn sinh học và xử lý chất thải; nhà máy thức ăn chăn nuôi được cơ quan cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận.

Tháng thứ 21	Nộp hồ sơ để nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi; hồ sơ được thẩm định trong 5 ngày làm việc, đánh giá tại cơ sở vào tuần thứ 3, giấy chứng nhận được cấp 5 ngày làm việc sau đó.
Tháng thứ 21 đến tháng thứ 24	Nhập khẩu lợn giống kèm đăng ký kiểm dịch; chương trình an toàn sinh học phòng bệnh dịch tả lợn châu Phi; thức ăn không chứa kháng sinh phòng bệnh.
Năm thứ 4	Đợt đánh giá giám sát 36 tháng đầu tiên, được thông báo trước sáu tháng; lợn được bán cho cơ sở giết mổ tập trung, có đăng ký kiểm dịch cho mỗi lần vận chuyển ra ngoài tỉnh.

Nếu trang trại được thiết kế dưới ngưỡng quy mô lớn, trang trại sẽ không cần giấy chứng nhận, nhưng vẫn phải đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 55 và chịu kiểm tra ba năm một lần.

Nếu liên doanh bổ sung cơ sở giết mổ, liên doanh sẽ cần một địa điểm nằm trong mạng lưới giết mổ tập trung của tỉnh và các chấp thuận riêng về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản

Nhà đầu tư nước ngoài có được sở hữu trang trại chăn nuôi tại Việt Nam không?

Có. Chăn nuôi, sản xuất thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và nuôi trồng thủy sản được mở cửa cho đầu tư nước ngoài thông qua công ty Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trang trại phải đáp ứng các điều kiện tại Điều 55 Luật Chăn nuôi, và trang trại quy mô lớn phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi do cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cấp. Ngược lại, khai thác hải sản không được mở cửa cho nhà đầu tư nước ngoài.

Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi cho trang trại quy mô lớn mất bao lâu?

Theo Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 32/2026/NĐ-CP, cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ đầy đủ trong thời hạn 5 ngày làm việc, thành lập đoàn đánh giá trong thời hạn 15 ngày làm việc và cấp giấy chứng nhận trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi đánh giá đạt yêu cầu. Trang trại không đạt có sáu tháng để khắc phục trước khi được đánh giá lại.

Có còn được sử dụng kháng sinh trong thức ăn chăn nuôi để phòng bệnh không?

Không. Điều 12 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP đã loại bỏ kháng sinh phòng bệnh theo lộ trình, nhóm cuối cùng kết thúc vào ngày 31/12/2025. Thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh chỉ được phép dùng cho vật nuôi non trong giới hạn quy định và chỉ trong thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hoặc thức ăn đậm đặc cho gia súc nhai lại, và thức ăn chăn nuôi chứa chất cấm bị phạt nặng và đình chỉ hoạt động.

Ai giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản xa bờ?

Theo Điều 44 Luật Thủy sản được thay thế bởi Luật số 146/2025/QH15, nuôi trồng thủy sản trên biển phải có phương án hoặc dự án và quyết định giao khu vực biển của cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với quy hoạch biển, quy hoạch tỉnh và yêu cầu quốc phòng. Thời hạn giao khu vực biển tối đa là 50 năm, được gia hạn với tổng thời gian không quá 20 năm.

EU đã gỡ thẻ vàng IUU đối với Việt Nam chưa?

Chưa. Tính đến ngày 16/10/2026, EU chưa gỡ thẻ vàng IUU đối với Việt Nam. Ủy ban châu Âu áp dụng thẻ vàng vào ngày 23/10/2017, và vào tháng 9/2026, các tỉnh vẫn đang triển khai các khuyến nghị của đợt kiểm tra lần thứ năm của Ủy ban. Thẻ vàng ảnh hưởng đến sản phẩm khai thác tự nhiên, vốn phải có giấy chứng nhận thủy sản khai thác đã được xác nhận; tôm và cá tra nuôi nằm ngoài cơ chế giấy chứng nhận thủy sản khai thác.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Luật sửa đổi, bổ sung mười luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường có hiệu lực từ ngày 01/01/2027, tiếp tục sửa đổi Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và Luật Thủy sản và phân cấp thêm thẩm quyền chấp thuận.
- Từ ngày 01/01/2027, thẩm quyền thẩm định hồ sơ công bố thức ăn bổ sung và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu chuyển từ cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, theo quy định chuyển tiếp của Nghị định số 32/2026/NĐ-CP.
- Các quy định của Bộ trưởng về mã số cơ sở chăn nuôi, truy xuất nguồn gốc, quy mô chăn nuôi và mật độ chăn nuôi theo vùng theo Luật số 146/2025/QH15 cần được theo dõi khi ban hành, vì các quy định này thay thế các ngưỡng trước đây tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP.
- Quyết định của Ủy ban châu Âu sau đợt kiểm tra IUU lần thứ năm sẽ xác định thẻ vàng được gỡ bỏ, duy trì hay bị nâng mức.
- Mạng lưới 28 cơ sở giết mổ tập trung của Hà Nội dự kiến hoàn thành vào quý IV năm 2028, mở ra địa điểm cho nhà đầu tư.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Large-scale farm	Chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Nhóm quy mô cao nhất, phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.
Certificate of eligibility for livestock farming	Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi	Giấy chứng nhận do cấp tỉnh cấp cho trang trại quy mô lớn (khoản 2 Điều 55).
Livestock unit	Đơn vị vật nuôi	Đơn vị tương ứng 500 kg khối lượng vật nuôi sống, dùng để xác định quy mô trang trại.
Livestock density	Mật độ chăn nuôi	Giới hạn số đơn vị vật nuôi trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp.

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Supplementary feed	Thức ăn bổ sung	Sản phẩm bổ sung vào thức ăn chăn nuôi, được thẩm định trước khi công bố và lưu hành trong 5 năm.
Veterinary drug circulation certificate	Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y	Văn bản cho phép lưu hành thuốc thú y trong thời hạn 5 năm.
Animal quarantine	Kiểm dịch động vật	Kiểm soát sức khỏe đối với động vật, sản phẩm động vật được vận chuyển, nhập khẩu hoặc xuất khẩu.
Disease-safe facility	Cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Cơ sở được chứng nhận không có các bệnh dịch được chỉ định, phục vụ hoạt động thương mại.
Key farmed aquatic species	Đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Các loài, như tôm và cá tra, mà hoạt động nuôi phải được đăng ký.
Sea-area allocation	Giao khu vực biển	Việc giao một khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo Điều 44.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Các điều kiện về trang trại, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, kiểm dịch và nuôi trồng thủy sản áp dụng như nhau đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài phải hoạt động thông qua công ty Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, không được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp từ hộ gia đình, cá nhân, và thường thuê đất của Nhà nước hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, trong khi công ty Việt Nam còn có thể nhận quyền sử dụng đất của nông dân khi được chấp thuận. Khai thác hải sản không được mở cửa cho nhà đầu tư nước ngoài, và việc miễn tiền sử dụng khu vực biển chỉ dành cho cá nhân Việt Nam. Chăn nuôi nông hộ dưới ngưỡng trang trại trên thực tế là hoạt động của chủ thể trong nước.

LƯU Ý

- Chọn địa điểm trước khi kiểm tra quyết định về mật độ chăn nuôi và khu vực không được phép chăn nuôi của tỉnh; hệ quả là bị yêu cầu di dời.
- Dựa vào ngưỡng 300 đơn vị vật nuôi cũ hoặc bảng khoảng cách năm 2019 mà không kiểm tra các quy định hiện hành của Bộ trưởng.
- Đưa trang trại quy mô lớn vào hoạt động trước khi được cấp giấy chứng nhận; hoạt động khi chưa có giấy chứng nhận bị phạt tiền và trang trại có thể bị buộc ngừng hoạt động.
- Sử dụng kháng sinh phòng bệnh trong thức ăn chăn nuôi sau ngày 31/12/2025, hoặc nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố trên cổng thông tin của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Vận chuyển động vật qua ranh giới tỉnh mà không đăng ký kiểm dịch.
- Lập kế hoạch nuôi trồng thủy sản xa bờ mà không sớm làm việc với tỉnh về quy hoạch không gian biển và thủ tục chấp thuận về quốc phòng.
- Cung ứng thủy sản khai thác tự nhiên cho EU khi không có bằng chứng vững chắc về giấy chứng nhận thủy sản khai thác trong thời gian thẻ vàng còn được duy trì.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (chinhphu.vn): Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-BNNMT Nghị định số 13/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 46/2022/NĐ-CP và Nghị định số 32/2026/NĐ-CP — <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2026/3/23-vbhn-bnnmt.pdf>
- Luật số 146/2025/QH15, Điều 3 (sửa đổi Luật Chăn nuôi), văn bản trên hethongphapluat.com (nguồn văn bản thứ cấp) — <https://hethongphapluat.com/luat-sua-doi-15-luat-trong-linh-vuc-nong-nghiep-va-moi-truong-2025/dieu-3>
- Luật số 146/2025/QH15, Điều 12 (sửa đổi Luật Thú y), nguồn văn bản thứ cấp — <https://hethongphapluat.com/luat-sua-doi-15-luat-trong-linh-vuc-nong-nghiep-va-moi-truong-2025/dieu-12>
- Luật số 146/2025/QH15, Điều 14 (sửa đổi Luật Thủy sản), nguồn văn bản thứ cấp — <https://hethongphapluat.com/luat-sua-doi-15-luat-trong-linh-vuc-nong-nghiep-va-moi-truong-2025/dieu-14>
- Nghị định số 211/2026/NĐ-CP ngày 16/6/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi (toàn văn) — https://nhachannuoi.vn/wp-content/uploads/2026/06/211_2026_ND-CP.pdf
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các điểm bốc dỡ thủy sản tại Thành phố Hồ Chí Minh và thẻ vàng của Ủy ban châu Âu (01/10/2026) — <https://mae.gov.vn/tphcm-quy-dinh-tam-6-ben-ca-nham-som-go-canb-bao-the-vang-ec-23137.htm>
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: mạng lưới 28 cơ sở giết mổ tập trung của Hà Nội (18/8/2026) — <https://mae.gov.vn/ha-noi-phe-duyet-mang-luoi-28-co-so-giet-mo-tap-trung-22654.htm>
- VASEP: xuất khẩu thủy sản 9 tháng đầu năm 2026 — <https://seafood.vasep.com.vn/total-seafood-trade/news/seafood-exports-surpass-us-9-billion-in-the-first-nine-months-growth-slows-in-q4-38373.html>
- Luật sư Việt Nam: luật sửa đổi, bổ sung mười luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, có hiệu lực từ ngày 01/01/2027 — <https://lsvn.vn/luat-sua-doi-10-luat-trong-linh-vuc-nong-nghiep-va-moi-truong-duoc-quoc-hoi-thong-qua-a178084.html>
- Tuoi Tre News: kết quả cuối cùng của đợt rà soát chống bán phá giá lần thứ 19 của Hoa Kỳ đối với tôm Việt Nam (tháng 02/2026) — <https://news.tuoiitre.vn/us-sets-final-anti-dumping-duties-on-vietnamese-shrimp-exporters-10326022111134552.htm>

Chế biến nông sản, an toàn thực phẩm, hợp tác xã và sản xuất theo hợp đồng: Luật An toàn thực phẩm và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP sau khi Nghị định số 46/2026/NĐ-CP bị tạm ngưng hiệu lực, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, tự công bố và đăng ký bản công bố sản phẩm, ghi nhãn theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận xuất khẩu, Luật Hợp tác xã năm 2023, hỗ trợ liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và hợp đồng bao tiêu nông sản có thể thực thi

Rà soát ngày 16/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHỚ

- Tính đến ngày 16/10/2026, lĩnh vực an toàn thực phẩm được điều chỉnh bởi Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Nghị định số 46/2026/NĐ-CP, được ban hành ngày 26/01/2026 để thay thế Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, đã bị tạm ngưng hiệu lực theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-CP và sau đó theo Nghị quyết số 15/2026/NQ-CP ngày 06/4/2026 cho đến khi Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) và nghị định hướng dẫn thi hành có hiệu lực.
- Cơ sở chế biến thực phẩm phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có thời hạn ba năm (từ Điều 34 đến Điều 37 của Luật), đối với phần lớn nông sản kể từ ngày 01/7/2025 do cơ quan cấp tỉnh được giao nhiệm vụ theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT (đã được sửa đổi, bổ sung) cấp, trừ trường hợp cơ sở có một trong các giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC hoặc FSSC 22000 còn hiệu lực (Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).
- Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn thuộc diện tự công bố và được kinh doanh ngay (Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP); thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi và một số phụ gia thực phẩm phải đăng ký bản công bố sản phẩm, với thời hạn tiếp nhận là 21 hoặc 7 ngày làm việc (từ Điều 6 đến Điều 8).
- Nhân hàng hóa tuân theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026, văn bản đã bãi bỏ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP, cho phép sử dụng nhãn điện tử đối với một phần nội dung bắt buộc và cho phép tiếp tục sử dụng nhãn đã in theo quy định cũ trong thời hạn không quá hai năm; truy xuất nguồn gốc là bắt buộc đối với sản phẩm có rủi ro cao theo Luật số 78/2025/QH15.
- Theo Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân được trở thành thành viên, nhưng tổng số các thành viên này phải dưới 35% tổng số thành viên chính thức của hợp tác xã, và không thành viên chính thức nào được góp vốn vượt quá 30% vốn điều lệ của hợp tác xã (Điều 30 và Điều 74).
- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP hỗ trợ các hợp đồng liên kết có thời hạn từ năm năm trở lên (ba năm đối với cây trồng có chu kỳ dưới một năm) với mức hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, tối đa 300 triệu đồng, và 30% vốn đầu tư trang thiết bị và kết cấu hạ tầng, tối đa 10 tỷ đồng, đồng thời không cho bên vi phạm hợp đồng liên kết đã được hỗ trợ tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ liên kết của Nhà nước trong thời hạn năm năm (Điều 7, Điều 8, Điều 11 và Điều 15).

Quy định an toàn thực phẩm có hiệu lực tính đến ngày 16/10/2026

Văn bản luật điều chỉnh là **Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12**, có hiệu lực từ ngày 01/7/2011, và văn bản hướng dẫn thi hành chủ yếu là **Nghị định số 15/2018/NĐ-CP** ngày 02/02/2018, quy định về tự công bố và đăng ký bản công bố sản phẩm, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, kiểm tra thực phẩm nhập khẩu và xuất khẩu, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc và phân công trách nhiệm giữa các bộ. Ngày 26/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 46/2026/NĐ-CP để thay thế Nghị định này, nhưng Nghị quyết số 09/2026/NQ-CP ngày 04/02/2026 đã tạm ngưng hiệu lực của nghị định mới, và **Nghị quyết số 15/2026/NQ-CP** ngày 06/4/2026 đã kéo dài thời gian tạm ngưng cho đến khi Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) và nghị định hướng dẫn thi hành có hiệu lực. Theo Điều 2 và Điều 4 của Nghị quyết này, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành tiếp tục được áp dụng, kể cả đối với hồ sơ đã nộp trước ngày 06/4/2026. Do đó, không nên sử dụng các biểu mẫu và danh mục kiểm tra được soạn theo Nghị định số 46/2026/NĐ-CP.

Mỗi sản phẩm và mỗi cơ sở chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan (Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP). Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan tiếp nhận chức năng của bộ quản lý nông nghiệp trước đây từ ngày 01/3/2025, quản lý khâu sản xuất ban đầu và các sản phẩm thuộc Phụ lục III: ngũ cốc, thịt, thủy sản, rau, quả tươi và đã chế biến, trứng, sữa tươi nguyên liệu, mật ong, muối, gia vị, chè, cà phê, ca cao và hạt tiêu. Bộ Công Thương quản lý các sản phẩm thuộc Phụ lục IV, bao gồm bia, rượu vang, rượu mạnh, nước giải khát và nước ép trái cây, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến từ bột và tinh bột, và bánh kẹo. Bộ Y tế quản lý nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm và mọi sản phẩm không được liệt kê ở danh mục khác. Cơ sở chế biến trái cây nằm ở ranh giới giữa hai bộ: trái cây sấy khô hoặc đông lạnh là sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, nhưng mứt, kẹo và nước giải khát làm từ trái cây là sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. Cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc nhiều danh mục chịu sự quản lý của cơ quan phụ trách sản phẩm có sản lượng lớn nhất của cơ sở (khoản 8 Điều 36). Các cơ quan quản lý được trình bày tại mục Khung pháp lý về nông nghiệp và các cơ quan quản lý.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với nhà máy chế biến

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải có **giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm** trước khi hoạt động (Điều 11 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP), trừ trường hợp được miễn theo khoản 1 Điều 12. Các trường hợp được miễn gồm sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, sơ chế nhỏ lẻ và kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn, kinh doanh thức ăn đường phố và các hoạt động tương tự, và cơ sở có một trong các giấy chứng nhận **GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC hoặc FSSC 22000** hoặc giấy chứng nhận tương đương còn hiệu lực. Phần lớn nhà chế biến nước ngoài dựa vào trường hợp miễn sau cùng này, nhưng trường hợp này chỉ miễn giấy chứng nhận: cơ sở vẫn phải đáp ứng các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm (khoản 2 Điều 12) và vẫn chịu sự kiểm tra theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT (đã được sửa đổi, bổ sung) thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Hồ sơ gồm đơn đề nghị, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bản thuyết minh về cơ sở vật chất và trang thiết bị, và giấy tờ chứng minh nhân viên đủ sức khỏe và đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm (khoản 1 Điều 36 của Luật). Cơ quan có thẩm quyền phải kiểm tra thực tế trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và cấp giấy chứng nhận nếu cơ sở đủ điều kiện, hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do nếu từ chối (khoản 2 Điều 36). Đối với sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đoàn thẩm định kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, thu hồi sản phẩm và ghi nhãn, và kể từ ngày 01/7/2025 cơ quan có thẩm quyền là cơ quan cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ (Điều 5 của Thông tư, được sửa đổi bởi Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT). Giấy chứng nhận có thời hạn **ba năm** và phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại trước thời điểm hết hạn sáu tháng (Điều 37 của Luật); cơ sở cũng phải được chứng nhận lại nếu ngừng sản xuất quá 12 tháng, thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc nhà máy được nâng cấp, mở rộng hoặc di dời (Điều 6 của Thông tư).

Đưa sản phẩm ra thị trường: tự công bố, đăng ký bản công bố sản phẩm và nguyên liệu nhập khẩu

Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm và dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc diện **tự công bố** (Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP), trừ sản phẩm được sản xuất hoặc nhập khẩu chỉ để xuất khẩu hoặc chỉ để phục vụ sản xuất nội bộ. Hồ sơ gồm bản tự công bố sản phẩm và phiếu kết quả kiểm nghiệm do phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn ISO 17025 cấp trong thời hạn **12 tháng** trước đó. Bản tự công bố được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc niêm yết công khai tại trụ sở, một bản được gửi đến cơ quan do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định, và sản phẩm được kinh doanh **ngay**, tổ chức, cá nhân tự công bố tự chịu trách nhiệm (Điều 5). Tài liệu phải bằng tiếng Việt, và khi thay đổi tên, xuất xứ hoặc thành phần thì phải tự công bố lại.

Đăng ký bản công bố sản phẩm là bắt buộc đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, và phụ gia thực phẩm mới hoặc chưa có trong danh mục được phép sử dụng (Điều 6). Hồ sơ đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe và phụ gia thực phẩm mới hoặc chưa có trong danh mục được nộp tại Bộ Y tế, các sản phẩm còn lại nộp tại cơ quan cấp tỉnh, và giấy tiếp nhận phải được cấp trong thời hạn **21 ngày làm việc** đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe và **7 ngày làm việc** đối với các sản phẩm còn lại (Điều 8).

Nguyên liệu nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm, trừ trường hợp được miễn; nguyên liệu nhập khẩu chỉ để sản xuất hàng xuất khẩu được miễn kiểm tra (khoản 7 Điều 13). Trong các trường hợp khác, cơ quan kiểm tra được chỉ định áp dụng phương thức **kiểm tra giảm** (kiểm tra ngẫu nhiên hồ sơ không quá 5% số lô hàng nhập khẩu trong một năm, áp dụng đối với sản phẩm của cơ sở đạt GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC hoặc FSSC 22000), **kiểm tra thông thường** (kiểm tra hồ sơ) hoặc **kiểm tra chặt** (kiểm tra hồ sơ kết hợp lấy mẫu kiểm nghiệm) (Điều 16 và Điều 17). Sản phẩm động vật, thủy sản và thực vật phải có xuất xứ từ các quốc gia có tên trong danh sách và, đối với sản phẩm động vật và thủy sản, từ các cơ sở được công nhận (Điều 14). Xem mục [Hải quan và thuế nhập khẩu](#).

Ghi nhãn và truy xuất nguồn gốc

Nhãn hàng hóa được điều chỉnh bởi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung bởi **Luật số 78/2025/QH15** (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026), và **Nghị định số 37/2026/NĐ-CP** ngày 23/01/2026, có hiệu lực kể từ ngày ký, văn bản đã bãi bỏ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP (Điều 97). Mọi nhãn hàng hóa phải thể hiện bằng tiếng Việt tên hàng hóa, tên và địa chỉ của tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa và xuất xứ hàng hóa (khoản 1 Điều 42); đối với thực phẩm, Phụ lục I bổ sung định lượng, ngày sản xuất, hạn sử dụng hoặc thời hạn sử dụng tốt nhất, thành phần, thông tin dinh dưỡng (nếu có), cảnh báo và hướng dẫn sử dụng, bảo quản. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm chiếu xạ và thực phẩm có thành phần biến đổi gen trên 5% phải ghi các nội dung theo quy định. Hàng hóa nhập khẩu phải có nhãn gốc khi làm thủ tục hải quan và có nhãn phụ bằng tiếng Việt trước khi đưa ra lưu thông (khoản 2 Điều 42). Hàng hóa có rủi ro thấp được thể hiện nội dung bắt buộc thông qua **nhãn điện tử** (mã QR, mã vạch, RFID hoặc NFC), nhưng hàng hóa có rủi ro trung bình và rủi ro cao phải giữ tên hàng hóa, tổ chức chịu trách nhiệm, xuất xứ và cảnh báo trên nhãn vật lý (Điều 53). Nhãn và bao bì đã in theo các nghị định cũ được tiếp tục sử dụng trong thời hạn không quá **hai năm** kể từ ngày 23/01/2026 (Điều 98).

Mọi cơ sở kinh doanh thực phẩm phải lưu giữ thông tin về nhà cung cấp, khách hàng, số lượng và lô hàng, và truy xuất nguồn gốc sản phẩm không bảo đảm an toàn (Điều 54 Luật An toàn thực phẩm; Điều 34 và Điều 35 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP); đối với sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT quy định về truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm. Luật số 78/2025/QH15 quy định truy xuất nguồn gốc là **bắt buộc đối với sản phẩm có rủi ro cao** (Điều 6d), và theo Điều 22 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, mỗi bộ ban hành danh mục sản phẩm có rủi ro cao và lộ trình áp dụng; doanh nghiệp liên quan phải chia sẻ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm quốc gia (Điều 26). Đối với nông sản thu mua từ nhiều nông trại, hồ sơ lô hàng gắn với mã số vùng trồng là công cụ thực tiễn (Ngành rau quả: trái cây, rau và hoa).

Chứng nhận xuất khẩu và đăng ký tại nước ngoài

Việt Nam cấp chứng nhận cho thực phẩm xuất khẩu khi nước nhập khẩu có yêu cầu: mỗi bộ chỉ định cơ quan kiểm tra đối với sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của mình, và Bộ Nông nghiệp và Môi trường xử lý các lô hàng hỗn hợp (Điều 23 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP). Các bộ cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do, và Bộ Y tế còn cấp giấy chứng nhận y tế (từ Điều 37 đến Điều 39). Thủy sản xuất khẩu được chứng nhận theo Thông tư số 80/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực từ ngày 02/02/2026 (Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và thú y). Việc đăng ký nhà máy tại nước ngoài là một bước riêng: đối với Trung Quốc, **Lệnh số 280 của Hải quan Trung Quốc (GACC)** được áp dụng từ ngày 01/6/2026, và các nhóm sản phẩm như trái cây sấy khô và các loại hạt cần có văn bản đề xuất của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam. Quy định theo từng thị trường được trình bày tại mục trồng trọt và tại mục Xuất khẩu gạo, cà phê và các nông sản chủ lực.

Hợp tác xã với vai trò đối tác và tư cách thành viên của nhà đầu tư nước ngoài

Nguồn cung từ nông hộ nhỏ thường được tổ chức thông qua hợp tác xã theo **Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15**, có hiệu lực từ ngày 01/7/2024. Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân, có ít nhất **năm thành viên chính thức** (khoản 7 Điều 4). Thành viên chính thức góp vốn và sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã hoặc góp sức lao động, còn thành viên liên kết góp vốn chỉ góp vốn (khoản 17 và khoản 18 Điều 4). Là một tổ chức kinh tế đã đăng ký, hợp tác xã là thương nhân khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp chế biến, và có thể được tiếp cận tín dụng ưu đãi và hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (Điều 23).

Thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn có thể là công dân Việt Nam, **nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư** và pháp nhân Việt Nam, bao gồm cả tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (khoản 1 Điều 30). Thành viên nước ngoài phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường và điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh theo pháp luật về đầu tư (khoản 5 Điều 30), và tổng số tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân phải **dưới 35%** tổng số thành viên chính thức (khoản 7 Điều 30). Không thành viên chính thức nào được góp vốn vượt quá **30% vốn điều lệ**, tổng vốn góp của các thành viên liên kết góp vốn không được vượt quá 30%, và vốn phải được góp trong thời hạn sáu tháng (Điều 74). Do đó, nhà đầu tư nước ngoài không thể nắm quyền kiểm soát hợp tác xã: nhà đầu tư ký hợp đồng với hợp tác xã với tư cách là nhà cung cấp nguyên liệu của mình và, để tài trợ trang thiết bị dùng chung, tham gia với tư cách thành viên liên kết góp vốn hoặc cho thuê trang thiết bị (Tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài).

Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP

Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 quy định chính sách liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và được áp dụng như nhau đối với nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, dù có vốn đầu tư nước ngoài hay không (Điều 2). Điều 4 quy định bảy hình thức liên kết, từ liên kết toàn bộ chuỗi gồm cung ứng vật tư đầu vào, sản xuất, chế biến và tiêu thụ đến các hình thức kết hợp hẹp hơn. **Hợp đồng liên kết** được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện (Điều 5); doanh nghiệp hoặc hợp tác xã trực tiếp ký hợp đồng với nông dân là **chủ trì liên kết** và lập dự án liên kết (nếu có) (Điều 6).

Ngân sách nhà nước có thể hỗ trợ **100% chi phí tư vấn**, tối đa **300 triệu đồng** (Điều 7), **30% vốn đầu tư máy móc, trang thiết bị và kết cấu hạ tầng** như nhà kho, xưởng chế biến, tối đa **10 tỷ đồng** (Điều 8), cùng chi phí đào tạo, vật tư đầu vào, bao bì và nhân mức cho tối đa ba vụ, và tối đa 40% chi phí chuyển giao công nghệ (Điều 9). Để đủ điều kiện, liên kết phải phù hợp với quy hoạch của địa phương, các bên phải có hoặc cam kết đáp ứng tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, dịch bệnh và môi trường, hợp đồng phải có thời hạn tối thiểu **năm năm** đối với sản phẩm có chu kỳ từ một năm trở lên và **ba năm** đối với các trường hợp khác, và dự án hoặc kế hoạch liên kết phải được phê duyệt trước (Điều 11). Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp tỉnh thẩm định hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trong thời hạn 10 ngày làm việc (Điều 12); các quy định của Nghị định về thẩm quyền phê duyệt của cấp huyện cần được xác nhận với Sở Nông nghiệp và Môi trường do đơn vị hành chính cấp huyện đã bị bãi bỏ từ ngày 01/7/2025. Việc hỗ trợ phụ thuộc vào ngân sách cấp tỉnh, vì vậy đây không phải là quyền đương nhiên được hưởng. Các ưu đãi khác được trình bày tại mục Ưu đãi đầu tư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Hợp đồng bao tiêu nông sản và dự án đầu tư chế biến

Hợp đồng được điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự và, giữa các thương nhân, bởi Luật Thương mại (Hợp đồng thương mại tại Việt Nam). Đối với hợp đồng với hợp tác xã, phạt vi phạm chỉ có hiệu lực thi hành nếu có thỏa thuận và mức phạt không vượt quá **8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm** (Điều 301 Luật Thương mại), và khi các bên có thỏa thuận phạt vi phạm, bên bị vi phạm có quyền yêu cầu cả phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại (Điều 307). Đối với nông dân không đăng ký kinh doanh, hợp đồng có thể là hợp đồng dân sự, theo đó mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận được áp dụng (Điều 418 Bộ luật Dân sự); do việc xác định tính chất của hợp đồng chưa thống nhất, tốt nhất nên giữ mức phạt trong phạm vi 8%. Hợp đồng nên xác định các thửa đất và mã số vùng trồng (nếu có), số lượng, tiêu chuẩn phân loại chất lượng và việc kiểm nghiệm dư lượng, các khoản ứng trước vật tư đầu vào và cách khấu trừ, quy trình sản xuất, công thức giá (thường gồm giá sàn cộng với giá tham chiếu thị trường) thanh toán bằng đồng Việt Nam, sự kiện bất khả kháng và giải quyết tranh chấp.

Bán sản phẩm ra ngoài hợp đồng cho thương lái trả giá giao ngay cao hơn là rủi ro chính. Điều 15 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP quy định các biện pháp xử lý gồm buộc thực hiện đúng hợp đồng, phạt vi phạm, tạm ngừng thực hiện hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và bồi thường thiệt hại, và bên vi phạm hợp đồng liên kết được Nhà nước hỗ trợ sẽ mất khoản hỗ trợ và không được hưởng hỗ trợ trong thời hạn năm năm. Tranh chấp được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải, sau đó là trọng tài hoặc Tòa án (Trọng tài thương mại và VIAC), nhưng việc khởi kiện nhiều nông hộ nhỏ là không khả thi, vì vậy thanh toán đúng hạn, giá gần với thị trường, khoản thưởng gắn bó có thể bị mất khi vi phạm và bảo lãnh của hợp tác xã mới phát huy hiệu quả lớn hơn. Doanh nghiệp chế biến có vốn đầu tư nước ngoài không được nhận

chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của nông dân (Đất nông nghiệp và tích tụ đất đai). Chế biến là ngành, nghề ưu đãi đầu tư (Câu hỏi thường gặp số 34), trang thiết bị có thể được nhập khẩu miễn thuế (Câu hỏi thường gặp số 37), và doanh nghiệp chế biến có vốn đầu tư nước ngoài đồng thời nhập khẩu hoặc phân phối thực phẩm phải có giấy phép kinh doanh, được điều chỉnh từ ngày 18/10/2026 bởi Nghị định số 342/2026/NĐ-CP (Câu hỏi thường gặp số 95).

Danh mục kiểm tra dành cho doanh nghiệp chế biến nông sản

Các vấn đề cần giải quyết trước khi bắt đầu sản xuất; xác nhận từng vấn đề với cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh.

☐

Bộ quản lý

Xác định từng sản phẩm thuộc Phụ lục II, III hay IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

☐

Giấy chứng nhận

Xin cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc giấy chứng nhận hệ thống được công nhận; ghi lịch đề nghị cấp lại trước sáu tháng.

☐

Công bố sản phẩm

Tự công bố từng sản phẩm bao gói sẵn; đăng ký bản công bố đối với thực phẩm đặc biệt.

☐

Nhãn hàng hóa

Tuân thủ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; sử dụng hết nhãn tồn kho cũ trước ngày 23/01/2028.

☐

Truy xuất nguồn gốc

Lưu giữ hồ sơ lô hàng; kiểm tra danh mục sản phẩm có rủi ro cao của bộ quản lý.

☐

Xuất khẩu

Xác định các giấy chứng nhận cần có và đăng ký nhà máy tại nước ngoài, đối với Trung Quốc theo Lệnh số 280 của Hải quan Trung Quốc (GACC).

☐

Hợp đồng cung ứng

Điều khoản bằng văn bản về chất lượng, kiểm nghiệm, giá, ứng trước, phạt vi phạm trong phạm vi 8% và giải quyết tranh chấp.

☐

Hỗ trợ liên kết

Ký hợp đồng với thời hạn tối thiểu và được phê duyệt trước khi trông đợi vào khoản hỗ trợ.

Các quy định chính tính đến ngày 16/10/2026

Nội dung	Quy định	Căn cứ
Nghị định về an toàn thực phẩm	Áp dụng Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Nghị định số 46/2026/NĐ-CP tạm ngưng hiệu lực	Nghị quyết số 15/2026/NQ-CP
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Kiểm tra trong 15 ngày; thời hạn 3 năm; đề nghị cấp lại trước 6 tháng	Lệnh số 55/2010/QH12, Điều 36 và Điều 37

Nội dung	Quy định	Căn cứ
Miễn giấy chứng nhận	GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC hoặc FSSC 22000 còn hiệu lực	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 12
Tự công bố	Kinh doanh ngay; phiếu kết quả kiểm nghiệm trong vòng 12 tháng	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 4 và Điều 5
Đăng ký	21 ngày làm việc (thực phẩm bảo vệ sức khỏe); 7 ngày làm việc (sản phẩm khác)	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 8
Nhãn hàng hóa	Tên hàng hóa, tổ chức chịu trách nhiệm, xuất xứ và nội dung tại Phụ lục I; nhãn cũ được dùng tối đa 2 năm	Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, Điều 42 và Điều 98
Thành viên nước ngoài của hợp tác xã	Dưới 35% số thành viên chính thức	Luật số 17/2023/QH15, Điều 30
Vốn góp vào hợp tác xã	Thành viên chính thức tối đa 30%; tổng các thành viên liên kết góp vốn tối đa 30%	Luật số 17/2023/QH15, Điều 74
Hỗ trợ liên kết	Tư vấn tối đa 300 triệu đồng; 30% vốn đầu tư trang thiết bị, tối đa 10 tỷ đồng	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, Điều 7 và Điều 8
Phạt vi phạm giữa các thương nhân	Tối đa 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm	Luật Thương mại, Điều 301

VÍ DỤ MINH HỌA

Doanh nghiệp chế biến trái cây vốn Hàn Quốc thu mua thông qua hợp tác xã

Công ty 100% vốn của một tập đoàn Hàn Quốc xây dựng nhà máy trị giá 15 triệu USD tại một khu công nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long để sản xuất cơm sầu riêng đông lạnh và xoài sấy. Tất cả số liệu là giả định minh họa, không phải dữ liệu thị trường.

Cơ quan quản lý và giấy chứng nhận	Cả hai sản phẩm đều thuộc Phụ lục III (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Nhà máy được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cấp tỉnh vào tháng thứ 2 và chứng nhận FSSC 22000 vào tháng thứ 8, sau đó áp dụng trường hợp miễn theo Điều 12.
Sản phẩm và nhãn hàng hóa	Sáu sản phẩm trái cây sấy dành cho siêu thị được tự công bố và kinh doanh ngay; nhãn hàng hóa tuân thủ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.
Xuất khẩu	Nhà máy đăng ký với Hải quan Trung Quốc (GACC) theo Lệnh số 280 trên cơ sở đề xuất của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.
Nguồn cung	Hợp đồng năm năm với hai hợp tác xã (420 hộ) cho 3.000 tấn mỗi năm; giá sàn 12.000 đồng/kg, điều chỉnh hàng tuần theo giá tham chiếu thị trường; ứng trước 4 tỷ đồng.
Xử phạt	8% giá trị phần hàng không giao cộng thiệt hại được chứng minh, và khoản thưởng gán bó 3% bị mất nếu bán sản phẩm ra ngoài hợp đồng.

Phần vốn góp vào hợp tác xã	Góp 1,5 tỷ đồng với tư cách thành viên liên kết góp vốn, tương đương 25% vốn 6 tỷ đồng của một hợp tác xã, để đầu tư kho lạnh dùng chung.
Hỗ trợ liên kết	Đề nghị hỗ trợ 300 triệu đồng chi phí tư vấn và 30% vốn đầu tư một trạm thu mua trị giá 9 tỷ đồng (2,7 tỷ đồng), tùy thuộc vào ngân sách cấp tỉnh.

Việc nắm giữ phần vốn góp chi phối trong hợp tác xã sẽ vi phạm Điều 74 Luật số 17/2023/QH15; quyền kiểm soát nguồn cung đến từ hợp đồng, không phải từ tư cách thành viên.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp

Nghị định số 46/2026/NĐ-CP về an toàn thực phẩm có đang có hiệu lực không?

Không. Nghị định số 46/2026/NĐ-CP được ban hành ngày 26/01/2026 để thay thế Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, nhưng đã bị tạm ngưng hiệu lực, và Nghị quyết số 15/2026/NQ-CP ngày 06/4/2026 tiếp tục tạm ngưng hiệu lực của Nghị định này cho đến khi Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) và nghị định hướng dẫn thi hành có hiệu lực. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn thi hành tiếp tục được áp dụng.

Nhà máy có chứng nhận FSSC 22000 có cần giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm không?

Không. Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP miễn giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở có một trong các giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC hoặc FSSC 22000 còn hiệu lực. Nhà máy vẫn phải đáp ứng các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, vẫn chịu sự kiểm tra, và phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nếu chứng nhận do tổ chức tư nhân cấp hết hiệu lực.

Có phải mọi sản phẩm thực phẩm đều phải được phê duyệt trước khi bán tại Việt Nam không?

Không. Phần lớn thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn thuộc diện tự công bố theo Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và được kinh doanh ngay. Việc đăng ký bản công bố sản phẩm chỉ bắt buộc đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi và một số phụ gia thực phẩm.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có được tham gia hợp tác xã nông nghiệp không?

Có, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tham gia hợp tác xã nếu đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Tổng số tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân phải dưới 35% tổng số thành viên chính thức, và không thành viên chính thức nào được góp vốn vượt quá 30% vốn điều lệ (Điều 30 và Điều 74 Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15).

Mức trần phạt vi phạm 8% có áp dụng đối với hợp đồng bao tiêu nông sản không?

Mức trần phạt vi phạm 8% áp dụng giữa các thương nhân, chẳng hạn giữa doanh nghiệp chế biến và hợp tác xã, theo Điều 301 Luật Thương mại. Hợp đồng với nông dân không đăng ký kinh doanh có thể là hợp đồng dân sự, theo đó Điều 418 Bộ luật Dân sự cho phép các bên thỏa thuận mức phạt vi phạm, nhưng do vấn đề này chưa được xác định thống nhất nên mức phạt thường được giữ trong phạm vi 8%.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Dự thảo Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) dự kiến được trình xem xét tại kỳ họp Quốc hội từ ngày 17/10 đến ngày 20/11/2026; dự thảo của Bộ Y tế chuyển sang cơ chế hậu kiểm dựa trên rủi ro, chỉ yêu cầu đăng ký đối với thực phẩm có rủi ro cao hơn và quy định truy xuất nguồn gốc là bắt buộc đối với các thực phẩm này.
- Các bộ đang ban hành danh mục sản phẩm có rủi ro cao và lộ trình áp dụng truy xuất nguồn gốc bắt buộc theo Điều 22 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.
- Nhân và bao bì đã in theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP chỉ được sử dụng đến ngày 23/01/2028.
- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ trợ liên kết sau khi bãi bỏ cấp huyện vẫn cần được làm rõ thông qua thực tiễn của các tỉnh hoặc việc sửa đổi Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Food safety certificate	<i>Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm</i>	Giấy chứng nhận có thời hạn ba năm mà cơ sở thực phẩm phải có, trừ trường hợp được miễn.
Self-declaration of products	<i>Tự công bố sản phẩm</i>	Bản công bố do chính nhà sản xuất công khai đối với thực phẩm bao gói sẵn.
Registration of the product declaration	<i>Đăng ký bản công bố sản phẩm</i>	Thủ tục đăng ký trước đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thực phẩm đặc biệt.
Sub-label	<i>Nhãn phụ</i>	Nhãn bằng tiếng Việt được bổ sung cho hàng hóa nhập khẩu.
Electronic label	<i>Nhãn điện tử</i>	Nội dung nhãn được thể hiện qua mã QR hoặc phương tiện mang dữ liệu tương tự.
Traceability	<i>Truy xuất nguồn gốc</i>	Việc truy vết nguồn gốc và quá trình lưu chuyển của sản phẩm.
Associate capital-contributing member	<i>Thành viên liên kết góp vốn</i>	Thành viên hợp tác xã chỉ góp vốn.
Linkage contract	<i>Hợp đồng liên kết</i>	Hợp đồng liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Quy định về an toàn thực phẩm, ghi nhãn và hỗ trợ liên kết được áp dụng như nhau. Cá nhân nước ngoài cần có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (IRC) để tham gia hợp tác xã với tư cách thành viên góp vốn, tổng số thành viên nước ngoài phải dưới 35% tổng số thành viên chính thức, doanh nghiệp chế biến có vốn đầu tư nước ngoài cần có giấy phép kinh doanh để nhập khẩu hoặc phân phối thực phẩm, và không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của nông dân, trong khi doanh nghiệp Việt Nam được phép thực hiện việc này theo phương án đã được phê duyệt.

LƯU Ý

- Sử dụng thủ tục hoặc biểu mẫu theo Nghị định số 46/2026/NĐ-CP đang bị tạm ngưng hiệu lực.
- Để giấy chứng nhận GMP, HACCP hoặc FSSC 22000 hết hiệu lực, dẫn đến mất quyền được miễn.
- Nộp hồ sơ sai bộ khi sản phẩm nằm giữa danh mục của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và danh mục của Bộ Công Thương, chẳng hạn nước ép trái cây.
- In nhãn tồn kho không thể sử dụng sau ngày 23/01/2028.
- Phần vốn góp vào hợp tác xã vượt mức trần 35% hoặc 30%.
- Mức phạt vi phạm trên 8% và các khoản ứng trước vật tư đầu vào không có chứng từ, làm suy yếu các biện pháp xử lý đối với việc bán sản phẩm ra ngoài hợp đồng.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ: Nghị quyết số 09/2026/NQ-CP tạm ngưng hiệu lực Nghị định số 46/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 66.13/2026/NQ-CP (05/02/2026) — <https://baochinhphu.vn/tam-ngung-hieu-luc-va-dieu-chinh-thoi-han-ap-dung-nghi-dinh-so-46-2026-nd-cp-102260205184324295.htm>
- Cổng thông tin pháp luật thành phố Cần Thơ: Nghị quyết số 15/2026/NQ-CP ngày 06/4/2026 (tạm ngưng hiệu lực cho đến khi Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) có hiệu lực) — <https://pbgdpl.cantho.gov.vn/tam-ngung-hieu-luc-nghi-dinh-so-462026nd-cp-den-khi-co-luat-an-toan-thuc-pham-sua-doi-1>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ: bổ sung Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) vào Chương trình lập pháp năm 2026 — <https://baochinhphu.vn/bo-sung-du-an-luat-an-toan-thuc-pham-sua-doi-vao-chuong-trinh-lap-phap-nam-2026-102260116173546446.htm>
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: văn bản hợp nhất số 77/VBHN-BNNMT của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT và Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT — https://mae.gov.vn/noidung/Lists/VBQPPL/Attachments/655/77-VBHN-BNNMT%20Thong%20tu%2038%2017%2017%20Th%E1%BB%A9%20tr%C6%B0%E1%BB%9Fng_250903111028_-_04092025085425_signed.pdf
- Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường Lâm Đồng: văn bản Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 (Điều 42, 43, 52, 53, 97, 98 và Phụ lục I) — <https://chicucclcbpttt.lamdong.gov.vn/News/tintucsukien/2026/04/725.aspx>
- Hệ thống dữ liệu văn bản của Chính phủ: văn bản đã ký của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp — <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2018/07/98.signed.pdf>
- Văn bản Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (từ Điều 4 đến Điều 17, Điều 23, Điều 24, từ Điều 34 đến Điều 39 và các Phụ lục từ II đến IV), bản do Apolat Legal đăng tải — https://apolatlegal.com/wp-content/uploads/2025/05/Nghi-dinh-15_2018_ND-CP.pdf
- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, Điều 4, 23, 30 và 74 (văn bản không chính thức theo từng điều, hethongphapluat.com) — <https://hethongphapluat.com/luat-hop-tac-xa-2023/dieu-30>
- Báo Sức khỏe & Đời sống (cơ quan ngôn luận của Bộ Y tế), ngày 15/10/2026: dự thảo Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa 16 — <https://suckhoedoisong.vn/bo-y-te-tung-buoc-chuan-bi-nen-tang-trien-khai-quan-ly-dua-tren-tren-phan-tich-nguy-co-tai-du-an-luat-an-toan-thuc-pham-sua-doi-169261015200843887.htm>
- Tạp chí Công Thương (Bộ Công Thương): Thông tư số 80/2025/TT-BNNMT về chứng nhận an toàn thực phẩm đối với thủy sản xuất khẩu — <https://tapchicongthuong.vn/quy-dinh-tham-dinh--cap-chung-nhan-an-toan-thuc-pham-thuy-san-xuat-khau-392184.htm>